

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh Tây Ninh



Đức Thầy Hòa Thượng Hòa

BẢN TIN THẾ ĐẠO Thông Tin - Phổ Truyền Giáo Lý Đạo Cao Đài

Bản Tin Thế Đạo do Ban Thế Đạo Hải Ngoại chủ trương mỗi tháng một số nhằm mục đích phổ biến tin tức đạo sự và phổ truyền giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh. Đồng thời cũng thông tin truyền bá những bài giảng của các vị Tiên Bối Khai Đạo cho thế hệ hậu tấn hiểu về Đạo Cao Đài.

Ngoài ra, cũng nhằm mục đích giới thiệu phổ quát về Đời Sống - Sức Khỏe - Văn Học - Nghệ Thuật và Khoa Học ... trong cuộc sống con người. Cho nên, Bản Tin Thế Đạo rất được mong sự yểm trợ bài vở của quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ trong và ngoài Ban Thế Đạo.

Bài vở bao gồm: Thơ, Truyện ngắn, những tin tức từng địa phương Đạo Cao Đài nơi hải ngoại.

Mọi bài vở xin gửi về Ban Chủ Trương Bản Tin Thế Đạo.

BAN CHỦ TRƯỞNG

Chủ Nhiệm

Hoàn Nguyên

Email: tnndk4@gmail.com

(408) 823 - 6044

Chủ Bút

Hưng Quốc

Email: trivho@yahoo.com

(972) 978 - 6091

Tổng Thư Ký

Duy Văn

Email: duyvan2011@gmail.com

(408) 759 - 9339

Trưởng Trang Vườn Thơ Thế Đạo

Yên Hà

Email: usv_markdovo@yahoo.com

(770) 377 - 9264

TRONG SỐ NÀY

01. Ban Chủ Trương & Trong số này.
02. Chúc Mừng Năm Mới Ất Tỵ
(Ban Thế Đạo Hải Ngoại)
03. Mùa Xuân với Thơ Văn trong Đạo
(Hoàn Nguyên Sưu Tầm và Biên Soạn)
11. Tổng Hợp Những Giá Trị Độc Đáo của Đạo Cao Đài (HT Nguyễn Hữu Nghiệp Roserberg tháng 12/2024) (Tổng kết các bài viết của HT Nguyễn Đăng Khích, Trung Dung Đạo và HT Nguyễn Hữu Nghiệp)
27. Cao Đài Xuất Thế (HT Nguyễn Đăng Khích)
41. Vườn Thơ Thế Đạo
48. Chơn Thần hiểu theo Giáo Lý Cao Đài
(Trung Dung Đạo)
58. Giới Quy trong Đạo Cao Đài (Hưng Quốc)
64. Tạp Ghi và Phiếm Luận . Câu Đối Tết năm Ất Tỵ
(Đỗ Chiêu Đức)
73. Năm Ất Tỵ Tàn Mạn về Rắn (Duy Văn Biên Soạn)
88. Mùa Xuân Nào Cho Mẹ (Duy Văn)



Những cuốn sách hay nên đọc



CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Ất Ty * 2025

Nhân dịp Xuân mới Ất Ty về, Ban Thế Đạo Hải Ngoại
và Ban Biên Tập Tập San & Bản Tin Thế Đạo chân thành tri ân:

- Quý Chức sắc, Chức việc, Đồng Đạo và Thân Hữu

- Quý Trung Tâm Nha Khoa:

.*-NORTH JACKSON DENTAL GROUP

Nguyễn Hữu Tường DDS & Tô Mỹ Huệ, DDS
125 N. Jackson Ave, Suite 104, San Jose CA 95116

Liên lạc: Tel: (408) 923-8272

.*-SANDY DENTAL P.C

Trần Minh Khiết, DDS
1672 Mc Kee Road, San Jose CA 95116
Liên lạc: (408) 272-3999

-UNITED BODY SHOP COLLISION CENTER

525 Asbury St. San Jose CA 95110
Liên lạc: (408) 228-8855 * Cell: (408) 775-9990

Đã Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo
phổ truyền Giáo Lý Đại Đạo.

*Thành tâm Cầu chúc quý liệt vị được nhiều hồng ân của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu
cùng các Đấng Thiêng liêng:

Một năm mới Ất Ty 2025

An Lạc - Hạnh Phúc

Thành Tâm Kính Chúc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

***Ban Quản Nhiệm-*Ban Cố Vấn**

*** Ban Đại Diện/Đại Diện BTĐHN các nơi tại Hải Ngoại**



MÙA XUÂN VỚI THƠ VĂN TRONG ĐẠO

Trong một bài thi Đường luật Đức Chí Tôn ban cho Ngài Cựu hoàng Bảo Đại có câu:

“...Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,

Nam phong thử nhựt biến nhơn phong ...”

Đức Hộ Pháp thích nghĩa: “Hai câu này chúng ta hiểu rằng, Đức Chí Tôn muốn nói với Ngài Bảo Đại nền Quốc Đạo của Người, ngày nay đã thành Đại Đạo, trong chữ Đại Đạo bao trùm cả đức tin loài người, câu thứ nhì “Nam phong thử nhựt biến Nhơn phong” chữ phong không phải là gió, nó có nghĩa lý lắm! Phong đây là phong tục, Chí Tôn muốn nói phong tục nước nhà của Người sẽ làm nền phong hóa của loài người, hai câu ấy chúng ta nên đoán xét, suy gẫm coi Đức Chí Tôn vì thương mà quá lời không?...”

. Ý nghĩa của hai câu tiên tri này đã được Đức Hộ Pháp thuyết giảng rõ nơi sách Thuyết Đạo, quyển 2 năm 1948 (Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản năm 2016 tại Hoa kỳ trong Web: www.banthedaohaingoi.org). Thơ Đường luật là một trong những thể loại thi được Đức Chí Tôn

và các Đấng thường dùng để độ dẫn giới trí thức ưa chuộng văn chương thi phú, đưa dần vào đường đạo lý và cuối cùng khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

Cho đến nay, nền Đạo bước sang năm thứ 100, một cột mốc trọng đại, mặc dù

Đạo quyền bị thử thách gần 50 năm nay, Đạo vẫn như nhiên, đức tin của đồng Đạo vẫn kiên định, số tín đồ ngày càng đông hơn. Nền văn hóa Cao Đài dưới chế độ vô thần như bóng đèn dưới ngọn đèn leo lắt, nhưng vùng ánh sáng của nó vẫn lan tỏa ở hải ngoại. Thi văn ngoài đời cũng như trong cửa Đạo vẫn nở rộ. Điều này nói lên dòng chảy văn hóa nước nhà và văn hóa Cao Đài vẫn được duy trì và phát triển như hai câu thơ tiên tri của Đức Chí Tôn nêu trên.

Thi văn trong cửa Đạo, ngoài việc là thú tiêu khiển thanh tao, bảo vệ và phát triển văn hóa nhà Nam, còn có mục đích chính yếu là chuyển tải đạo lý, (*Văn dĩ tải Đạo*).

Trong phạm vi bài này, nhân dịp Xuân Ất Tỵ về, soạn giả xin trích dẫn một số thơ văn Xuân thời mở Đạo, có trên các Thi tập sưu tầm trong kinh sách Đạo và mạng Internet của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và chư Tiên Phật để đồng môn thưởng thức, chiêm nghiệm và thẩm thấu lý sâu trong những ngày Xuân nhựt.

***Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy;**

“Thầy các con, Thầy mừng các con.

Mặc dầu thời cuộc tang thương, thế trần biến đổi, Thầy cũng dành riêng một mùa Xuân ấm áp với vẻ đẹp thiên nhiên để bù sót lại những lúc Đông tàn giá rét, nắng Hạ đốt thiêu, mưa Thu ảm đạm. Thầy đến với các con một mùa Xuân mới. Các con hãy vui vẻ thưởng Xuân, đem Đạo Thầy truyền bá khắp nơi, đem hạt giống lành gieo rải lan tràn, và đem ân lành phổ cập cho tất cả con cái của Thầy cho chúng hiểu được lý Đạo, trở về hiệp nhứt cùng Thầy hầu tái lập cõi đời Thượng Nguơn Thánh Đức. Các con hãy hưởng một cái Xuân đầy ý nghĩa và nhân đạo.

*Rồi đây, Thầy sẽ cho **Phật Tiên Thánh Thân** đến giúp đỡ các con trong một mùa Xuân hành Đạo. Thầy ban ơn các con một mùa **Xuân**:*

*“**Xuân** sắc thiên nhiên vẻ lịch xinh,
Xuân phong đưa đón khách toàn linh,
Xuân hoa rực rỡ muôn màu đẹp,
Xuân cảnh thanh tao một tiếng kình.
Xuân nhựt nhựt tâm tình Tạo Hóa,
Xuân niên niên tải nghĩa quần sinh
Xuân xuân con hỡi! Mùa **Xuân** Đạo,
Xuân Đạo về mới dứt chiến chinh.”*

- Mặc dù, Đức Chí Tôn chia vui với Hội Thánh tức Thánh Thể của Ngài khi Xuân về, nhưng không quên phận sự chính chia sẻ độ người đời còn đang mê muội được thức tỉnh, cố công tu hành để trở về ngôi vị cũ, đó mới chính là mùa Xuân Đạo:

*“Xuân đến con vui với tiết xuân,
Hãy đem Đạo lý độ người trần,
Trong cơn mê muội xa ngôi vị,
Thức tỉnh lên đường học Thánh Nhân”*

.Tín đồ Cao Đài đều hiểu biết rằng :”Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi”, nhưng lễ bái ngày Xuân đầu năm thì đặc biệt hơn, được hưởng ân lành của ơn trên hơn, được quan phòng và vững niềm tin trong năm mới:

“Thầy rất vui nhìn thấy các con đến chào Thầy trước giờ xuân sang, để cùng nhau hưởng hồng ân Thầy dành sẵn cho các con, cũng như Thầy hằng ngự nơi chánh tâm mỗi trẻ:

*“Thầy dành cho trẻ một mùa Xuân,
Đi lại trần gian xóa khổ trần,
Như lý Đạo màu đang cứu cánh,
Cho đời thuần túy nét thanh tân.”*

-Đức Chí Tôn cũng vui với cái đẹp của mùa xuân đến ở thế gian:

*“Trải qua những tiết Đông Thiên,
Ngày Xuân sắp đến chân liền bước sang.
Những thoi trắng đỏ xanh vàng,
Điểm tô thêm nét trùng hoan cõi trần.”*

-Tuy nhiên, Đức Chí Tôn cũng lưu ý con cái Ngài: Xuân đời và Xuân Đạo khác nhau. Người đời ví tuổi còn trẻ như tuổi Xuân, rồi già đi và không bao giờ trẻ lại được (Xuân đời); “*thanh xuân bất tái lai*” là vậy. Chỉ có Xuân Đạo là miên trường, chúng ta hãy lợi dụng xác thân một kiếp ngắn ngủi này để tạo một đời sống xác thân thiêng liêng miên viễn (Xuân Đạo):

*“Đời gọi rằng Xuân bất tái lai,
Tuổi Xuân đã mãn đến già ngay;
Bởi đời ảnh hưởng theo danh lợi,
Còn Đạo vun bồi âm chất dày.
Vật chất hết Xuân khô héo rụi,
Tinh thần đạo đức mãi Xuân hoài;
Xuân Đời Xuân Đạo Thầy phân rõ,*

Tự chọn mỗi con chó để sai”.

*“Lắm kẻ còn **Xuân** chẳng tiếc **Xuân**,
Tạo thành nghiệp dữ biết bao lần.
Chớ quên máy Tạo nên mẫu nhiệm,
Vay trả đồng cân thế chuyển luân”.*

***Đức Diêu Trì Kim Mẫu (DTKM) dạy Đạo mùa Xuân về:**

- Thế gian ca tụng vẻ đẹp của Trời đất vạn vật Xuân về . Đức Diêu Trì Kim Mẫu, đấng Mẹ Sanh của muôn loài, đã phác họa một nét đẹp của mùa Xuân:

*“Vạn vật mong chờ một **Chúa Xuân**,
Dem về muôn vẻ đẹp **màu Xuân**;
Hồng lô tuyết điểm hoa treo ngọc,
Thượng uyển hương nồng hạc **múa Xuân**”.*

- “Hàng sống là nơi căn cội của các con. Vậy các con cũng chẳng nên quyền luyến thế đời mà quên cữ vị nghe! Mẹ mừng đặng thấy các con hội hiệp với nhau. Vậy các con hãy nắm tay nhau cho chặt chẽ, đi cho vững. Mẹ ban ơn cho cả Nam Nữ.

THI

*“Lượng sống đời kia khó định chừng,
Vườn **Xuân** khô lá khó trông **Xuân**.
Hiên mai gió tạt nghiêng rèm hạnh,
Giậu tối Trăng soi đổ bọt trần.
Tiếng hạc kêu vui xa thăm thẳm,
Hơi quyên chào thăm lóng gần gần.
Chờ xem thế cuộc tùy duyên phận,
Đừng tính đeo mang gánh nợ trần”.*

- “Các con hãy nhìn xem vạn vật trên thế gian. Loài thảo mộc, những cây non cỏ dại, dầu sớm mọc chiều tàn, nhưng cũng vẫn đua đòi tiến bộ theo luật thiên nhiên để đơm hoa kết quả, chó nào phải riêng cho tòng bá xanh tươi, cỏ thụ rườm rà mới có đầy đủ sự sanh trưởng đâu con!”

*“An hưởng trời **Xuân** ngắm cả hoa,
Hòa theo nhạc gió, gió **Xuân** hòa.
Thánh tâm mới biết đường siêu đọa,
Nữ đạo làm sao rạng Đạo nhà.”*

*“Xuân đến trong lòng khách thưởng Xuân,
Thưởng Xuân mới biết vẻ thanh tân;
Non cao sừng sững trời xanh biếc,
Biển rộng bao la nước trắng ngần.
Tòng bá vẫn quen đường tuế nguyệt,
Kình ngư hẳn dạn cuộc phong vân;
Chuyển luân một loạt cho Xuân đến,
Xuân đến trong lòng khách thưởng Xuân*

- Đồi là vô thường, nhục vinh, sướng khổ, giàu nghèo, đen trắng, thương ghét . . .
nhưng Xuân vẫn như nhiên, vẫn trăm hoa đua nở, điểm sắc khoe màu cống hiến cho
đời thưởng thức:

*“Đồi dâu có đảo điên hơn nữa,
Xuân vẫn vẻ vẫn hứa non sông;
Sắc hương tỏa khắp đại đồng,
Cho con cái Mẹ trọn lòng thưởng xuân”.*

***Hòa điệu với Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng cũng chia sẻ
về Xuân và chỉ rõ chỉ có “Tâm Xuân mới thật Xuân”**

-Xuân về lắm kẻ giàu sang trà dư tửu hậu, tiêu tốn hàng triệu lễ lộc pháo lân; tương
phản lại cũng có những mảnh đời thiếu thốn, nghèo đói, đau khổ vì chiến tranh . . .

-Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Đang lúc Xuân về với thế gian,
Đì ùng pháo nổ tiếng rền vang;
Rượu trà bạn tác vui ngoài mặt,
Ai biết bên trong lắm rộn rang.”*

- Đức Quan Thế Âm cũng dạy về mùa Xuân Đạo như sau :

*“Xuân về ý Đạo cũng theo về,
Cảnh vắng, lòng thành, dứt mọi mê;
Tiếng gọi Thiêng Liêng vắng vắng đó,
Gọi nhuần ân phước cả muôn bề”.*

-Và đời người ngắn như giấc mộng, Đức Ngài khuyên hãy tỉnh giấc . . .

*“Năm tháng qua rồi xuân lại sang,
Xuân về xoa dịu nỗi bi quan;
Ai ơi có thấy đời là mộng,
Thấm thoát làn tay đếm chuỗi tàn”.*

“Tàn một giấc Nam Kha ảo mộng,

*Trăm năm nào đặng sống trăm năm;
Phú bản, vinh nhục, buông cầm,
Mỗi mòn xác thịt, đọa trầm hồn linh”.*

- **Một số thơ Xuân trong Thi văn dạy Đạo trong Thánh Ngôn Hiệp tuyên:**

Vịnh Mai

*Mai là cốt-cách liễu tinh-thần,
Thi thiệt hồn mai, tuyết ấy trần.
Mai tuyết không thi mai tuyết nã,
Thi không mai tuyết thể không **xuân**.*

*Mai đeo tuyết ngọc biết bao lần,
Tuyết vẽ mây mai thắm-thía xuân.
Xuân có tuyết mai xuân hiệp tuyết,
Tuyết mai vầy bạn xúm chào **xuân**.*

*Cũng đồng địa-vị cũng đồng đường,
Hứng tuyết tìm mai dưới giọt sương.
Mai tuyết hiệp đôi mai tuyết đẹp,
Tuyết giành trong sạch, mai giành hương.*

*Liễu-Huệ nhuần sương Liễu-Huệ tươi,
Chiều **Xuân** nguyệt rạng vẻ hoa cười.
Màn Trời mây khỏa muôn sao ló,
Thuyền Đạo buồm treo một sắc phơi.
Cội trước gió đưa hơi nấn khách,
Rừng tòng khách giục cảnh chờ người.
Lần theo bước rạng non Thần đến,
Chớ luyến phồn-hoa lụy đến nơi”.*

*“Chẳng phải **Xuân** này mới thấy **Xuân**
Vì chung ngọc lộ mới nên mình
Cung đoài gác bóng hồn non nước
Cửa khám rời thân nghiệp thấu chãng
Định vững trí thành nên đẹp thể
Dù an tâm đức mới xinh trần
Giữ phương Pháp Chánh trau Thiên thể*

Cực lạc phàm gian sẽ kiến lân”.

- **Đức Thượng Phẩm** ban cho bài thi Xuân đầy ý vị:

*“Chỉ có **Xuân** thì biết thương **Xuân**,
Xuân còn nhớ lại cảnh năm Dân,
Lưng trời Bạch Hạc bay vi vút,
Mặt đất Thần Tiên luận nghĩa ân,
Mở khóa người đời tìm Thánh Đức,
Trau giũa kẻ sĩ học hiền nhân,
Thiên Đàng lòng vẫn bâng khuâng nhớ,
Trần thế còn chăng khách thương **Xuân**?”.*

*** Đức Hộ Pháp giảng về Ý nghĩa Ngày Xuân:**

“Ngày xuân nói đến tiếng xuân, miệng nói tiếng xuân là nói tiếng sống, vạn vật ngày xuân này là sống là ngày phục sinh. Qua mơ ước tâm hồn của cả thầy trong một năm già cõi, trong lúc xuân đến, cây cối nở lá nở bông, tốt tươi trở lại, tức nhiên là được phục sinh lại thì cả tâm hồn của chúng ta cũng phục sinh như thế.

Mấy em suy gẫm cái thân sanh của chúng ta là đồng sanh với vạn vật, mà vạn vật đã phục sinh thì thân hình của chúng sanh, của chúng ta, của cả thầy Nam, Nữ cũng đồng phục sinh lại. Tâm hồn của chúng ta trong một năm mờ mịt, khổ não, nhọc nhằn, trong cảnh tang thương trần thế, nay xuân về, mấy em đến nhà Đại Từ Phụ, tức là Suối Vĩnh Sanh của tâm hồn mấy em. Qua thành tâm cầu xin Đại Từ Phụ ban ơn cho mấy em được phục sinh trong Thánh chất của Người.

Chắc chắn cả thầy đều được hạnh phúc hiển nhiên, đương thời hay là cảnh xương tàn cốt rủ vì đã được hồng ân của Chí Tôn ban cho về già, tức là dưới thế này sẽ được an nhàn cả tâm thần và hình thể. Mong sao cả thầy được mau phục sinh mới trong Thánh chất của Chí Tôn đó vậy”

-Đức Hộ-Pháp

Bắc-du Đồng-bào đại đoàn kết (1950)

Non nước hồn thiêng đã tỉnh dân,

*Xuân Thu xưa, nay đổi Thu Xuân.
Nam-Phong đở vững xa-thơ Hán,
Bắc tục xô nghiêng đánh nghiệp Tần.
Bác-ái là đề thi tiến-hóa,
Nghĩa nhân ấy mục định duy tân.
Thiên thời, địa lợi đôi đều sẵn,
Chỉ thiếu hòa nhân để hiệp quân.*

* **Thay lời kết luận**, người soạn bài này xin trích dẫn đoạn Thánh giáo của Đức CHỈ TÔN dạy trong ngày đầu năm Kỷ Tỵ (10/2/1929) để làm phép hăng tâm trên đường tu học:

“Ôi! Xuân tàn rồi Xuân đến, cái Xuân của người đã rập lụn hao mà rồi cái Xuân của trời đất nước non cũng chưa chắc là vô cùng tận. Các con nếu biết chịu khổ tâm, biết dày vò tình thế, biết chịu kém sút trong nẻo lợi đường danh, biết chịu thiệt mình màặng cho kẻ khác, biết đổ lụy để cho kẻ vui cười, biết nhọc nhằn trong kế sinh nhai, biết giữ tâm trí cho thanh bạch, đừng như bọn của chẳng nên dùng, biết động mối từ tâm, thương người hơn kẻ mình thì là các con được tắm gội hồn trong mà về cùng Thầy đó. Nét nào chưa vẹn, khá biết sửa lần chớ nên trì hoãn.”./.

Hoàn Nguyên

Sưu tâm và Biên soạn

***Tài Liệu Tham Khảo:**

- 1- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - Thi Văn Dạy Đạo (Hội Thánh)
- 2- Thánh Ngôn Sưu Tập (HT Nguyễn Văn Hồng)
- 3- Thi Văn Dạy Đạo (Web:Tủ Sách Đại Đạo)



Thiên Lâm Cổ Tự (Chùa Gò Kén)

TỔNG HỢP CÁC GIÁ TRỊ ĐỘC ĐÁO CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Bài viết này tổng kết những giá trị độc đáo của Đạo Cao Đài từ các bài viết của nhiều soạn giả đã viết về lãnh vực này. Chúng tôi sẽ lần lượt trình bày:

- Sơ lược về Cao Đài
- Những nét độc đáo về nội dung giáo lý
- Những nét độc đáo về hình thức
- Nhận định về một con đường tâm linh
- Kết luận: sống và tu trong an nhiên tự tại

I.*- Sơ lược về Cao Đài

Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được thành lập năm 1926 tại chùa Gò Kén, xã Long Thành Trung, Quận Hòa Thành (Phú Khương cũ) tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Trong gần một

trăm năm qua, Cao Đài đã trải qua nhiều thăng trầm và hiện có hàng triệu tín đồ trên thế giới. Vì chiến tranh, chính trị, và việc tranh giành quyền lợi giữa các đoàn thể cũng như do tham vọng đen tối của vài cá nhân, Cao Đài có lúc tạm thời bị chìm đắm trong bóng tối nhưng cốt lõi tinh hoa của giáo pháp vẫn được bảo tồn vững chắc. Tiềm năng phát triển của Cao Đài rất lớn nếu mọi người hiểu thấu đáo tận tường những điểm độc đáo của Đạo.

II.*- Những nét độc đáo về nội dung giáo lý của Cao Đài

Đây là những đặc điểm chính yếu có thể biện minh cho sự sáng lập Đạo Cao Đài.

1. Dùng cơ bút để trực tiếp truyền giáo pháp

Đức Chí Tôn nói rõ là các tôn giáo đã khai mở từ trước cũng là ý muốn của Ngài bằng nhiều hình thức chiết Chơn linh giáng trần hoặc cho một Đấng cao trọng thay mặt Ngài mở Đạo. Các vị Giáo chủ này khi xuống thế mang xác phàm nên truyền đạo có nhiều trở ngại:
-*Ngôn ngữ*: chỉ sử dụng tiếng nói địa phương hoặc trong nước mình mà thôi.
-*Địa lý*: thời xưa việc đi lại khó khăn nên phải cần thời gian dài có khi vài trăm năm, lúc vị Giáo chủ không còn nữa thì mỗi Đạo mới được truyền ra nước khác.
-*Văn tự ghi chép*: các vị Giáo chủ dạy Đạo thường là khẩu truyền, về sau các đệ tử tập kết lại, cho nên không chính xác lắm với lời của vị Giáo chủ đó dạy. Việc các vị đại đệ tử Đạo Phật có mấy lần lập Đại hội để tập kết lại những lời Phật dạy đã minh chứng điều đó.

Truyền giáo pháp qua cơ bút bảo tồn được giá trị trung thực của giáo pháp truyền thụ trực tiếp từ Đấng Tối Cao.

Qua chuyển động của cơ bút các đồng tử dùng bút viết ra những điều họ cảm nhận được từ Đấng Tối Cao. Giáo pháp do chính Đức Chí Tôn truyền đạt. Những điều các đồng tử viết ra có giá trị như “Kinh” của Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, v.v. Trong Cao Đài, các Kinh đó là Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Pháp Chánh Truyền, Kinh Thiên Đạo, Kinh Thế Đạo, v.v.

Làm sao chúng ta tin được các tài liệu thông đạt qua cơ bút là từ Đấng Tối Cao chứ không phải từ tà mị ma quỷ, là những thần ngã gian ác hung dữ?

Chúng ta căn cứ vào quá trình tinh khiết, trang nghiêm của việc thông đạt và giá trị của nội dung được truyền đạt.

Quá trình dùng cơ bút trong Cao Đài có sự tinh khiết trong việc thông đạt. Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

“Trước khi thủ cơ hay là chấp bút, (đồng tử) phải thay y phục cho sạch sẽ, trang hoàng, tắm gội cho tinh khiết, rồi mới đứng đến trước Bửu Điện mà hành sự; chớ nên thiếu sót mà thất lễ. Nếu chấp cơ thì phải để ý thanh bạch, không đứng tưởng đến việc phàm. Tay chấp cơ cũng phải xông hương khử trừ, tịnh tâm một lát, rồi phải để tinh thần tinh tấn mà xuất



ngoại xác đến hầu dạy việc. Phải có một Chơn Linh tinh tấn mới mầu nhiệm, huyền diệu, phải trường trai mới đặng linh hồn tinh tấn; phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật, mới phò cơ dạy đạo cả chúng sanh. Kể phò cơ, chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường. Lúc thủ cơ hay là chấp bút đồng tử phải để cho thân, tâm tịnh mới xuất Chơn Thần ra khỏi phách, đặng đến hầu Thầy nghe dạy.”

Danh từ “Thầy” là danh xưng của Đấng Chí Tôn.

Về giá trị nội dung được truyền đạt, có những tiêu chuẩn để chúng ta phân rõ chánh tà. Thánh Ngôn viết:

“Trả lời theo số, đáp đúng lời nguyện thâm” không riêng Tiên Phật làm được, ma quỷ cũng làm được còn có thể làm hay hơn nữa.

Đây là chìa khoá vàng phân rõ chơn giả: Trong lời dạy, Tiên Phật dạy chơn lý tự nhiên, và dạy những việc chánh lý, đạo đức, từ bi, tuyệt nhiên không dạy việc mơ hồ, huyền hoặc. Các vị này không bao giờ khoe khoang hay miệt thị, cũng không thích khen tặng ai. Nếu cần khích lệ người có công hành đạo, Thần Tiên và Phật dè dặt từng chút để người được khích lệ không áy náy vì có tính khiêm cung, cũng không tự đắc nếu có tính kiêu căng. Khi dạy điều

gì, các vị không bao giờ tỏ vẻ hăm he sai khiến, mà để người nghe tự do suy liệu. Thần Tiên Phật chỉ giúp chúng ta trên đường đạo đức chứ không giúp về danh lợi tư riêng. Các vị này cho biết trước việc chi thì trước sau gì việc ấy cũng xảy ra vì họ không hý ngôn. Thần Tiên Phật không thông đạt vì tánh háo danh của người phạm tục, hoặc mong cầu ai tin.”

2. Giáo pháp được tổng hợp từ nhiều Đạo

Theo chủ trương “Tam giáo quy nguyên” giáo pháp Cao Đài là **sự tổng hợp tinh hoa giáo lý của ba tôn giáo lớn Khổng, Lão, và Phật.**

Gọi là tổng hợp chứ không phải là cộng hợp (tức gộp lại một cách không quy củ) vì hai lý do.

(a) Thứ nhất, *tổng hợp theo tinh thần “Tam giáo quy nguyên” là quy về một nguồn gốc*, loại bỏ chỗ rườm rà, lỗi thời và cô đọng các tinh hoa nguyên thủy của Tam Giáo thành một mối. Tổng hợp khác với cộng hợp là nghĩa này.

Kinh Cao Đài có câu,

“Kim ngưỡng, cổ ngưỡng.

Phổ tế, tổng pháp tông.”

Nghĩa là, xưa cũng như nay, mọi người nhìn lên kính ngưỡng. Kính ngưỡng gì? Kính ngưỡng một giáo pháp tổng hợp các nền giáo lý đã có xưa nay. Nên nhớ, các giáo lý trong Tam giáo (Nho, Lão, và Phật) cũng đều do một đấng tối cao lập ra, tức Đức Chí Tôn. Ngài đã dựng lập các giáo lý của Tam giáo hợp với mỗi địa phương thời trước vì đi lại khó khăn, ngôn ngữ riêng biệt nên dễ thất truyền. Nay xã hội đã đổi mới chính Ngài tổng hợp lại.

(b) *Tổng hợp chứ không là cộng hợp vì do chính một thực thể cải tiến các giáo lý cũ.* Cái hay từ Tam giáo, theo bài Khai Kinh là:

“Trong Tam giáo có lời khuyên dạy,

Gốc bởi lòng làm phải làm lành.

Trung dung Khổng Thánh chỉ rành,

Từ Bi Phật dạy lòng thành lòng nhơn,

Phép Tiên đạo tu chơn dưỡng tánh.”

Tam giáo do “Một cội sanh ba nhánh in nhau.” Một cội là Đức Chí Tôn, không nên lầm tưởng là ba nguồn mà sanh tâm chia rẽ.

(c) *Lý do thứ ba để gọi là tổng hợp chứ không phải cộng hợp là việc kết hợp chặt chẽ tinh túy của Tam Giáo.*

Trước hết cần hiểu rõ cơ cấu tổ chức Hội Thánh Cao Đài.

Theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Hội thánh có hai cơ quan chánh là Cửu Trùng Đài (CTĐ) và Hiệp Thiên Đài (HTĐ). Cửu Trùng Đài là xác tức Đồi, Hiệp Thiên Đài là hồn tức Đạo.

Đứng đầu Cửu Trùng Đài là Đức Giáo Tông diu dắt tín hữu về phần Đồi. Tuy Đức Giáo

Tông là anh cả có quyền thay mặt cho Đấng Tối Cao mà diu dắt cả tín đồ nhưng ngài chỉ có quyền về phần xác, chứ không có quyền về phần hồn. Tuy vậy ngài có thể thông công cùng các Đấng Thiêng liêng để cầu rỗi cho cả tín đồ.

Cơ quan thứ nhì là Hiệp Thiên Đài do Đức Hộ Pháp đứng đầu diu dắt tín hữu về phần Đạo. Giáo Tông là nhịp cầu giao tiếp giữa các tín hữu và các đấng thiêng liêng. Theo luật công cử, những ý kiến của tín hữu (về luật Đạo) được đạo đạt lên Giáo Tông qua nhiều cấp bậc. Cấp cuối cùng là các vị Đầu Sư để đưa lên Giáo Tông.

Để thông công với các đấng Thiêng liêng, Đức Giáo Tông phải đến Hiệp Thiên Đài là cơ quan đảm trách phần thiêng liêng. Những điều luật Giáo Tông cho áp dụng phải có dấu ấn chuẩn thuận của ba vị Chương Pháp của CTĐ làm phận sự HTĐ. Ba vị Chương Pháp này qua nhiều giai đoạn công cử phải thực sự có tài cao đức trọng và thông suốt giáo lý của Tam Giáo (Khổng, Lão, và Phật). Thứ tự công cử là Lễ Sanh lên Giáo Hữu, Giáo Hữu lên Giáo Sư, Giáo Sư lên Phối Sư, Phối Sư lên Đầu Sư, Đầu Sư lên Chương Pháp. Muốn lên bậc trên phải được tất cả các vị đồng bậc công cử. Do đó mà mọi điều luật (được chuẩn thuận) ban hành phản ảnh sự hòa hợp chặt chẽ giáo lý của Tam Giáo.

Tuy Tam Giáo có tên gọi và hình thức như ba nhánh khác nhau, đối với Đức Chí Tôn lại xem như quy về một mối. Theo Pháp Chánh Truyền, “*Pháp luật Tam Giáo tuy phân biệt nhau song trước mắt Thầy vẫn coi là một.*” Điểm kết hợp chặt chẽ này nói lên sự tổng hợp trong tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên.” Tuy ba mà một chứ không phải là ba nhánh riêng rẽ.

Tôn giáo Cao Đài giữ lại những điều căn bản giống như ba đạo Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo nhưng không phải là giáo lý của ba tôn giáo nhập chung lại mà Đạo Cao Đài có những điều riêng biệt mới mẻ phù hợp với văn minh nhân loại hiện nay và bổ sung thêm những phần ba đạo chưa nói rõ.

3. Tu theo “Ngũ chi hiệp nhất” là lối tu tổng hợp và đơn giản

Điểm đặc biệt thứ tư là đường lối tu đơn giản theo chủ trương “Ngũ chi hiệp nhất.”

Ngũ chi là 5 giai đoạn tu: Nhân đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo.

Hiệp nhất là hợp các cách tu của các Đạo thành một con đường tu hành thống nhất và đơn giản. Con đường này, nếu đi trọn vẹn, sẽ giúp người tu được sống hạnh phúc, hoà hợp với mọi người xung quanh, sống an nhiên tự tại, nhận rõ được con người thực của mình, và vĩnh viễn thoát mọi cảnh khổ.

Nhân đạo đặt căn bản trên Ngũ giới cấm, Tứ đại điều qui để giữ mình theo chính đạo và sống hài hòa với mọi người xung quanh.

-*Ngũ giới cấm*: (1) Không giết hại sinh vật, (2) Không trộm cướp, (3) Không tà dâm, (4) Không uống rượu và (5) Không nói sai sự thật. Giữ 5 giới cấm, một người sẽ được an vui hạnh phúc và sống hài hòa với người xung quanh.

-*Tứ đại điều qui* gồm: (a) Phải tuân lời dạy của bề trên, (b) Chớ khoe tài dưng cao ngạo, (c) Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả, (d) Trước mặt sau lưng, cũng đồng một bực. Tuân được tứ đại điều qui, mọi tín hữu sẽ sống hòa hợp bình đẳng với nhau.

Căn bản của Nhân đạo còn gồm thêm các qui điều của Khổng giáo là Tam Cang (bốn phận trong tương quan vua tôi, con cái và cha mẹ, vợ chồng), và Ngũ Thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) để tạo một xã hội bác ái đại đồng trong trật tự. Tương quan vua tôi thời nay được hiểu là cần có trách nhiệm với chính mình và có bốn phận đối với xã hội. Chủ trương “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” phải áp dụng cho cả người nam lẫn người nữ để thích ứng với thời hiện đại.

Thần đạo là quá trình tạo lập Thần lực, một sức mạnh tinh thần mà người bình thường ít có được.

Thần là kết quả quá trình chuyển hoá vật chất (Tinh) thành năng lượng (Khí) lúc đạt mức cao cấp nhất. Quá trình này xảy ra liên tục, nếu ngưng lại là chết. Người có Thần dồi dào sẽ tạo được một sức mạnh tinh thần vững mạnh (Thần lực).

Có thần lực mới có sức mạnh tinh thần để thắng khổ là mục đích của Thần Đạo. Chữ khổ là đề mục của khoa học trường đời, phẩm vị Hiền, Thần, Thánh, Tiên, Phật, là ngôi vị của trang đặc cử. Chữ Hiền đây là “Hiền nhân” trong Nhân Đạo. Đức Hộ Pháp trong bài thuyết giảng về Ngũ Chi Đại Đạo năm 1928 cho biết sứ mạng của 5 ngôi vị này như sau:

*Phật, vì thương đời, mà tìm cơ giải khổ.
Tiên, vì thương đời, mà bày cơ thoát khổ.
Thánh, vì thương đời, mà dạy cơ thọ khổ.
Thần, vì thương đời, mà lập cơ thắng khổ.
Hiền, vì thương đời, mà đạt cơ tòng khổ.*

Thánh đạo là tinh thần kiên trường thọ khổ để cứu giúp chúng sanh.

Thần lực đạt được trong việc tu thần đạo giúp sức mạnh để thọ khổ và cứu khổ chúng sanh. Như được giải thích trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, “*Phải dạy người ta biết thọ khổ để thắng khổ - Muốn dạy người ta thọ khổ, trước hết mình phải thọ khổ đã. Muốn thọ khổ thì không gì hay bằng Đức Thương Yêu. Có thương yêu mới thọ khổ được.*”

Tu thánh đạo mặc nhiên du nhập giáo pháp Ki tô vào ngũ chi. Tình thương là tinh thần cốt lõi của chi Thánh đạo.

Tiên đạo nhận rõ cuộc sống thế gian vô thường, hư ảo. Tiên đạo chủ trương thoát trần, không cần danh, lợi, hay dính mắc bất cứ một thứ gì, hoàn toàn thoát khỏi ràng buộc của thế gian, sống thong dong, an nhiên tự tại. Đức Lão Tử chủ trương dùng Huyền diệu pháp, luyện Tam Bửu Ngũ Hành tu Tiên đặc Đạo.

Phật đạo nhận định giải thoát là trở về “quê xưa”, là kết nối với và sống trong bản thể nguồn cội của vũ trụ. Phật pháp nói rõ vạn pháp do Tâm tạo. Ngôi vị cũ của mình ở trong Tâm, vậy Tâm là gì? Là một bản thể không thể luận bàn. Nếu phải giải thích theo tận lý chúng ta có thể nói, “Tâm không là một vật, Tâm vốn luôn thanh tịnh, không lay động, không sinh diệt,

có đầy đủ mọi quyền năng (sáng tạo, phối hợp, vận hành, v.v.), có thể soi thấu tận lý mọi vật mọi việc, ứng biến khắp mười phương, tạo muôn hạnh lành.” Mọi vật, mọi việc xung quanh chúng ta từ vô hình tới hữu hình đều do “Tâm” sinh ra. Đó là bản thể của mọi người và của vũ trụ. Giải thoát là nhận ra mọi vật mọi việc xung quanh ta là tạm bợ và không thật, buông bỏ tất cả để “trở về quê xưa” tức hòa nhập vào nguồn cội chân thật: chân Ngã, chân Tịnh, chân Lạc, chân Thường. Phật pháp có những pháp tu đại thừa giúp người tu trở về “quê xưa.”

4. Một lối tu cho mọi người

Tu mà sống một cách bình thường là đặc điểm thứ tư của Cao Đài.

Tu theo Đạo Cao Đài là nhập thế làm việc sinh sống bình thường nhưng dành thì giờ rảnh tham gia việc đạo phục vụ chúng sanh.

Tu từ từ theo điều kiện và khả năng phù hợp với hoàn cảnh của mọi người tuân thủ luật pháp của Đạo.

Chữ “tu hành” khiến đa số nghĩ đến việc sống khắc khổ, nép mình trong nhiều qui luật rườm rà. Thật ra, tu hành trong Cao Đài chỉ là theo cuộc sống bình thường như mọi người. Dĩ nhiên, “tu” có nghĩa là sửa đổi cho tốt hơn, “hành” là phải hành động.

Tuy nhiên, tu hành không phân biệt giữa người tu và người thường. Người tu bên ngoài vẫn sống bình thường như mọi người nhưng bên trong hằng ngày vẫn dốc lòng sửa đổi hành vi, lời nói, cách sống cho tốt hơn, thí dụ tuân Ngũ giới cấm, giữ Tứ đại điều qui.

Tu hành không phân biệt giữa người tu bình thường và người tu “chuyên nghiệp” – không cần ly gia, đoạn ái, xuống tóc, vào chùa. Người tu vẫn có gia đình, có con, có công việc sinh sống hằng ngày, và ăn mặc thông thường như mọi người.

Tuy nhiên dưới cái vẻ bình thường bên ngoài như tất cả mọi người, người tu luôn tâm niệm vững bước theo đường tu, biết rõ mình đang ở giai đoạn của chi nào và luôn chuyên cần tinh tấn sửa mình qua từng chi.

Ngoài ra, trong Cao Đài có sự bình đẳng giữa người nữ và người nam. Người nữ cũng có những phẩm vị chức sắc như người nam. Thí dụ có phẩm vị Đầu Sư, v.v. như bên Nam phái. Tuy chức sắc Nữ phái chỉ từ Đầu sư trở xuống, nhưng bù lại số lượng “không giới hạn”, còn số chức sắc Nam phái lại có giới hạn: 1 Phật (Giáo tông), 3 Tiên (Đầu sư), 36 Thánh (Phối sư), 72 Hiền (Giáo sư), và 3,000 Đồ đệ (Giáo Hữu).

Việc tu hành không phân biệt căn cơ. Tùy theo căn cơ và cố gắng của mình, người tu có thể ngừng ở chỗ mình đã gắng hết sức nhưng không bắt buộc theo đuổi trọn năm giai đoạn của đường tu. Điều đó là động lực giúp nhiều người có thể tu.

Việc tu hành có sắc thái vô vi: tu mà như không tu, người ngoài không thể biết được mình đang tu.

Việc tu hành cũng theo nguyên lý trung dung: không thái quá cũng không bất cập. Thái quá thì dễ nãn, bất cập thì khó có kết quả. Kinh Sám Hối có câu,

“Chớ thái quá cũng đừng bất cập
Phép tu hành luyện tập nhiều ngày”



Hiệp Thiên Đài bị đóng cửa

Nói tóm lại, tu như Đấng Chí Tôn dạy, “*Tu hành giữ mực thường thôi.*” Bên ngoài người tu hành xử sự và sống như mọi người bình thường trong đời sống hằng ngày. Trong tâm luôn kiên trì sửa đổi theo chính đạo, sửa đổi theo một đường lối cụ thể và đơn giản. Tu như vậy rất nhẹ nhàng và ai cũng có thể tu theo lối tu của Cao Đài.

5. Con đường trở về với Đức Chí Tôn sau khi chết: Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống (CĐTLHS)

Khác với các tôn giáo đã có từ trước, Cao Đài giáo chỉ rõ con đường tín đồ sẽ đi về đâu sau khi từ trần. Đức Hộ Pháp dạy:

“Nếu hiểu theo Chơn Pháp của Đức Chí Tôn thì CĐTLHS là con đường dành cho các chơn hồn khi thoát xác, rồi quay về với Đức Chí Tôn để được định vị, thăng hay đoạ. Nhưng nếu hiểu theo triết lý nhà Phật, thì CĐTLHS là con đường của Luân hồi.”

Con đường về với Đức Chí Tôn hay theo Phật pháp là giải thoát (khỏi luân hồi sinh tử) sẽ thuận lợi hơn cho tín đồ giữ trai kỳ từ 10 ngày trở lên. Những tín hữu này sẽ được đặc ân “thọ truyền bửu pháp”, tức hưởng trọn đủ kinh kệ và các bí pháp: cầu hồn, cầu siêu, tấn liệm, làm phép xác, độ thăng và 9 tuần cửu, lễ Tiểu tường, và lễ Đại tường. Đó là những lễ trợ giúp vong linh (khi được “thăng”) qua những chặng đường đi đến giải thoát (về với Đức Chí Tôn).

Pháp Dâng Tam bửu

Áp dụng luật cảm ứng của Tiên giáo và thuyết vô ngã của Phật giáo.

Vô ngã thì thành Phật tức khi cái thân này không còn là của mình nữa là thành Phật. Đây là bí pháp giải thoát Đức Chí Tôn đã bày ra không còn giấu gọi là phở độ.

Mỗi ngày cúng tứ thời tín hữu Cao Đài dâng Tam Bửu là dâng hoa, dâng rượu, dâng trà và cầu nguyện dâng thể xác trí não và linh hồn cho Đức Chí Tôn và Phật Mẫu sử dụng thì những việc mình làm do Đức Chí Tôn sai khiến mình không phải là mình thì không ai xét tội mình nữa, đó là lời dạy của Đức Hộ Pháp

Đức Hộ Pháp đã giảng rất rõ. Muốn cho không còn cái ngã tức là cái tôi ích kỷ nữa phải dâng tam bửu mỗi ngày, tức thường xuyên nhắc nhở không có cái gì để gọi là mình, là “ta”, hay “của ta”. Buông xả hết thì mọi việc mình làm là do Đức Chí Tôn định.

Tóm lại, dâng Tam bửu là phép thông công của Tiên đạo và cách thể hiện vô ngã của Phật đạo.

Pháp dâng tam bửu trong lễ cúng tứ thời giúp cho việc đi trên CĐTLHS được thuận lợi hơn

vì diệt ngã chấp. Không ngã chấp là không còn dính mắc, để cho Chơn linh tách ra khỏi xác phàm.

6. Tu hành theo tinh thần Đạo Đòi hoà hợp

Một điểm đặc biệt khác nữa của Cao Đài là tu theo tinh thần Đạo Đòi hoà hợp. Cao Đài chủ trương Đạo Đòi phải hoà hợp việc tu hành mới có hiệu quả. Thế nào là Đạo? Thế nào là Đòi hay cõi Trần? Tại sao tu hành trong cảnh Đạo Đòi hoà hợp mới có hiệu quả? Thánh Ngôn Hiệp Tuyển giải thích rất rõ:

“Cõi trần là chi? Khách trần là sao? Sao gọi khách? Trần là cõi khổ, để đọa bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi. Ấy là cảnh sầu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần.

Đạo là gì? Sao gọi Đạo? Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm, do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo, thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm.

Đòi cũng thế, Đạo cũng thế, chẳng Đạo chẳng nên Đòi, Đòi Đạo chẳng trọn. Lấy Đạo trau Đòi, mượn Đòi giới Đạo, Đạo nên Đòi rạng, giữ áo phồn hoa, nương bóng khổ trăm năm mãn cuộc, tự thanh cao, ném mùi tự toại, dưỡng chí thanh nhàn thì có chi hơn.”

Tu là sửa cho tốt hơn, cho thuận chánh lý. Nếu không sống bình thường trong cõi Trần thì sao thấy rõ chỗ sai của mình để sửa. Vậy Đạo phải cần Đòi. Nếu sống trong đòi thường mà không có Đạo thì không có mẫu mực chánh lý để đối chiếu theo. Vậy Đòi phải cần Đạo.

7. Trời Người đồng trị

Điều đầu tiên Đức Chí Tôn đã ghi rõ ràng trước mặt tiền của Đền Thánh hay các Thánh Thất là Thượng đế, Nhân loại, Tình thương và Công bằng.

Trời Người đồng trị là một triết lý mới mẽ mà các tôn giáo khác không có. Thượng đế là giáo chủ vô hình, Hộ Pháp là Giáo chủ hữu hình. Tại sao gọi là đồng trị bởi vì bất cứ một phẩm tước nào từ bậc Lễ sanh trở lên phải qua sự đồng ý của Đức Lý hoặc Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thay mặt cho Thượng đế đồng ý nên gọi là Thiên phong. Thể thức thỉnh ý của Đức Lý (phần thiêng liêng) được qui định rõ trong Pháp Chánh Truyền.

Ngoài ra, bất cứ những luật lệ mới nào phải có sự đồng ý của Trời và người.

Một khía cạnh khác của chủ trương Trời Người đồng trị là ngoài luật thiêng liêng còn có luật pháp do nhu cầu tu hành của nhơn sanh lập ra.

Đạo Cao Đài có quyền Pháp Chánh Truyền Chú Giải làm cơ sở tổ chức điều hành nền Đạo, và có thể gọi đây là Hiến pháp của Đạo, do Đức Chí Tôn qui định, nên có tính cách cố định, bất di bất dịch trong thất ức niên.

Các luật pháp khác của Đạo, Đức Chí Tôn giao cho Vạn linh mà nhơn sanh làm đại diện, tự lập luật tu hành cho vừa trình độ của nhơn sanh. Sự lập pháp này được tổ chức qua ba hội, được gọi là Ba Hội Lập Quyền Vạn Linh.

Đó là chủ trương Trời Người đồng trị trong giáo lý Cao Đài.

Bảy điểm độc đáo về nội dung giáo lý trên đây là chính yếu để biện minh sự thành lập của Đại Đạo Tam Kỳ Cao Đài. Về hình thức hay phương cách đề tu hành, Cao Đài cũng có những điểm độc đáo.

III.*- Những độc đáo về hình thức

1. Biểu tượng Thiên Nhân phản ảnh tôn chỉ Đạo và cụ thể hỗ trợ tu hành.

Cao Đài thờ “Thiên Nhân” (mặt trời) có một ý nghĩa thiêng liêng tôn quý.

(a) Theo Thánh Ngôn Cao Đài,

“*Nhân thị chủ tâm,
Thần cư tại Nhân*’.”

“*Nhân thị chủ Tâm*” có nghĩa con mắt biểu lộ cái Tâm của Phật giáo. Tâm là nguồn lực mẫu nhiệm đã có trước mọi vật. Tâm sinh mọi vật, và khi mọi vật biến mất cũng trở về Tâm. Nhưng Tâm không là một vật thấy được, sờ được. Tâm không sinh không diệt, lại có mặt khắp nơi, ở trong mọi chúng sanh từ vô tri như gỗ đá tới hữu tình như sinh vật.

Tâm biểu lộ trong mắt, là ánh sáng ban Thần lực, ban sự sinh động tinh anh cho mọi chúng sanh.

Thiên Nhân là biểu tượng của một thực thể chí linh, chí thiêng!

(b) Thiên Nhân là ánh sáng soi khắp càn khôn vũ trụ, rọi thấu mọi vật từ hữu vi đến vô vi. Chúng ta làm một chuyện sai nơi thanh vắng dù nhỏ tới đâu, dù trong bóng tối tưởng không ai biết, không ai thấy nhưng không tránh được “mặt trời”. Đó là ý nghĩa của câu “Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà không lọt.”

Mọi lời nói, mọi hành động, mọi ý nghĩ, dù lớn hay nhỏ, lành hay dữ, người tu phải giữ một mực nghiêm minh.

Thiên Nhân có sức mạnh huyền diệu giúp người tu giữ mình trong chính đạo.

2. Hình phạt có tính răn đe dạy dỗ hơn là trừng phạt

Hiệp Thiên Đài là tinh hoa của Đạo Cao Đài

Thời xưa khi tu hành bị phạm lỗi không có ai xử phạt nên phải tái kiếp trả quả cho những sai lầm nên tu khó đắc đạo.

Ngày nay Đức Chí Tôn Đại Ân Xá nên lập ra Hiệp Thiên Đài là cơ quan tư pháp để xử phạt như tín đồ phạm lỗi giúp họ sửa sai. Hiệp Thiên Đài lo về phần hồn, đại diện tại thế cho phần thiêng liêng nên khi một người đã được Hiệp Thiên Đài xử phạt khỏi phải tái kiếp trả quả. Đức Hộ Pháp đã dạy rằng: Một tội không xử hai lần, khi phạt ở thế gian về thiêng liêng không phạt nữa.

Ngoài ra, chơn thần là hình thể thiêng liêng giống như hình thể xác thịt hữu hình khi chết sẽ xuất ra khỏi thể xác để đi với linh hồn.

Chức sắc hành Đạo buộc phải tuyên thệ giữ dạ vô tư, công bình chánh trực đối với đồng Đạo cũng như người đời.

Tóm lại, Luật Pháp của Đạo dựa trên căn bản “Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh”. Hình phạt cho người vi phạm có tính răn đe giáo dục hơn là trừng phạt như quì hương, giáng chức hoặc cùng lắm là trục xuất khỏi Đạo, chứ không có hành hạ thể xác và nhân phẩm.

Tuy nhiên, hình phạt có tính tuyệt đối phân minh. Người có phạm lỗi nặng nề không thể tránh khỏi hình phạt nặng nề. Đức Chí Tôn cho biết, khi “*phàm chất của các con nó mạnh mẽ thế nào (đến nỗi) đẽ khuấy trộn vụn chút mảy múng Thánh chất Thầy để vào lòng các con (thì) vì lẽ công bình thiêng liêng Thầy đâu dặng phép tư vị cũng phải để các con phải đọa trầm luân đời đời kiếp kiếp*” (TNHT, tr. 85).

3. Chủ trương “Nhân đạo đại đồng” và “Thiên đạo giải thoát”

Ngũ chi gồm cả “Nhân đạo đại đồng” và “Thiên đạo giải thoát” của Cao Đài. Nhân đạo đại đồng là cứu cánh của tu Nhân đạo. Thần đạo và Thánh đạo chuẩn bị vững chắc cho mục đích “Thiên đạo giải thoát.” Không đạt mục đích của chi trước một cách chắc chắn, một người không thể nào tu hành có hiệu quả ở chi kế. Giống như bước lên cái thang, phải bước từ dưới lên, không thể bước lên nấc cao hơn nếu chưa đặt chân (thấu lý) ở các nấc dưới.

4. Tính dân chủ bình đẳng

Đạo Cao Đài có Chức sắc Nữ phái trong các hệ thống Hội Thánh Cứu Trùng Đài (CTĐ), Hiệp Thiên Đài (HTĐ) và Phước Thiện (PT). Phái nữ có tổ chức hệ thống dọc riêng như nam phái trong hệ thống CTĐ và PT.

Đạo Cao Đài có chức sắc phái nữ, điều mà các tôn giáo khác hầu như không có. Có chăng là các nữ tu như Phật giáo thì có Ni cô, Ni sư, bên Thiên chúa có Sơ (soeur), chứ không có chức sắc phẩm cấp như Cao Đài.

Điều này nói lên sự bình đẳng nam nữ có tính thời đại văn minh tiến bộ, tôn trọng nhân quyền không phân biệt giới tính trong tôn giáo Cao Đài, thể hiện lòng bác ái và tính công bình Thiên Đạo.

6. Tinh thần pháp trị với “luật” và “pháp”, uyển chuyển theo tiến hóa của thời đại

Giáo lý Cao Đài có tính pháp trị để giữ gìn chơn truyền và sự công bình.

Đạo Cao Đài vận hành theo Luật Pháp: (a) Pháp là Pháp Chánh Truyền và (b) Luật là Tân Luật và Các Đạo Nghị Định.

Pháp Chánh Truyền (PCT)

(Trích trong Cao Đài Từ Điển của HT Nguyễn Văn Hồng)

Pháp Chánh Truyền là Hiến Pháp của Đạo do Đức Chí Tôn đặt ra. “Pháp Chánh Truyền là pháp luật chơn chánh mà Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền dạy để làm căn bản lập giáo, tổ chức và điều hành nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (ĐĐTKPD)”

Pháp Chánh Truyền được Đức Chí Tôn ban cho ngay sau khi làm lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm đặt tại Từ Lâm Tự (chùa Gò Kén) Tây Ninh. Đó là đêm 15 rạng 16 tháng 10 năm Bính Dần (dl. 20-11-1926), phò loan: Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm.

Bản văn Pháp Chánh Truyền này rất quan trọng, nên Đức Lý Giáo Tông dạy Đức Phạm Hộ Pháp chú giải Pháp Chánh Truyền ra từng chi tiết cho thật rõ ràng để dễ thi hành, và dâng lên cho Đức Lý Giáo Tông duyệt lại rồi mới ban hành.

PCT qui định các phẩm Chức sắc nam nữ của CTĐ và HTĐ, quyền hành và đạo phục của mỗi phẩm cấp và việc thăng thưởng Chức sắc.

Đức Chí Tôn lập PCT có tính cách vô cùng mới mẻ và tiến bộ so với các tôn giáo khác của thời Nhị Kỳ Phổ Độ, vì nó bao gồm cả hai khuynh hướng quân chủ và dân chủ, dùng hai khuynh hướng ấy để kèm chế nhau và buộc phải dung hòa cùng nhau, để cho sự tiến hóa của Nhơn sanh được nhanh chóng trên con đường đạo đức trung dung, chí thiện chí mỹ.

Đức Chí Tôn có dạy: “*Thầy tưởng chẳng cần nói, nếu ai là đạo đức, đọc đến cách lập pháp của Thầy mà chẳng mừng giùm cho Nhơn loại.*” (TNHT)

Hội Thánh viết lời tựa của quyển PCT, xin trích ra vài đoạn như sau:

“*Nghĩ vì cơ huyền vi mầu nhiệm của Đạo có Thiên điều, cũng như cơ Đời có luật pháp chơn truyền để chế ngự những dục vọng bất chánh, mà ở cõi nào và đời nào cũng có, nếu không có gì chế ngự thì sự điều hòa tốt đẹp của cơ Tạo Hóa sắp đặt có thể mất đi mà chớ, nên khi mở ĐĐTKPD, Đức Chí Tôn đã lập ngay một Pháp Chánh Truyền và Tân Luật để điều hành guồng máy Hành Chánh Đạo, hầu bảo thủ chơn truyền và công bình Thiên đạo, kèm theo luật pháp còn có Thánh ngôn và giáo điều dạy bảo.*”

Tân Luật

Bộ Tân luật làm ra vào thời mới khai Đạo và tại nước Việt Nam. Gọi là Tân Luật vì bộ Luật này có thể thay đổi thêm bớt tùy theo phong tục tập quán của từng nước và tùy theo trình độ tiến hóa của Nhơn sanh.

Bởi thường cập nhật hóa, cho nên thời điểm nào cũng mới nên gọi là Tân luật.

Điều căn bản mà luật không thay đổi là phần dựa vào Pháp Chánh Truyền. Tân Luật ban đầu, Đức Chí Tôn dạy các vị tiền khai soạn và dâng lên Đức Chí Tôn phê chuẩn. Về sau này, luật lệ nếu được bổ sung sửa đổi thì do Quyền Vạn Linh gồm có ba Đại hội: ĐH Nhơn sanh, ĐH Hội Thánh và Thượng Hội quyết định theo tinh thần dân chủ đa số.

Đức Thượng Đế lấy tinh hoa Tam giáo làm căn bản để nhân loại thấy rõ chánh truyền của các tôn giáo rất cao quý, vẫn được tôn trọng, còn những khác biệt về hình thức lễ nghi, cúng kiến, cầu nguyện khác là thứ yếu, không quan trọng.

Nếu không theo chính sách tu sửa Luật như trên thì vì câu nệ về hình thức này mà để ra

nhieu câu nệ khác làm cho lu mờ cái tinh hoa cao trọng mà các tôn giáo chọn chánh trở nên phàm giáo. Tín đồ về sau này cũng chỉ giữ được cái thấp, cái cận bã của tôn giáo mình mà quên đi cái tinh hoa, cao thâm của nó. Vì vậy, mà tín đồ càng ngày càng bị ràng buộc, nô lệ, dẫn đến cuồng tín, thay vì được mở tuệ giác, siêu thăng giải thoát như mục đích tối thượng của Đạo giáo.

IV.*-Nhận định về một con đường tâm linh

Mỗi người trong chúng ta đều khao khát có cuộc sống yên vui hạnh phúc, hòa ái với mọi người, vượt mọi cảnh khổ, sống an nhiên tự tại, và vĩnh viễn không còn chịu những thống khổ của thế gian nữa.

Đó cũng là mục đích chính của mọi tôn giáo. Để có một nhận định đúng đắn về một con đường tâm linh, trước tiên chúng ta cần xét các giá trị tâm linh cốt lõi của mọi tôn giáo.

Giá trị cốt lõi đó là mọi tôn giáo đều nhìn nhận có một quyền năng vô biên trong vũ trụ sáng tạo ra mọi loài bao gồm con người. Quyền năng đó là cội nguồn duy nhất tạo ra mọi chúng sinh vô tình cũng như hữu tình.

(a) Giáo pháp tốt cùng của Phật giáo được trình bày trong Kinh Pháp Hoa, chỉ rõ cái thật tướng và thật cảnh của thế gian, mắt người thường không thấy được. Nhìn cảnh vật xung quanh, chúng sinh thấy có vật chất và tinh thần, có muôn loài sai biệt, có sắc (sờ được) có tâm (không sờ được). Chúng sinh sai lầm vì không thấy được mọi mặt, mọi khía cạnh của vũ trụ vô biên. Trái lại Phật đã đạt đến chỗ thấy tốt cùng và nhận ra sự phân biệt như trên của chúng sinh là sai. Đức Phật dạy rằng: “Tất cả là Một, Một là Tất cả”. “Tinh thần và vật chất là Một, sắc và tâm là Một”. Cái “Một” ở khắp nơi (tức “một là tất cả”) và mọi vật mọi loài đều có cùng một bản chất (tức “tất cả là “một”), từ một gốc chính mà ra. Cái “Một” là quyền năng vô biên trong vũ trụ, sáng tạo ra mọi loài và có cuộc sống vĩnh hằng.

(b) Đạo Đức Kinh của Lão giáo nhận định: Một vật hỗn độn, sanh trước Trời Đất, yên lặng trống không, cô đơn tốt bực, không đổi thay, nhưng vật ấy luôn luôn đến cùng vạn vật và được xem như Mẹ Sinh của tất cả. Vật ấy là nguồn năng lực siêu việt. Đó là Đạo. Đạo nằm trong mỗi cá thể của muôn loài và là nguồn sống bất tận của vạn vật. Nhận định trên hàm ý “Một là Tất cả” và “Tất cả là Một”.

(c) Tinh hoa của Không Giáo phản ảnh trong sách Đại Học qua câu, “Cái học lớn lao là phải làm sáng cái Đức Sáng” (Đại học chỉ đạo, tại minh Minh Đức). Cái Đức Sáng ở đây là bản chất mẫu nhiệm mọi người đều thừa hưởng từ “nguồn năng lực Siêu Việt” trong vũ trụ, và tất cả đều từ một gốc mà ra, tức “Một là Tất cả”. Hơn thế, cái Đức Sáng trong mỗi người có cùng bản chất với nguồn năng lực siêu việt, tức “Tất cả là Một”. Khi “làm sáng được cái Đức sáng”, một cá nhân sẽ phát huy viên mãn được khả năng tiềm ẩn.

(d) Giáo lý Phật giáo Hoà Hảo có câu: “Nhất bản tán vạn thù, vạn thù quy nhất bản” tức “Từ

một bản chính tạo ra hàng vạn bản sao, hàng vạn bản sao đều cùng bản chất với bản chính”. Đó là cách nói khác của câu, “Một là Tất cả, Tất cả là Một”. Vì con người là anh em cùng một “Mẹ sanh” nên mọi người phải thương yêu nhau.

(e) Thiên Chúa chủ trương chỉ có một đấng Tối cao duy nhất là Chúa, bất diệt và gồm có ba ngôi: Cha, Con, và Thánh Thần. “Jesus là con của Chúa” mà Chúa là quyền năng vô biên của vũ trụ, sáng tạo ra mọi loài. Quyền năng này không sinh không diệt. Vì “Chúa sáng tạo ra loài người”, mọi người có cùng một nguồn gốc chung, do đó phải thương yêu nhau như anh chị em một mẹ.

(f) Cao Đài cũng chủ trương có một thực thể siêu việt tức Đại Linh Quang sinh ra mọi vật mọi loài trong vũ trụ là những Tiểu Linh Quang. Căn bản giáo lý này cũng hàm ý “Một là tất cả, tất cả là Một”.

(g) Các tôn giáo khác như Hồi giáo, Bahai’í, niềm tin tôn giáo của dân bản xứ Mỹ, v.v. đều có căn bản giáo lý ngụ ý tất cả chúng sinh đều do một nguồn sinh ra và mọi chúng sinh đều có cùng một bản chất với nguồn cội duy nhất đó.

Tóm lại, mỗi tôn giáo đều nhìn nhận có một quyền năng tối cao và DUY NHẤT cho tôn giáo đó. Vì chỉ có một quyền năng tối cao trong vũ trụ nên dù mỗi tôn giáo có tên gọi khác nhau để nói về thực thể đó, quyền năng tối cao đó chỉ là một cho mọi tôn giáo. Dù tên gọi là Allah, Phật, Chúa, Abram, Đấng Chí Tôn, Trời, . . . , thực thể đó là MỘT xuyên qua MỌI tôn giáo. Chúng ta phải vượt qua ngôn ngữ, siêu tên gọi, buông bỏ mọi hình thức mới nhận được bản chất cốt lõi của thực thể ta muốn ám chỉ. Thí dụ tên gọi “cái bàn” không là “cái bàn” mà chỉ là một nhãn hiệu, một phương tiện để nói về một thực thể dưới tên cái bàn. Vậy các tên Allah, Phật, Chúa, Abram, Đấng Chí Tôn, Trời, v.v. chỉ là những “nhãn hiệu” để cùng chỉ về một thực thể duy nhất và quyền diệu trong vũ trụ. Vì tất cả danh xưng đó đều nói về một đấng tối cao **duy nhất**, chúng ta không nên phân biệt đấng tối cao “của mình” và “của người.” Một tôn giáo chân chính không phân biệt tôn giáo vì tôn giáo nào cũng có cùng mục đích, cũng tu theo cùng lời dạy phát nguồn từ một Đấng Tối Cao duy nhất.

V.*- Vậy hệ luận là gì?

1. Lối truyền thụ giáo lý do mặc khải của một người có khả năng đặc biệt (như nhà tiên tri Mohammed, Jesus Christ, thái tử Si Đạt Ta, v.v.) hay qua cơ bút của Cao Đài thì sự truyền thụ đó cùng từ một đấng Tối cao duy nhất và do đó **giáo lý được truyền thụ dù qua cách nào cũng có giá trị thiêng liêng như nhau**.

2. Khi nói tổng hợp giáo lý của Nho, Đạo và Phật thì kết quả không phải chỉ gom chung giáo lý của ba tôn giáo một cách không có quy củ mà là sự đúc kết tinh hoa các giáo lý đã truyền thụ do cùng một đấng tối cao. Giống như **một tác giả đã viết nhiều sách nay cần tổng kết**

lại, giữ cái hay, loại cái không cần hay không hợp thời. Những chỗ rườm rà phức tạp hoặc không hợp thời sẽ được loại bỏ và kết quả là một hệ thống giáo lý thống nhất, đầy đủ, đơn giản, dễ áp dụng cho mọi người trong việc đạt mục đích tu hành. Đó là tôn chỉ “Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi hợp nhất” của Cao Đài.

3. Cao Đài phản ảnh trung thực chân lý, “có một quyền năng vô biên trong vũ trụ sáng tạo ra mọi loài bao gồm con người. Quyền năng đó là cội nguồn tạo ra mọi chúng sinh vô tình cũng như hữu tình”. Vì “Trời” và “Người” có cùng bản chất, **toàn bộ giáo lý lời Kinh phản ảnh sự yêu thương chân tình, mộc mạc gần gũi của Đấng Tối cao với lối xưng hô “Thầy, các con”, với chủ trương Trời Người đồng trị, bình đẳng, và pháp trị.**

Khi vượt khỏi mọi hình thức, mọi tên gọi, mọi nhãn hiệu để chấp nhận tất cả cùng đang hướng về một Đấng Tối cao, chúng ta phải **nhìn nhận sự hiện diện của một “con đường tâm linh”** (với “tên gọi” hay “nhãn hiệu” là **“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”**) **quý báu khó gặp.** Đúng là giữa *“Biển trần khổ voi voi trời nước”*, chúng ta vui mừng thấy *“Ánh thái dương dọi trước phương Đông.”*

VI.*- Kết luận

Chúng ta đã có một “con đường tâm linh” (tức “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”) để mọi người có thể tu. Con đường đó là tổng hợp tinh hoa của Tam giáo, đơn giản hóa, rất dễ theo, tu mà như không tu (thái độ vô vi), không vội vã cũng không lơ là (thái độ trung dung), tùy sức mà tu (dừng ở chi nào cũng được).

Con đường tâm linh đó (tức Đạo) do Đấng Tối Cao duy nhất trong vũ trụ lập ra lần thứ Ba năm 1926 tại chùa Gò Kén, Việt Nam và có “nhãn hiệu”, hay “tên gọi” là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Một lần nữa, “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” hay “Cao Đài” chỉ là những tên gọi để chỉ về “một con đường tâm linh.” Xin vượt qua tên gọi, siêu nhãn hiệu để nhận ra thực thể chân thật mà tên gọi muốn nói tới.

Nếu mục đích của mọi người là tu sao cho sống hạnh phúc và từng khổ khi đang sống và vĩnh viễn thoát khổ sau khi chết thì lối tu nào đơn giản nhất, dễ theo nhất, hiệu quả nhất thì chúng ta nên theo. Đâu cần phải biết lối tu đó do Đạo nào, có “tên gọi” gì dán nhãn hiệu cho cách tu đó! Đó là một lối sống và tu trong an nhiên tự tại!

HT Nguyễn Hữu Nghiệp (Rosenberg, tháng 12, 2024)

(Tổng kết các bài viết của *HT Nguyễn Đăng Kích*, *Trung Dung Đạo*, và *Nguyễn Hữu Nghiệp*)

Tài liệu tham khảo

1. *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Tân Luật Pháp Chánh Truyền*, tái bản 2004 tại Hải Ngoại, Châu Đạo California (Hoa Kỳ) và Tộc Đạo Sydney (Úc)
2. *Giải Nghĩa Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*, HT Nguyễn Văn Hồng

3. *Những Nét Giá Trị Đặc Trưng của Đạo Cao Đài và Ảnh Hưởng của Tôn Giáo này Đối Với Nhơn Loại*, HT Nguyễn Đăng Khích
4. *Tình Hoa Đạo Cao Đài*, Trung Dung Đạo
5. *Nét Độc Đáo của Giáo Lý Cao Đài*, 2017, HT Nguyễn Hữu Nghiệp và QS Mai Thanh Truyết
6. *Cao Đài Trong Cộng Đồng Tôn Giáo Thế Giới*, tháng 3, 2024, HT Nguyễn Hữu Nghiệp & Nguyễn Dương Sâm



Cửa Chánh Môn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh

ĐẠO CAO ĐÀI XUẤT THỂ

Kỷ Niệm Nhứt Bá Niên Khai Đạo

- . Tôn giáo là nhu cầu tinh thần của con người
- . Thế giới có nhiều tôn giáo rồi, tại sao có Đạo Cao Đài xuất hiện?
- . Các Đấng giáo chủ tiên tri sự xuất hiện của Đạo Cao Đài
- . Tôn chỉ và Mục đích của Đạo Cao Đài
- . Phương Tu của Đạo Cao Đài
- . Kết Luận

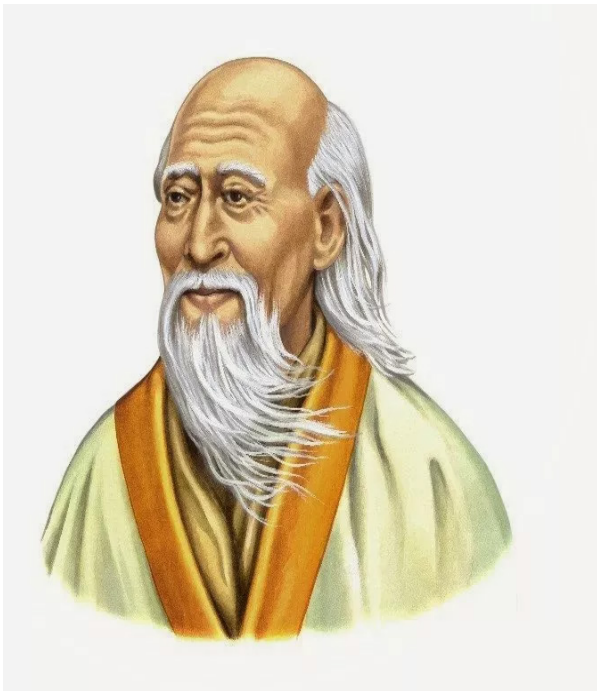
I.- TÔN GIÁO LÀ NHU CẦU TINH THẦN CỦA CON NGƯỜI



Con người sống trên đời cần rất nhiều nhu cầu : ăn mặc, phương tiện đi lại, học hành ... rồi lớn lên lo lập gia đình, nhà cửa riêng tư ... Ngoài nhu cầu vật chất đó, con người còn có nhu cầu đời sống tinh thần, đó là niềm tin tôn giáo mà hầu hết các quốc gia văn minh tiến bộ ngày nay đều công nhận trong Hiến pháp, quyền “Tự do Tín ngưỡng”; ngoại trừ một số nước theo chủ nghĩa vô thần.

Qui luật tự nhiên, sự cạnh tranh miêng com manh áo của con người do tài nguyên của cải thiên nhiên nhất định, đất đai sông ngòi biển cả, ngày càng khai thác cạn kiệt và dân số thì cứ tăng trưởng dần. Sự tranh ăn giành sự sống đó ngày càng ác liệt đưa tới chiến tranh giữa dân tộc quốc gia này với dân tộc quốc gia khác.

Để cải thiện tình trạng trên, các Đấng Thiêng liêng đã giáng trần mở Đạo, giáo hóa con người thương yêu chia sống nhau trong tình nhân loại. Tùy theo trình độ văn minh tiến hóa, tập quán của mỗi dân tộc quốc gia theo mỗi thời kỳ mà vị Giáo chủ có phương pháp dạy dỗ khác nhau cho phù hợp với dân trí xứ sở đó.



Đức Lão Tử

Tôn giáo khai mở ra phải phù hợp với trình độ dân trí đương thời của nhân loại và phong tục tập quán của xứ sở đó nên giáo lý các Đạo giáo thường không giống nhau.

Phật giáo: hay Thích giáo

Thái tử Sĩ-Đạt-ta sinh ra vào thời kỳ nhân tâm còn hiền lương chất phác, nhưng xã hội phân chia nhiều giai cấp dân chúng khổ não truân chuyên, người với người đối xử nhau quá tệ bạc. Ngài nhận thấy nhân loại sống trong vòng tứ khổ Sanh, Lão, Bệnh, Tử trong bốn lần xuất du ra ngoài bốn cửa thành. Ngài động lòng thương xót chúng sanh, quyết chí tìm phương giải khổ. Sau bao thử thách gian truân với đời thời gian dài và lúc gần thành Đạo cũng bị ma quỷ quấy phá dữ dội, Ngài mới thành Đạo và danh hiệu là Đức Thích ca Mâu ni, giáo chủ Phật giáo.

Đức Thích Ca đem thuyết Từ Bi-Bình Đẳng cảm hóa nhân tâm. Đồng thời, Ngài cũng dạy cho pháp”tu tâm dưỡng tánh” để chúng sanh tâm cơ giải thoát kiếp luân hồi sanh tử.

Lão giáo hay Tiên giáo

Do Đức Lão Tử sáng lập. Ngài dùng “huyền diệu pháp”, tam bửu ngũ hành làm tôn chỉ vì thời buổi này (nhà Châu sơ, Trung hoa) dân chúng ưa chuộng huyền diệu phép tắc.

Lão Tử cũng bị nhơn sanh cho là Ngài mê hoặc dân chúng, đê tử hầu cận thân tín nhất của Ngài là Từ Giáp cũng xa lánh Ngài mà Đạo Tiên cũng thành tựu và truyền bá rộng rãi.

Ngài độ ông Doãn Hi trấn ở Hàm Cốc Quan là Chơn Linh Nguơn Thì và để lại duy nhất một bộ Đạo Đức Kinh lưu danh cho các học giả và triết gia đông tây kim cổ khai thác luận bàn hơn hai ngàn cuốn sách.

Nho giáo hay Khổng giáo:

Nước Trung hoa trong thời chiến quốc loạn lạc, các nước tranh hùng, xung bá đồ vương, quan lại thối nát, thiên hạ đồ thán, đau khổ thống thiết, cang thường đạo lý suy đồi, thì xuất hiện Đức Khổng Tử đem Đạo Nhân Nghĩa dạy đời, xướng thuyết “chính danh”, đạo nhơn luân để lập lại kỷ cương xã hội. Bởi thế, nhơn sanh thấy cái Đạo nhơn luân của Ngài hay sửa đời được thì khâm phục và không ít triều vua đem chủ nghĩa Vương đạo này an cư bá tánh.

Ngài cũng lắm công khổ nhọc với đời, qua các nước chư hầu như Tề, Yên, Triệu ... Đạo Ngài bị biếm nhẽ, ràng buộc, nhọc nhằn lao khổ, Thầy trò có lúc đói khổ thảm thương. Đến đời nhà Tần tàn bạo không xiết kể, khủng bố Nho sĩ (đốt sách, chôn học trò) mà Đạo Nho cũng phổ truyền khắp nơi.



Đức Chúa Jesus

Thiên chúa giáo hay Kito giáo

Đức Chúa Jêsus Christ giáng sanh khai Đạo Thánh sau khoảng 550 năm Đức Khổng Tử mở đạo Nho cho phù hợp với dân trí Âu Châu văn minh vật chất khá cao, nhưng xã hội đầy bất công đói khổ. Ngài rao giảng tình thương yêu và bình đẳng cho mọi người vì tất cả đều là con của Thượng Đế.

Đức Chúa Jêsus cũng bị cường quyền Israel áp bức, lúc ban đầu thì có 12 vị Thánh Tông Đồ theo Ngài, mà sau còn có một Thánh Pierre mà thôi.... Thánh Pierre cũng phải ba lần chối Chúa để tránh cường quyền ám hại.

Khi Đạo thành thì có Duda bắt Ngài mà nạp cho Chính quyền hành hình, đóng đinh trên cây Thập Tự Giá. Hình phạt ghê tởm như thế để khủng bố tinh thần tín hữu mà bỏ Đạo, thế mà Đạo Thánh cũng gieo truyền khắp cả hoàn cầu.

II.- THẾ GIỚI CÓ NHIỀU TÔN GIÁO RỒI, TẠI SAO ĐỨC CHỈ TÔN MỞ ĐẠO

CAO ĐÀI?

Chúng ta biết rằng, Đạo đã có sẵn từ tạo Thiên lập Địa, từ thời Thượng cổ, Trung cổ tới hiện kim tức ngày nay, hề có Đòi tức là có Đạo. Lịch sử Đạo giáo cho ta biết rằng vào **Thời Thượng cổ, đạo giáo gọi là Thượng nguơn**, loài người còn hiền lương chất phác, nên còn gọi là nguơn **Thánh đức**, Tam giáo đã xuất hiện với các Đấng Giáo chủ:

- Đức Nhiên Đăng Cổ Phật khai Phật giáo
- Đức Thái Thượng Lão Quân khai Tiên giáo
- Đức Văn Tuyên Đế Quân khai Nho (Thánh) giáo

Thời Trung cổ tức Trung nguơn, loài người đông đúc hơn, tiến hóa hơn sinh ra tranh sống, giành dân lấn đất, gây ra chiến tranh khắp nơi nên còn gọi là nguơn **Tranh Đấu**, có các Đấng Giáo chủ Tam giáo sau đây giáng trần để **chấn hưng** các đạo đã có thời Thượng nguơn mấy ngàn năm trước.

- Đức Thích Ca chấn hưng Phật giáo
- Đức Lão Tử chấn hưng Tiên giáo
- Đức Khổng Tử chấn hưng Nho giáo

Ngoài ra, còn có Đức Jesus Christ mở đạo Thiên Chúa bên Trung Đông (Do Thái), Đức

Khương Tử Nha chủ trương Thần Đạo bên Trung Hoa.

Xin lưu ý hai chữ “**chấn hưng**”. Chấn : chỉnh đốn, hưng : đứng dậy. Chấn hưng là đỡ dậy cho đứng dậy. Chấn hưng mỗi Đạo là phục hồi nét chơn chánh và phát huy triết lý mỗi Đạo đó cho phù hợp với trình độ dân trí đương thời.

Ta biết rằng khi Đức Thích Ca đi truyền Đạo thì đã có các tín đồ Bà la môn giáo quấy nhiễu dèm pha. Đạo Bà la môn, Hindu ... là đạo Phật tối cổ.

Đức Khổng Tử truyền Đạo Nho luân lý gốc từ các Thánh Vương Nghiêu, Thuấn, Văn, Vũ truyền lại. Ngài san định lại lịch sử, văn thư tịch ... để lấy tinh hoa và bổ sung vào thành Tứ Thư và Ngũ Kinh làm căn bản cho Đạo Nho. Ngài đã dày công **chấn hưng** Nho giáo đã có. Công lao như thế nhưng Ngài chỉ khiêm nhường nói là “thuật nhi bất tác”, ghi lại tinh hoa lời dạy Thánh Hiền chứ không sáng tác.

Đức Jesus cũng **chấn hưng** Đạo Thánh có sẵn tức Đạo Do Thái đã biến thể chánh giáo tôn thờ thần tượng ...

Các tôn giáo lớn thời Trung nguyên đã đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân loại theo vùng ảnh hưởng của tôn giáo đó. Có điều cần lưu ý là sở dĩ có sự khác biệt giữa các tôn giáo là vì phong tục tập quán, trình độ dân trí của các dân tộc khác nhau, tùy theo thời kỳ và vùng địa lý sinh sống. Nhưng từ lúc Đức Giáo chủ và các đại tông đồ kế thừa không còn nữa và thời kỳ đó do chưa có văn tự ghi chép nên trải qua thời gian khá lâu cả ngàn năm thì giáo lý chơn chánh nguyên thủy bị diễn giải sai lệch càng ngày càng xa Thánh giáo .

Nhân loại dân trí càng cao càng thờ ơ và chán ngán nhìn thấy hiện trạng tôn giáo biến thể.

Đạo Phật thì phân chia thành các trường phái Nam Tông và Bắc Tông. Nam Tông là chánh truyền thừa từ Ngũ Tổ truyền Y Bát, do Đức Lục Tổ Huệ Năng dẫn dắt, còn phái Bắc Tông do Đại Sư Thần Tú tự phong là Tổ phái canh cải chơn truyền đặt ra luật lệ buộc mỗi đạo Thiên. Về sau còn rất nhiều tông phái rải rác khắp Á châu với cách hành trì tu tập khác nhau ... giới luật cũng thay đổi theo môn phái đó.

Nho gia suy tàn từ thời Hậu Hán Trung Hoa đến việc nhà Tần đốt sách chôn học trò ... như đã kể phần trên, khiến đạo học làm người thành cái học để cầu danh, làm quan ...

Đạo giáo hay Lão giáo cao siêu Tam Bửu Ngũ hành biến thái thành thầy bùa thầy chú mê hoặc nhơn sanh ...

Đạo Thiên chúa phân chia ra Chính thống giáo, Tin Lành ... các phe Đạo này đấu tranh ác liệt thời Trung cổ , Đế Quốc La Mã; các giáo sĩ phương Tây truyền Đạo song hành với các đoàn quân xâm lược các tiểu quốc Á, Phi châu...

Thêm vào đó, ngày nay trình độ văn minh nhân loại tiến quá cao, các giới luật tôn giáo cũng cần cập nhật mới phù hợp với dân trí hiện đại.

Nay sang **thời Hạ nguyên** Đấng Chí Tôn mới khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là

Đạo Cao Đài, một Đạo có thể gọi là “Đạo của các Đạo” để **chấn hưng** chơn truyền các tôn giáo đã có từ trước, cộng với Thánh giáo mới, giới luật mới, cách tu linh động mới phù hợp với dân trí hiện đại ngõ hầu mở ra phương tu cho tất cả mọi người.

Trong bài thuyết Đạo đạo tại Đền Thánh ngày 22–6–Mậu Dần (dl 19–7–1938) Đức Hộ Pháp nói:

- **“Tại Sao Có Tam Giáo Rối, Đức Chí Tôn Còn Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ?”**

“Do Tam Giáo thất chơn truyền, Nho Thích Đạo hiện nay đã trở nên phàm giáo.

Chư đệ tử trong ba nhà đạo không giữ y luật pháp qui điều, canh cải chơn truyền, bày ra các điều giả cuộc, làm cho Tam Giáo biến thành dị đoan.

- *Đệ tử nhà Đạo chẳng tòng pháp giáo của Đức Thái Thượng Lão Quân, tuy ở trong nhà Đạo mà tức thị dị đoan mê tín.*

- *Đệ tử nhà Thích không thuận theo lời giảng dạy của Đức Phật Thích Ca, thì đệ tử nhà Thích dị đoan mê tín.*

- *Đệ tử nhà Nho chẳng thật hành điều mục của Đức Văn Tuyên Khổng Thánh, thì đệ tử nhà Nho dị đoan bất chánh.*

Tóm lại, hai chữ “DỊ ĐOAN” nghĩa là đồ theo không trúng kiểu cái qui giới thể lệ chơn truyền của Tam Giáo.

– *Tiên Giáo: Đức Thái Thượng dạy Tam Bửu, Ngũ Hành, tu tâm luyện tánh, thủ cảm ứng công bình.*

– *Phật Giáo: Đức Thích Ca dạy Tam Qui, Ngũ Giới, minh tâm kiến tánh, thật hành bác ái từ bi.*

– *Nho Giáo: Đức Khổng Phu Tử dạy Tam Cang, Ngũ Thường, tôn tâm dưỡng tánh, giữ theo hai chữ Trung Hiếu mà làm tiêu chuẩn cho mọi hành vi.*

Cả luật pháp khuôn viên điều mục của ba nhà tôn giáo từ buổi sơ khai có đủ phương diện quyền năng diu đời thống khổ. Nhơn sanh trong thời kỳ thượng cổ còn tánh đức biết giữ chơn truyền, chuẩn thặng qui củ của ba nhà: Nho, Thích, Đạo, làm lành lánh dữ, dưỡng tánh tu tâm, nên mới chung hưởng đời thái bình an cư lạc nghiệp.”

Thêm vào đó, trong Thánh giáo ngày 08/6/1926 (TNHT I), Đức Chí Tôn đã nói với 2 người Pháp hầu đàn:

“Cao Đài, Đấng Cao Cả.

.....

Chúa Cứu Thế đã đến với các con. Người đã phải chịu đổ máu Thánh để chuộc tội cho loài người. Trong 2000 năm vắng mặt Người, các con đã làm gì hữu ích? Các con truyền bá đạo



Người, nhưng chính các con cũng không hiểu chi cả. Các con lại làm sai lạc bản chất tôn chỉ của nền Thánh giáo. Nhân loại phải chịu đau khổ vì sự biến thể của các Thánh Tông Đồ.

Chiếc ngai quý báu nhứt trên thế gian này hiện là chiếc ngai của vị đệ nhứt cao đồ của Người.

Giáo lý ấy đáng lẽ phải đem lại hòa bình và tương ái cho loài người, nhưng trái lại nó gây mầm chia rẽ và chiến tranh.

Bởi thế, nên nay chính Thầy phải đến để đem lại cho các con nền hòa bình đã từng hứa hẹn.

Rồi đây Chúa Cứu Thế sẽ trở xuống sau”.

Và ngày 01/101926 (TNHT I), Đức Chí Tôn dạy Đạo cho người Pháp tên G. :

“Đấng Thượng Đế Toàn Năng

G Có lẽ vợ chồng con lấy làm kỳ lạ mà thấy Thầy đến như thế này. Các con có biết chẳng hiện nay vì thế gian rất hung bạo nên thời kỳ tận diệt đã hầu kề. Nhân loại tàn sát lẫn nhau, bởi không biết dùng khoa học vào việc phải, nên nó mới biến thành chia rẽ và chiến tranh.

Thánh Đạo của Chúa Cứu Thế (vì sự hiểu lầm) làm tăng gia dục vọng của kẻ mạnh đối người yếu và giúp giáo cho bọn trên hiệp dưới.

Phải có một giáo lý mới mẽ đủ khả năng kèm chế nhân loại trong sự thương xót chúng sanh.

Chỉ có xứ Việt Nam còn duy trì được sự tôn sùng tổ phụ theo tục lệ cổ truyền mặc dầu xứ ấy chỉ biết chịu ở dưới quyền lệ thuộc từ ngày được tạo lập đến giờ. Ý Thầy muốn nó được giữ nguyên thể như vậy mãi...”

Bởi các lý do minh chứng các tôn giáo làm sai lạc chánh truyền kể trên, không kèm chế được nhân tâm khiến cho xã hội ly loạn, thế giới bất ổn, con người chẳng còn lương tâm đạo đức như xưa:

- không gìn giữ Tam tạng Ngũ thường
- không thực hiện “Từ bi, bác ái và bình đẳng” .
- xung đột tôn giáo tôn giáo thường xuyên

Trái lại, con người manh tâm cướp giết hại lẫn nhau, không kể tình đồng bào cốt nhục, nước lớn hiệp nước nhỏ, chủ nghĩa độc tài đế quốc gây ra thế chiến 1, 2 giết hại hàng triệu sanh linh và hiện nay thế giới đang có chiến tranh các nơi đe dọa thế chiến 3 tàn phá

nền văn minh nhân loại ... Cuộc cách mạng vô sản của các nước Cộng sản giết hại khoảng 100 triệu ngay cả đồng bào máu mủ mình.

Tôn giáo cũng không tốt hơn làm sao hướng dẫn tinh thần nhân loại! Lịch sử đã cho thấy chiến tranh tôn giáo triền miên từ thế kỷ 13, 14 giữa Thiên chúa giáo và Hồi giáo sát hại hàng triệu sanh linh, giữa Ấn giáo (Hindu) và Hồi giáo (Islam) mới phân ra hai nước Ấn (India) và Hồi (Pakistan) ... nên mới gọi là đời mạt kiếp.

Tóm lại, Tam Giáo là Đạo chánh xưa nay, song bị người phàm canh cải càng ngày càng xa Thánh giáo, không còn mục đích “phụng sự chúng sinh” nữa!. Đấng Thượng Đế vì lòng từ bi lấy làm đau đớn, lo lắng cho nhơn sanh phải bị sa vào tội lỗi, mạt kiếp chôn trầm luân, nên nhứt định chuyển Tam Giáo qui nguyên phục nhứt, chấn hưng Tôn giáo lại cho hoàn toàn, rồi khêu sáng ngọn đèn thiêng liêng lên để dìu dắt bước đường cho nhơn sanh nhìn nhau một Cha chung, hòa bình chung sống ngõ hầu tạo ra một “thế giới đại đồng” huỳnh đệ.

III.- CÁC ĐẢNG GIÁO CHỦ TIÊN TRI SỰ XUẤT HIỆN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Cũng trong bài thuyết Đạo nêu trên, Đức Hộ Pháp cho biết:

“Các vị Giáo Chủ ngày xưa tiên tri rằng: Buỗi sau này Tam Giáo phải qui phàm nên có đề lời bí tích trong sách truyền như:

– Phật Tông Nguyên Lý, Đức Thích Ca nói:

“Lục vạn dư niên Thiên khai Huỳnh Đạo”.

– Còn Nho Giáo, Đức Khổng Tử nói:

“Mạt hậu Tam Kỳ Thiên khai Huỳnh Đạo”.

– Đức Chúa Jêsus khi bị đóng đinh trên cây Thánh giá có nói tiên tri với môn đồ của Ngài rằng:

“ Trong hai ngàn năm Tận thế, Ta sẽ đến phán xét cho nhơn loại một lần nữa.” Và Ngài có nói:

“Còn nhiều chuồng chiên, sau Đức Chúa Trời sẽ qui về một mối”.

Nay Đức Chí Tôn khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đúng theo lời sách truyền của các vị Giáo Chủ ngày xưa.

Chỉ có hai phương diện là do nơi Tam Giáo thất chơn truyền, chính mình Đức Chí Tôn giáng cơ lập Đạo đặng qui nguyên phục nhứt, gọi là **Chấn hưng Tam Giáo** lại cho hoàn toàn, lập luật pháp khuôn viên cho phù hợp theo dân trí buổi này mới tìm phương độ rỗi nhơn sanh, hiệp cả tinh thần của các dân tộc, biết nhìn nhau một Cha chung mà thuận hòa cùng nhau, thật hành chủ nghĩa thương yêu, chung thờ một nền tôn giáo đại đồng thì nhơn loại mới đặng gọi nhuần ân huệ và đời tranh đấu tự diệt sẽ trở nên đời mỹ tục thuần phong, thì vạn loại mới chung hưởng hòa bình, phục lại đời thượng cổ là do Thiên thơ tiên định, buổi Hạ nguơn



chuyên thể, hoán cự duy tân.

Tóm lại, Đức Chí Tôn khai Đạo kỳ thứ ba này là thuận theo lẽ tuần hoàn, châu nhi phục thi”.

IV.- TÔN CHỈ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

TÔN CHỈ của Đạo Cao Đài là:

“Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt”

-Tam giáo gồm có: Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo

-Ngũ Chi gồm có: Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo

-Tam giáo qui nguyên là ba nền tôn giáo đều trở về một **Gốc**. Gốc tức là nguồn cội, đó chính là chân lý tuyệt đối hằng hữu, tức là Đức Thượng Đế

-Ngũ Chi phục nhứt là năm nhánh Đạo trở về **Một** mối. Một đó là Đại Đạo, là Cao Đài, là Thái cực, tức nhiên là Đức Thượng Đế.

Tam giáo qui nguyên là chỉ ba tôn giáo lớn Phật, Lão, Nho. Còn Ngũ chi thì nói chung tất cả các tôn giáo trên thế giới, trong đó có Tam giáo.

Lá cờ Đạo Cao Đài là lá cờ Tam thanh, có ba màu: vàng, xanh, đỏ

-Màu vàng ở trên tượng trưng đạo Phật

-Màu xanh ở giữa tượng trưng đạo Tiên

-Màu đỏ ở phần dưới tượng trưng đạo Nho

Huy hiệu của Đạo Cao Đài lấy biểu hiệu của Tam giáo: Bình Bát Vu của đạo Phật, Cây Phát chủ của đạo Tiên và Kinh Xuân Thu của đạo Nho.

Giáo lý Cao Đài là sự tổng hợp có sáng tạo của Tinh hoa giáo lý Tam giáo và Ngũ chi đã có từ xưa, hiệp với Thánh giáo hiện tại của Đức Chí Tôn ban cho từ ngày mở Đạo trở thành hệ thống Tân Giáo lý dung hợp tất cả giáo lý khác, tạo thành một nền Giáo lý Đại Đồng có đủ tinh thần cao thượng của các tôn giáo.

Chúng ta có thể thấy hệ thống giáo lý Cao Đài có ít nhiều giáo lý của các tôn giáo khác như:

- Nho giáo: tin tưởng có Trời tức Thượng Đế, Đạo Cao Đài phục hoạt đạo Nhơn luân của Đức Khổng nên mới gọi là **“Nho Tông chuyên thể”** làm căn bản cho đạo làm người xứng đáng phẩm người như: Tam cương Ngũ thường, Tam tòng Tứ đức, thờ cúng ông bà

tổ tiên, tế lễ có Lễ sĩ ...

- Tiên giáo: luyện Tam Bửu Ngũ hành, thông công qua Cơ bút với các Đấng Thiêng liêng
- Phật giáo: Thuyết Luân hồi, Ngũ giới cấm, Giới luật Ăn chay, dùng chuông mõ để tụng kinh.
- Thiên chúa giáo: thờ Thượng Đế, cách tổ chức giáo hội từ trung ương đến địa phương, phía trước Thánh Thất giống Giáo đường (có 2 lầu cao vút), dùng Nhạc trong tế lễ như Thánh đường ...

Tóm lại, câu **“Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt”** có nghĩa là:

- **Ba tôn giáo chính ở Á đông và năm nhánh Đạo (Phật, Tiên, Thánh, Thần, Nhơn) trên toàn thế giới đều qui về một Gốc là Đức Thượng Đế.**
- **Qui nguyên Tam giáo là nói về học lý, còn hiệp nhứt Ngũ chi là nói về thực hành. Khi mới nhập môn thì thực hành Nhơn đạo, rồi tiến lên Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo rồi đến Phật đạo. Đây là trường học năm lớp mà mọi người ai cũng có thể tu theo.**

MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài, ban Đại ân xá kỳ ba, để dạy cho con người làm lành lánh dữ, thương yêu nhau, coi như anh em một nhà vì tất cả đều có một Đấng Cha chung là Đức Thượng Đế; lập công bồi đức để trở thành người hiền lương, làm việc tốt giúp đời trợ Đạo. Được như vậy thì khi sống được an vui và khi chết được giải thoát, tức trở về với Thượng Đế nơi cõi Thiêng liêng hằng sống, tùy theo công đức ít nhiều mà đạt địa vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Đó là mục đích của đạo Cao Đài:

- Về Nhơn đạo thì “Giáo hóa nhơn sanh lập Đại đồng huynh đệ”
- Về Thiên đạo thì “Giải thoát kiếp luân hồi sanh tử, tức trở về cõi Thiêng liêng hằng sống”.

Còn nói về Đạo pháp thì mục đích Đạo Cao Đài mở cơ **đại ân xá** để:

- cứu vớt 92 ức nguyên nhân qui hồi cựu vị
- tận độ cả chúng sanh dù nguyên nhân, hóa nhân hay quỷ nhân nếu biết ngộ một đời tu cũngặng giải thoát về cảnh Thiêng liêng hằng sống.

V.- PHƯƠNG TU CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài là một tôn giáo được thành lập cách nay 100 năm. Nói là tôn giáo vì căn cứ vào tôn chỉ, giáo lý và phương pháp tu hành.

Căn cứ vào giáo lý Phật giáo và Tiên giáo thì hai mối đạo này khuyến khích tu xuất thế. Ngược lại, Nho giáo thì tích cực dạy nhập thế, còn phần xuất thế tức phần tu Phối Thiên thì

chỉ trong lý thuyết tâm truyền không phổ biến.

Đạo Cao Đài có cách tu riêng biệt tuy phát xuất từ Tam giáo nhưng không giống bất cứ tôn giáo nào khác, bao gồm cả **nhập thế** trong một thời gian nào đó trong đời tu và **xuất thế** để đi đến giải thoát.

Về tôn chỉ, như phần trên đã trình bày, Đạo Cao Đài tuy là tôn giáo nhưng có tôn chỉ và giáo lý Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt vì đó là chân lý của Đạo. Điều này có nghĩa là trong giáo lý Cao Đài có đủ tinh hoa giáo lý Tam giáo nên mới gọi là qui nguyên. Tôn chỉ Cao Đài cũng chú trọng về Ngũ chi Đại Đạo, trong đó Nhơn đạo là đạo khởi đầu là phần quan trọng nhất mà Đức Khổng tử đã chủ trương và dày công truyền bá cách nay hơn 2,500 năm .

Đây là phần rõ nét nhất, Đạo Cao Đài phục hưng Nho giáo, đó là phần **Nhơn Đạo**.

Đây là cách Tu cho tất cả mọi người, thuộc mọi thành phần trong xã hội ai cũng có thể tu được. Con người vì đang sống tại thế, bận rộn với gia đình xã hội ... nên không thể đợi chờ nghỉ hưu mới tu vì cuộc đời vô thường, sống chết không có biết trước được.

Cho nên hễ nhập môn vào Đạo rồi, tín đồ bắt đầu tu tập theo luật lệ Đạo ấn định, tu ngay tại thế, tu ngay tại sở làm, tu mà người khác có thể không hay biết, làm công dân hay công bộc tốt với xã hội và có lòng vị tha với mọi người.

Giai đoạn này, tín đồ Cao Đài có thể tham gia vào hành chánh Đạo địa phương làng xã, phụ giúp tang tế sự và phát triển Đạo sự địa phương.

Cuối cùng rồi đến giai đoạn nào đó, khi sắp xếp yên ổn việc nhà có thể tiến đến tu **Thiên Đạo**, tức tu **xuất thế** để mưu cầu mục đích tối thượng của kiếp làm người là khi sống được an vui và khi chết được giải thoát. Tu xuất thế tức xuất gia, là người không còn vướng bận việc gia đình, xã hội, trường chay, tuyệt dục, tự nguyện làm từ hiến thân lo phụng sự cho Đạo mà thôi.

Họ có thể chọn một trong ba con đường tu xin kể ra sau đây:

1.-Con đường **Cửu Thiên Khai Hóa** tức **Cửu Trùng Đài**

Là con đường lấy quyền hành phẩm tước làm phương tiện hành Đạo, phẩm cấp này phải do đức hạnh và công nghiệp hành Đạo mà có.

Các phẩm tước này đối phẩm với Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi cõi Thiêng liêng, cho nên đòi hỏi người nhận phẩm phải có công đức xứng đáng.

2.-Con đường **Phước Thiện**

Là con đường Thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng, cũng có 12 cấp phẩm tước hữu hình đối chiếu với Thiêng liêng từ Minh Đức tới Phật Tử. Phẩm cấp có được là nhờ lập đức, tạo lập của cải vật chất giúp kẻ nghèo khó, cô nhi , già cả tật nguyên neo đơn ... cùng yểm trợ đời sống cho chức sắc hành Đạo

3.-Con đường **Tu Chơn**

Tức là con đường tịnh luyện, tức thiên định, rèn luyện năng lực nội thân mình theo tiến trình Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần và cuối cùng Thần huồn Hư thì đến chỗ Chơn thần đủ khả năng rời xác phàm để về với Đức Chí Tôn.

Đây là con đường dành cho người có đủ Tam Lập là lập Công, Đức, Ngôn và phải có chơn sư hướng dẫn mới khỏi bị sai lạc, tẩu mã nhập ma mà hóa ra điên khùng!

VI.- KẾT LUẬN

Sự xuất hiện của một tôn giáo mới không phải là một sự ngẫu nhiên mà có sự tác động của tình trạng xã hội đương thời và cũng phù hợp với Thiên ý.

Chúng ta thấy các tôn giáo thời Trung cổ tức Trung nguyên, có các Tôn giáo Phật (Đức Thích Ca), Tiên (Đức Lão Tử), Nho (Đức Khổng Tử) và Thánh (Đức Jesus Christ) ra đời để **chấn hưng** các đạo đã có từ thời Thượng cổ, tức sửa đổi cho phù hợp xã hội dân trí đương thời.

Cách nay 100 năm, sau hai ngàn năm, dĩ nhiên trình độ dân trí cũng thay đổi, ngày nay loài người đã tiến hóa vượt bậc, thì có một tôn giáo mới Cao Đài xuất hiện để **chấn hưng** lại các tôn giáo đã và đang có.

Lý do Đạo Cao Đài xuất hiện:

- Các tôn giáo đã có là các chánh đạo do các vị Giáo chủ là Thiên sứ vâng lệnh Đức Thượng Đế giảng thế dạy đời tùy theo phong tục và trình độ dân trí nơi tư phương đó mở đạo cách nay hơn hai ngàn năm, không còn phù hợp với dân trí thời nay nữa.

Các tôn giáo không kèm chế được nhân tâm khiến cho xã hội ly loạn, thế giới bất ổn, con người chẳng còn lương tâm đạo đức như xưa:

+ không gìn giữ Tam cương Ngũ thường

+ không thực hiện “Từ bi, bác ái và bình đẳng” .

+ xung đột tôn giáo tôn giáo thường xuyên

Con người manh tâm cướp giết hại lẫn nhau, không kể tình đồng bào cốt nhục, nước lớn hiếp nước nhỏ, chủ nghĩa độc tài đế quốc, cuộc cách mạng vô sản của các nước Cộng sản lấy giết hại biết bao sanh linh. Ngay cả bản thân của các tôn giáo, chiến tranh tôn giáo triền miên, cũng không tốt hơn làm sao hướng dẫn tinh thần nhân loại

- Chân lý các Đạo chỉ có Một, là tình thương yêu, làm lành lánh dữ. Tuy nhiên vì khác quan niệm tín ngưỡng do thiếu hướng dẫn và hiểu biết của các vị tông đồ lãnh đạo giáo hội kế thừa làm cho **các Đạo nghịch lẫn nhau** gây ra biết bao tang tóc cho tín hữu và nhân loại như các phần trên đã dẫn chứng.

- Ngày nay, nhân loại đã hiệp đồng, sự hiểu biết và thông thương nhau không còn biên giới, nên Đức Thượng Đế đích thân giảng diễn mở Đạo lần thứ ba là Đại Đạo Tam Kỳ

Phổ Độ, gọi tắt là Cao Đài để thức tỉnh nhân sanh hãy tỉnh ngộ mà nhìn nhận:

+ Con người có cùng nguồn gốc từ đức Thượng Đế

+ Nhìn nhau là anh em, dưới mắt Thượng Đế là con cùng Cha phải thương yêu nhau không kể màu da sắc tóc.

+ Tất cả các mối Đạo là Một. Đạo Cao Đài là đạo của các đạo, là đạo chung của nhân loại và cùng tôn thờ Thượng Đế là nguồn gốc của Bản thể vũ trụ và tôn thờ các Đấng Thần Thánh Tiên Phật.

- Ngoài ra, sự xuất hiện của Đạo Cao Đài có sự tiên tri của các vị giáo chủ: Đức Thích Ca, Lão Tử, Jesus Christ ... trong kinh sách, nhưng vì tiên tri thì không có thời hạn chính xác và tôn giáo nào cũng bảo thủ cho tôn giáo mình nên vô tình hay cố ý quên lãng những lời tiên tri đó.

Xin nêu ra sau đây các **Yếu điểm của nền tâm tôn giáo Cao Đài**:

1.- Nhìn nhận tinh hoa chung của các tôn giáo đã có vì đó là chân lý:

- Nhìn nhận có một *Đấng Tối cao*, sáng tạo ra nhơn vật.
- Con người có *Thiên tính*, *Phật tính* hay lương tâm.
- Con người muốn thực hiện Thiên tính đó, cần phải có công phu học *hỏi tu hành*
- Nguyên nhân làm cho con người khổ đau vì con người còn *vô minh*
- Con người *sống phải có mục tiêu* là trở thành con người toàn hảo
- Tôn giáo nào cũng dạy "*làm phải làm lành*" và xa lánh tội ác
- *Luật nhơn quả* trả vay trả theo luật Công bình để nâng cao phẩm vị của chơn hồn.

2.- Đạo Cao Đài có cách tu linh động, ai cũng có thể tu được, tu tại thế qua trường học năm lớp bắt đầu từ Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo. Điều này có nghĩa là trước tiên phải tu nhập thế, tu ngay trong lúc còn làm ăn sinh sống và tu xuất thế hay xuất gia sau khi không còn vướng bận gia đình thế sự.

Có thể nói Đạo Cao Đài có cách Tu toàn diện, Tu Thân lẫn Tu Tâm từ Nhơn đạo đến Thiên Đạo: Lúc sống được an vui và khi chết được giải thoát tức "*Nhơn Đạo Đại đồng và Thiên Đạo giải thoát*". Tu thân để sống tốt với mọi người và Tu tâm để tinh thần hòa hợp với thiên nhiên, lúc chết được giải thoát.

3.- Nhìn nhận chỉ có một Đấng Tạo Hóa, Đấng Cha Chung và chỉ có Một mà thôi sinh hóa ra vạn vật và do đó tất cả nhân loại là anh em, phải **Thương Yêu** và đối đãi nhau một cách **Công Bình**. Tòa Thánh Tây ninh là Tổ đình của Đạo Cao Đài.

4.- Nền giáo lý Cao Đài có đủ tinh hoa giáo lý của Phật giáo, Tiên giáo, Thánh giáo và Nho

giáo ; kể cả phần thể pháp.

5.- Pháp Chánh Truyền là Hiến Pháp của Đạo do chính Đức Giáo chủ Thượng Đế giáng cơ lập ra, bất di bất dịch và lưu truyền 700,000 năm.

6.-Bộ Tân Luật do Hội Thánh ban sơ lập ra căn cứ vào Pháp Chánh Truyền có Đức Chí Tôn phê chuẩn. Gọi là Tân Luật vì bộ luật này sẽ được cập nhật hóa một cách dân chủ do quyền vạn linh chấp thuận cho phù hợp với trình độ dân trí và phong tục tập quán của mỗi quốc gia. Quyền Vạn linh gồm có sự đồng thuận của ba Hội: Đại Hội Nhơn sanh, Đại Hội Hội Thánh và Thượng Hội (xin xem thêm thể lệ trong Bộ Tân Luật).

Tóm lại, thời xưa Đức Thượng Đế cho các Đấng Thiêng liêng giáng thế các nơi mở Đạo cứu đời, đó là “*Nhứt bốn tán vạn thù*”. Chân lý Đạo chỉ có Một mà thôi mà các tông đồ về sau diễn đạt khác nhau làm chia rẽ tôn giáo với nhau. Thời nay do quan niệm “vạn giáo đồng nhứt lý”, Đức Thượng Đế vì lòng từ bi vô hạn, đích thân mở Đạo Cao Đài để “Qui nguyên Tam giáo và Hiệp nhứt Ngũ chi”, để đem các chuông chiên con cái Ngài về một nhà; đó là “*Vạn thù qui nhứt bốn*”.

Đức Thượng Đế giáng trần mở Đạo, cho nhân loại biết cội nguồn của các tôn giáo để chúng sanh mở rộng tâm trí ra công nhận Ngài là Đấng Cha Chung và tất cả là con của Người, là bạn đồng sanh, là huynh đệ cốt nhục. Mở cơ Đại ân xá cho các tội tình gây ra bao kiếp trước cho tìn đồ vào Đạo tu hành để trở về cùng Ngài sau khi chết.

Với lòng từ bi vô lượng, Đức Chí Tôn cho lệnh đóng cửa địa ngục, bãi bỏ khổ hình, còn ân xá cho dù nguyên nhân, hoá nhân, quỷ nhân được luân hồi chuyển kiếp tu hành và tất cả đều được siêu thăng giải thoát chỉ một đời tu:

“...*Trùng hườn phục vị Thiên môn,*

Nguơn linh, hóa chủng, qui hồn nhứt thăng.

Vô siêu đọa quả căn hữu pháp,

Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan

Vô địa ngục, vô quỷ quan,

Chí Tôn **đại xá** *nhứt trường qui nguyên”*

(Phật Mẫu Chơn Kinh)

“*Chí Tôn xá tôi giải oan*” ...

“*Ơn Tạo Hóa tha tiền khiên trước*”

(Kính cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu)

Đây là một đặc ân to lớn chưa từng có cho nhân loại may duyên gặp Đạo Cao Đài, có điều con cái Người có tiếp nhận hay không, âu đó cũng là nhân duyên.

HT Nguyễn Đăng Khích biên soạn

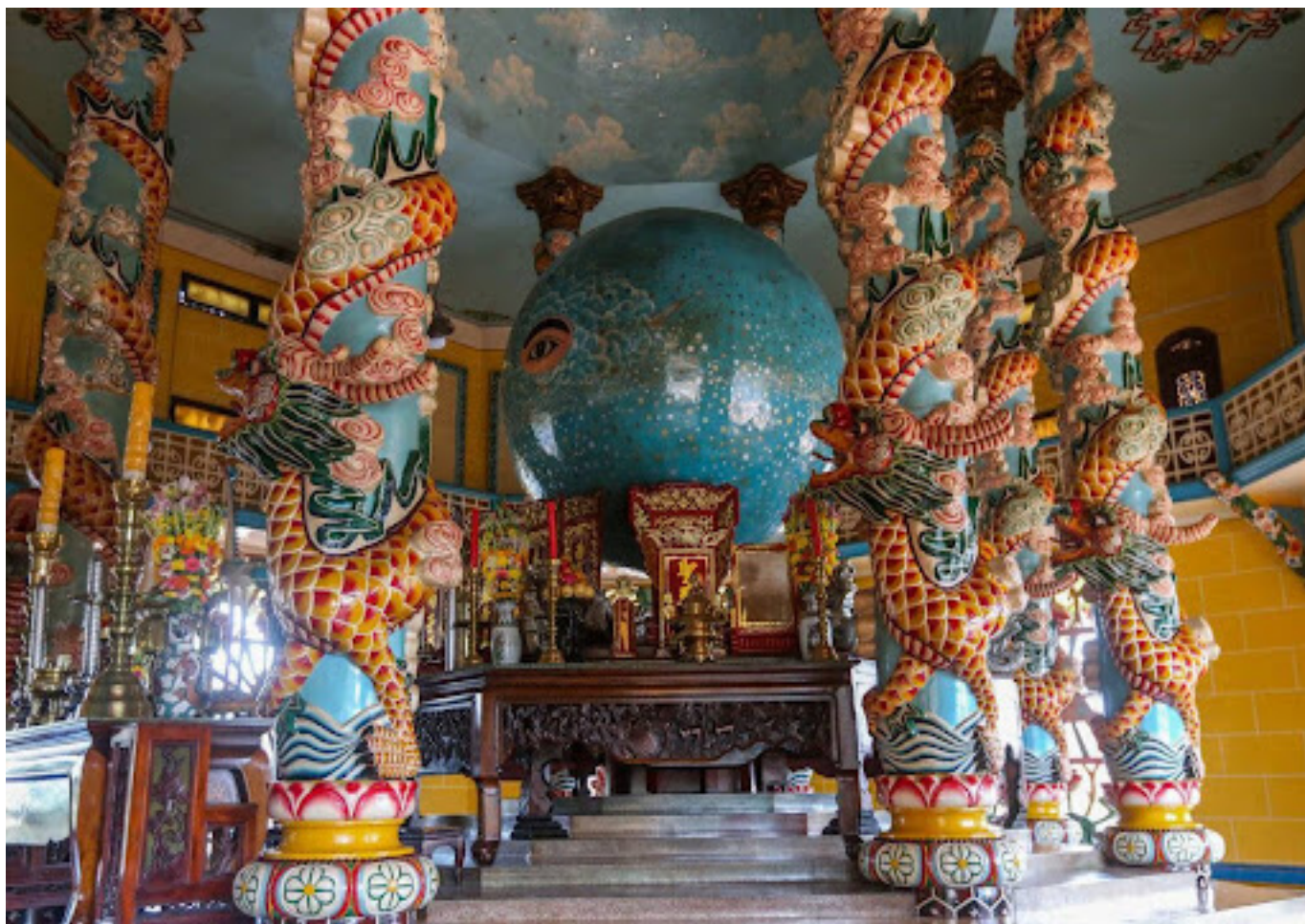
(Viết xong đầu Đạo lịch thứ 100)

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp (1928-1940)

2. Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo

*TNHT I : Thánh ngôn Hiệp Tuyên, Quyển I



Điện Thờ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng

VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO



Bá Huê Viên - Nội Ô Tòa Thánh

I.*- CUNG CHÚC TÂN XUÂN (Ất Ty-2025)

Ất Ty tân niên sắp đến gần,
Ước nhìn vạn vật đẹp màu Xuân.
Xuân Hòa lạc nghiệp niên niên thịnh;
Xuân Ái an cư nhựt nhựt tân.
Xuân đức năng trau xây cội Nghĩa,
Xuân tâm thức tỉnh dựng nền Nhân.
Lửa binh chưa ló màu quang đặng,
Cầu nguyện Chí Tôn giải nghiệt trần!

Hoàn Nguyên

San Jose Nov 25,2024

Họa 1

CHÚC MỪNG NĂM MỚI.

Rồng cuộn lên mây, Rắn sáp gần
Rõ ràng non nước đón chào Xuân
Chúc mừng năm mới đều thư thái
Mong ước đời vui mãi cách tân
Khách đợi chim gieo mầm thiện đức
Người chờ hoa nở lộc từ nhân
Tam Kỳ Phổ Độ cầu Trời Phật
Đại chúng tôn vinh Đạo giáng trần ...

Cao My Nhân

Rancho Palos Verdes 25-11-24

Họa 2

NGHINH XUÂN ẤT TỶ

Mừng năm Ất Tỵ sắp sang... gần
Đông mãn ngàn hoa đẹp nét Xuân
Vui đón Tân Niên đời thịnh vượng
Rước mời Phước Lộc cảnh thanh tân
Gió hoà Đạo Hữu vun cây Đức
Mưa thuận đồng môn dựng nghĩa nhân
Đại Đạo hoằng khai toàn thế giới
Tam Kỳ Phổ Độ khắp dương trần...

Mai Xuân Thanh

Silicone Valley November 25, 2024

Họa 3

ĐÓN CHÀO XUÂN MỚI

Tiền biệt Thìn qua Tỵ lại gần
Chúc mừng năm mới đón chào Xuân
Thiện hoà con một nhà vui vẻ
Nghĩa ái muôn người đẹp kiếp tân
Xuân đến rồi đi chưa thức tỉnh
Xuân nào cũng vương mãi mê nhân
Cầu mong Rắn Tỵ nay Thiên Sứ
Thượng Đế Hồng Ân giải hoạ trần ...

Yên Hà

26/11/2024

Họa 4

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

(ÁT TỴ - 2025)

Rồng lộn bay đi...Rắn lại gần...!
Tân niên “hy vọng” đón mừng Xuân
Nguyện cầu “hạnh phúc”, muôn người khỏe
Mong ước “lộc tài”, vạn sự tân
“Ái hữu” chúc nhau “vui thiện đức”
“Hội đoàn” kính lão “đắc lòng nhân”
Thiền môn khai Đạo, ơn “Trời Phật”
“Tòa Thánh Tây Ninh” kiếp “tẩy trần”...!

Mai Xuân Thanh

Silicone Valley November 28, 2024

Họa 5

ĐÓN XUÂN ẤT TỶ

Tờ lịch vui đi Tết tới gần
Mùa đông lạnh lẽo đổi sang xuân
Mọi người vã vội lo đưa cựu
Trăm họ rộn ràng đợi đón tân
Chắc hẳn niên này thêm ý thiện
Bởi vì năm cũ tích tâm nhân
Cao Đài tận độ kỳ ba mở
Tín hữu nhanh chân lánh tục trần

Hưng Quốc

Texas 11-28-2024

II.*-VÍA ĐỨC CHÍ TÔN

(Mồng 9 Giêng Ất Ty-2025)

Đại vía đầu xuân mở Chánh môn
Trăm hoa đua nở pháo reo dồn
Thánh tòa nhan khói thơm trầm quế
Bát quái đèn sao rực quả khôn
Nhạc lễ cúc cung dâng hiến phẩm
Đồng nhi nhịp giọng cúng thiên tôn
Tâm thành khấu bái cùng Thầy Mẹ
Phước đức An Nam vĩnh viễn tồn

Hưng Quốc

Texas 11-18-2024

HỌA 1.*- Y ĐỀ

Cao Đài rộng mở rạng thiên môn
Mừng vía Ngọc Hoàng trồng thúc đồn
Giáng thế ban ân khai Chánh Pháp;
Mở cơ đại xá lượng Càn khôn.
Tam tông hiệp nhứt xây Chơn Đạo,
Vạn giáo qui căn niệm Chí Tôn.
Thế giới đại đồng, con một cội,
Bảy trăm ngàn tuổi Đạo trường tồn.

Hoàn Nguyên

San Jose Nov 21-2024

HỌA 2.*- Y ĐỀ

Tu học Cao Đài phải nhập môn...
Tháng giêng mừng chín mùa lân đồn
Bửu Toà tín ngưỡng nhang trầm khói
Chánh Điện niềm tin nguyệt quế khôn
Lễ nhạc Quân Thiên đàn phách nhịp
Đồng Nhi kinh kệ sách chư Tôn
Đầu Xuân Vía Chí Tôn, chư Phật
Phước báu an khang Đại Đạo tồn...

Mai Xuân Thanh

Silicone Valley Nov 21, 2024

HỌA 3.*- NGÀY VÍA CHA TRỜI

Đầu xuân Mừng Chín mở hoàng môn
Cửa chánh trông chiêm thúc dục đồn
Đạo hữu thành tâm quỳ hiến lễ
Quân thiên nhạc tấu thâu Càn Khôn
Chúng sanh cứu vớt Thầy thương xót
Giải thoát luân hồi ơn Chí Tôn
Ngày Vía Cha Trời luôn tưởng nhớ
Gắng tu giải nghiệp Vị yên tồn ...

Yên Hà

22/11/2024

III.*-MỪNG LỄ THƯỢNG NGUỒN

Đại lễ Thượng nguồn đúng tiết Xuân
Chư Thiên hạ giới pháp thường luân
Xoay đời mật kiếp muôn dân hưởng
Dựng thế tiên hiền bá tánh tuân
Khổ ách trần gian cơ khảo đảo
An nhàn cửa Thánh đoạt dương thuần
Chí Tôn Phật Mẫu luôn trông đợi
Kíp kíp hồi qui luyện Đạo nhuần

Hưng Quốc

Texas 11-29-2024

Họa 1

Thượng Nguồn vượng khí rộ hoa Xuân,
Vạn vật phục sanh thế chuyển luân.
Bá tánh cầu an Nhơn Đạo giữ,
Cửu Huyền nguyện độ Pháp thường tuân.
Trì kinh Xuân nhật tâm duyên khởi,
Cẩn bái Tân niên Đạo hạnh thuần.
Cúng kiếng năng hành thần trí sáng,
Hồn âm, kẻ tục gọi ân nhuần.

Hoàn Nguyên

San Jose Nov 29-2024

Họa 2.- ĐẸP MÙA XUÂN

Tiết trời tươi mát đẹp mùa Xuân
Phật Thánh Thần Tiên hội pháp luân
Khởi sắc Rằm Giêng ngày đại lễ
Thượng Nguồn bá tánh lễ nghi tuân
Cửu Huyền Thất Tổ dâng lời nguyện
Thế giới bình yên biết Đạo thuần
Kinh tụng tứ thời tìm cõi tịnh
Hồi quy cựu vị gọi ơn nhuần ...

Yên Hà

30/11/2024

Họa 3

Thượng Nguơn đại lễ tiết đầu Xuân
Tín hữu Cao Đài ngộ pháp luân
Chuyển thể Nho Tông thiên hạ hưởng
Xoay đời Chánh Giáo vạn người tuân
Trần gian khảo đảo cơ nhân quả
Thánh Thất an ninh Đạo Hạnh thuần
Phật Mẫu Điện Thờ, xin kính nguyện
Qui hồi Cự Vị chí tâm nhuần...!

Mai Xuân Thanh

Silicone Valley 11/30/2024



CHƠN THẦN HIỂU THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI

*Trung Dung Đạo



Hiện tượng xuất hồn ra khỏi xác

NGUỒN GỐC CỦA CHƠN THẦN

Cái Chơn thần của mỗi người có được là do Đức Phật Mẫu lấy hai nguyên khí Âm quang và Dương quang nơi Diêu Trì Cung, kết hợp tạo thành.

Còn Linh hồn là điểm Linh quang do Đức Chí Tôn ban cho. Đức Phật Mẫu thu điểm Linh quang này, rồi tạo ra cho nó một Chơn thần (Xác thân thiêng liêng) bao bọc Linh hồn, tạo thành một con người nơi cõi thiêng liêng. Như vậy, một người nơi cõi thiêng liêng có hai thể : Linh hồn và Chơn thần.

Khi một người nơi cõi thiêng liêng được phép đầu kiếp xuống cõi trần thì Chơn thần và Linh hồn đi xuống nhập vào hình hài đứa bé vừa lọt khỏi lòng mẹ, làm cho đứa bé giựt mình phát ra tiếng khóc chào đời. Chơn thần sẽ làm khuôn viên cho thể xác đứa bé lớn lên, còn Linh hồn tạo ra sự hiểu biết và bảo tồn sự sống cho đứa bé.

Do đó, hình ảnh của thể xác đứa bé là hình ảnh của Chơn thần đứa bé, từ khi ấu thơ đến khi trưởng thành hay đến lúc già.

Khi thể xác chết thì Chơn thần và Linh hồn xuất ra khỏi thể xác, bay trở về cõi thiêng liêng. Chơn thần mang lấy hình ảnh của thể xác như khuôn in rập.

Cái Chơn thần của người chết có khi hiện hình cho người phàm thấy được, thường gọi đó là Ma hay Hồn Ma, khi thì biến mất, nên Chơn thần thuộc về bán hữu hình, nghĩa là có thể thấy được và có thể không thấy được.

Chơn thần được Đức Phật Mẫu tạo ra bằng hai nguyên khí Âm quang và Dương quang, nên Chơn thần có thể đi xuyên qua vật chất, không có gì cản trở được nó. Ánh sáng còn bị vật chất cản trở, nhưng Chơn thần thì giống như từ trường, đi xuyên suốt qua vật chất dễ dàng.

Đối với người sống, Chơn thần ẩn trong thể xác phàm, trung tâm của nó là óc (não bộ), và cửa xuất nhập của nó là lỗ ác, tức là Nê Huồn Cung.

Chơn thần liên hệ thể xác qua 7 dòng từ điện. Nhờ 7 dòng từ điện này, Chơn thần ra lệnh điều khiển thể xác, cũng do nơi đó, thể xác đòi hỏi Chơn thần làm cho nó thỏa mãn, khiến nên thể xác gây ra nhiều mối oan nghiệt, nên 7 dòng điện từ này được gọi là 7 dây oan nghiệt.

ĐỊNH NGHĨA.

“ Chơn thần là gì ? Là Nhị xác thân (Périsprit), là xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm níu kéo.

Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật, là huyền diệu vô cùng, bất tiêu bất diệt. Bậc chơn tu, khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du Thiên ngoại. Cái Chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy. “ (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 2)

“ Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân : Một phàm gọi là Corporel, còn một thiêng liêng gọi là Spirituel, mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.... Khi nơi xác phàm xuất ra thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập.” (TNHT 1-2, B 20)

Đức Chí Tôn ban cho phép Đoạn căn là để cắt đứt 7 Dây Oan nghiệt này, để Chơn thần bứt ra khỏi thể xác, không còn bị thể xác níu kéo, mà trở về cõi thiêng liêng.

Chơn thần là xác thân thiêng liêng của mỗi người, do Đức Phật Mẫu dùng nguyên khí nơi DTC để tạo thành.

“Nơi Ao Diêu Trì có một đài phát hiện Âm quang. Đài ấy thâm lẫn Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang hiệp với Âm quang mà tạo nên chơn thần cho Vạn linh trong CKVT.”

Lần Sanh quang của ngôi Thái Cực là điểm Linh quang của Đức Chí Tôn ban cho. Đức Phật Mẫu thâm điểm Linh quang này làm linh hồn, rồi dùng Âm quang phối hợp Dương quang để tạo chơn thần (tức là xác thân thiêng liêng) bao bọc điểm Linh quang ấy, tạo thành một con người nơi cõi thiêng liêng. (Cao đài tự điển Nguyễn văn Hồng)

Chơn thần, như chữ “Chân thần, hay Đệ nhị xác thân. Theo Thánh giáo đây là một xác thân thiêng liêng do Phật Mẫu dùng nguơn khí tạo thành.

Thê này thuộc khí chất, bán hữu hình, vì nó có thể thấy đặng, mà cũng không có thể thấy đặng. Khi ra khỏi xác phàm, thì chơn thần lấy hình xác phàm như khuôn in rập.

Khi còn sống, chơn thần không thể xuất ra đặng vì bị xác phàm níu kéo, chỉ bậc chân tu mới có thể xuất chơn thần đặng.

Thánh giáo Chí Tôn dạy: “Cái chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch, mới nhẹ nhàng hơn không khí, ra khỏi càn khôn đặng”.

*Chịu ô trước Chơn thần nặng trĩu,
Mảnh hình hài biếng hiểu lương tâm,
(Kinh Tận Độ).*

*Nhục thê làm thuyên qua khổ hải,
Chơn thần hoá hạc đến Kim Bàn.
(Thơ Tiếp Đạo).*

(Cao Đài tự điển Quách văn Hoà)

NHIỆM VỤ CỦA CHƠN THẦN

Một người nơi cõi trần, khi thê xác chết thì Linh hồn và Chơn thần xuất ra, rời bỏ thê xác, đi trở về cõi thiêng liêng. Nơi đây, Linh hồn và Chơn thần được xem xét tội phước và định phận.

Nếu được cho chuyển kiếp đầu thai trở lại cõi trần thì diễn tiến như sau :

Trước hết, các vị Phật nơi tầng Trời Tạo Hóa Thiên như : Quảng Sanh Phật, Dưỡng Dục Phật, Chương Hậu Phật, Thủ Luân Phật, vv . . . lãnh nhiệm vụ nơi Đức Phật Mẫu, dùng Chơn thần cũ của người đó làm chất liệu để nắn đúc ra một Chơn thần mới với hình ảnh tốt đẹp hay xấu xí tùy theo cái nghiệp của Chơn thần cũ và trình độ tiến hóa của Linh hồn. Nếu Linh hồn đã tiến hóa cao thì hình ảnh của Chơn thần mới tốt đẹp, trái lại, nếu Linh hồn kém tiến hóa thì hình ảnh của Chơn thần mới xấu xí.

Chúng ta lưu ý rằng, Linh hồn chỉ là một điểm Linh quang nên không thay đổi, còn Chơn thần thì có hình ảnh thay đổi tùy theo trình độ tiến hóa của Linh hồn.

Linh hồn và Chơn thần được đưa xuống cõi trần, đến với một bà mẹ đang mang thai theo luật hấp dẫn đồng khí tương cầu. Khi hài nhi vừa được sanh ra khỏi lòng mẹ, Linh hồn và Chơn thần liền nhập vào thê xác hài nhi qua cái cửa Nê Hườn Cung, nơi mở ác, làm cho thê xác của hài nhi rung động, bật ra tiếng khóc, bắt đầu hít thở không khí, và cũng bắt đầu một kiếp sống mới nơi cõi trần.

Kể từ đó, Thê xác, Chơn thần và Linh hồn đưa bé có đời sống độc lập đối với bà mẹ và lớn lên dưới sự điều khiển của Linh hồn.

Trong Thuyết đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giảng về Bí Pháp, có nói :

“ Con dương trùng (tinh trùng) của cha nhập vô âm khí với âm trùng (noãn châu) của mẹ, dương trùng của cha tạo biến hình hài xương cốt chúng ta, còn âm trùng của mẹ biến ra

máu thịt của chúng ta đó vậy. Hai con vi trùng ấy ôm khít lại với nhau thành tượng biến hình hài. Hai tinh trùng hiệp lại khác hẳn với cái hình tượng tinh trùng đơn sơ, khi nhập vào, hai con làm thành một.

Buổi tượng hình chúng ta thì Chơn thần của chúng ta còn ở ngoài thân, ngoài cốt hài của chúng ta. Nó lơ lửng hoặc là quanh theo bà mẹ, ở dựa bên, như là bà mẹ đi nơi nào, nó đều theo nơi đó. Chơn thần theo người mẹ có chữa. Nếu người mẹ có đạo đức, dám chắc đi đâu chưa có sự gì rủi ro đến thiệt hại. Bởi có cho nên đưa con theo mãi, theo cho đến khi tượng hình chúng ta ra khỏi lòng bà mẹ, Chơn thần ấy mới nhập vô ảnh hài đó, làm khuôn viên cho ảnh hài đó.”

“Ngộ nghĩnh thay, nếu chúng ta ngó thấy tinh thần chúng ta đầy đủ đạo đức chừng nào thì Chơn thần ảnh hài càng ngày càng đẹp, càng tăng tiến.”

Một vấn đề đặt ra là khi đưa bé lớn lên, tại sao nó không nhớ được các việc trong tiền kiếp của nó ?

Việc ghi nhớ các việc đã qua trong kiếp sống là do nơi trí não thuộc về Chơn thần.

Như đã trình bày ở trên, chư Phật nơi Tạo Hóa Thiên dùng cái “Chơn thần cũ” nấn đúc lại thành cái “Chơn thần mới”, rồi phủ lên đó một tấm màn bí mật che lấp hết các ký ức cũ. Các ký ức cũ vẫn còn đầy đủ, không bao giờ mất, rút vào trong bộ nhớ ở trong Chơn thần, nhưng bị che kín bởi một màn bí mật, làm cho đứa bé không thể nhớ được tiền kiếp của nó. “Chơn thần mới” chỉ là biến tướng của “Chơn thần cũ” do phép huyền diệu của Phật Mẫu tạo ra để che giấu những sự việc trong tiền kiếp, đồng thời định ra hình ảnh mới cho thể xác trong kiếp sống mới thích hợp với trình độ tiến hóa của Linh hồn.

Khi đứa bé trưởng thành, nếu biết cách công phu tu luyện thì nó có thể mở được tấm màn bí mật nói trên, sẽ biết rõ tiền kiếp của mình. Được như thế gọi là đạt được trí huệ, tức nhiên đắc đạo tại thế.

PHÉP TU CHƠN THẦN.

Đứng về phương-diện thứ-tự của sự tu-luyện Đức Lý Giáo-Tông đã dạy rằng:

*“Có công phải biết gắng nên công,
Tu Tánh đã xong mới luyện Lòng.
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,
Đơn tâm khó định lấy chi mong.*

(Thi-văn dạy đạo)

Chơn-thần thuộc về khí-chất, và chơn thần còn gọi là pháp thân hay thể phách, nó đóng vai trò trung-gian liên-kết giữa thể-xác và linh-hồn. Thánh-giáo Đức Chí-Tôn nói về pháp-thân tức là chơn-thần như sau:

“...Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác-thân, một phàm gọi là nhục-thân (corporel), còn một thiêng-liêng gọi là thần-hồn (spirituel), cái thiêng-liêng do cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu-hình, vì nó có thể thấy đặng mà cũng có thể không. Cái xác-thân vô-hình huyền-diệu ấy do Tinh, Khí, Thần luyện thành. Nó nhẹ như không-khí. Khi ở xác phàm xuất ra thì nó lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập...”

“... Phải có một thân phàm tinh-khiết thì mới xuất chơn-thần tinh-khiết...” (Thánh ngôn hiệp tuyên/ Q1/ tr.29.).

Chơn thần (pháp-thân) nằm trong thể xác (phàm-thân) lồng trong ngũ-tạng lục-phủ, xương thịt ra đến da lông và tứ chi, nó là một mạng lưới rung-động bằng điện-quang liên-quan với hệ thống thần kinh chi chít, nên nó cũng là cơ quan đón nhận mọi cảm-xúc như đau-đón, nóng lạnh, ẩm mát. Nên ở một người thể xác bị cưa cụt ở một chi, nhưng họ vẫn thấy cảm-giác đau-đón xuất-phát ở phần tay hay chân đã bị cắt bỏ từ lâu, chứng tỏ rằng phần tay chân của phàm-thân tuy bị cắt bỏ, nhưng phần tay chân khí-chất của pháp-thân vẫn còn nguyên- vẹn, nên vẫn còn cảm-giác. Theo Đông y hệ thống kinh huyết là vô hình tác động lên hệ thống thần kinh hữu hình để trị bệnh (thuộc về chơn thần). Nên nó cũng là nơi đón nhận mọi cảm-xúc và xuất-phát mọi tình-cảm cũng như tư-tưởng. Bản-chất của chơn thần ưa rung-động thô-bạo, khí-chất của nó luôn chu-lưu khắp cơ-thể, nhờ đó mà khối sinh-lực lồng trong xác- thân mới vận-hành, biểu-hiện sự linh-hoạt trong đời sống. Nó chịu sự điều-khiển của Linh-thân (linh hồn) vì nó là khí-chất, nên phải lồng trong xác thân, khó xuất ra được. Đối với các bậc chơn-tu đoạt đặng bí-pháp xuất-thần thì nó có thể xuất ra khỏi xác-thân cùng với linh-thân mà vân du thiên ngoại. Chết là hiện-tượng pháp-thân (chơn-thần) và linh-thân (chơn-linh) rời khỏi xác-thân vĩnh-viễn. Nhờ có chơn thần mà chơn-linh sau khi thoát xác, vẫn có thể phản-phát ở cõi-trần và cõi trung-giới, nếu người tu đắc đạo, pháp-thân nhẹ-nhàng hơn không-khí, thì có thể lên đến thượng-giới nhập vào cõi niết-bàn. Chơn thần là chất khí nên nó có thể tán, có thể tụ và có thể ẩn hiện. Nên trong ngôn-ngữ nhân-gian gọi là hồn người chết, hồn này có thể hiện về, thậm-chí còn tạo ra tiếng động hoặc di-chuyên đồ vật, để chứng tỏ sự hiện-diện của họ.

Chơn thần đóng vai trò trung-gian giữa xác (phàm-thân) và hồn (linh-thân), có phận-sự liên-kết ba thể làm một. Ba phần này hỗ-tương với nhau, nó có phận-sự chuyển mệnh-lệnh của linh-hồn đến nhục-thể, để sai khiến nhục-thể hành-động, ngược lại chuyển những tri-giác của ngũ-quan tiếp-xúc với ngoại-cảnh vào cho linh-hồn để nhận biết và ghi nhớ. Theo duy-thức-học của Phật-giáo đây là sự hoạt-động của ngũ thức (Tai, mắt, mũi, miệng, da) cùng Ý-thức và Mạt-na-thức.

Chơn thần tu như thế nào?

Chơn-tướng của chơn-thần (Tánh) khi duyên theo chơn-tâm, hướng về với linh-hồn thì trở thành chơn tánh, biểu-lộ các tánh-tình cao-thượng, trong-sáng và trí-tuệ minh-mẫn, khiến xác-thân thi-thố những phẩm-hạnh tốt lành; đồng thời khiến cho pháp-thân tươi đẹp, tỏa nhiều hào-quang sáng-sủa, tuy mắt xác phàm không thể nhận thấy, nhưng có thể cảm-nhận được sắc-thái của nó. Ngôn-ngữ của nhân-gian gọi là thần-sắc hay khí-phách của con người. Nếu ta nhìn vào một người hiền-lương, tiên-phong, đạo-cốt, ta sẽ nhận thấy cái dáng-dấp phương-phi, đạo-mạo, còn gọi là cái khí-phách của họ có thể cảm-hoá được người khác. Còn những người gian-ác hung-tợn thì hình-thù cổ-quái, dị-hợm, mới nhìn vào là đã có ác-cảm ngay.

Khi chơn thần khuynh-hướng theo phàm-thân thì trở thành tục-tánh, biểu-hiện những tình-cảm thấp kém, là một thứ giác-tánh thô-thiền có ở bản-năng của cảm-thú như đói biết tìm ăn,

lạnh biết tìm ấm, thèm khát đòi hỏi thỏa-mãn; chứ không phân-biệt được phải quấy, thiện ác. Bởi thế nên những người tuân theo đòi hỏi của xác-thân thì hay có những hành-động thiếu suy nghĩ, ngoài ý muốn của lương-tâm là vậy.

Chơn thần còn là nơi xuất-phát mọi suy nghĩ là nơi hoạt-động của tư-tưởng, nó khu trú ở não, nên người đời hay gọi là trí-não. Xu-hướng của nó duy-lý, nên cũng hay gọi chung là lý-trí, nhưng đôi khi lý-trí yếu-đuối không tập-trung, thì cũng bị tình-cảm lôi-cuốn, trường-hợp này gọi là tình-cảm thắng lý-trí, thường xử sự kém suy nghĩ.

Theo thần-học, khi trí hoạt-động phát ra những luồng tư-tưởng như điện-quang, cái trí cũng có hình ảnh, người có huệ-nhãn có thể nhìn thấy. Nó là chất khí, nó cũng có sức mạnh nên gọi là khí-lực, nếu người tu biết làm chủ nó, tập trung tư-tưởng mạnh-mẽ, thì có thể nâng nổi đồ vật hữu-hình và có thể khiến người khác làm theo ý muốn của mình, như ta thường thấy các nhà thôi-miên họ chỉ dùng tư-tưởng tập-trung cao-độ để sai-khiến người khác mà không cần lời nói.

Chức-năng của cái trí là để phát-biểu tư-tưởng, đây là nơi xuất-phát những điều thiện cũng như điều ác. Phật giáo gọi là Mạt-na-thức (thức thứ bảy) là nơi khởi phát ra vọng-niệm của thất tình như: Mừng, giận, buồn, vui, thương, ghét, sợ-hãi và lục dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), ý-thức suy-nghĩ rồi sai-khiến xác-thân hành-động.

Nên trong duy-thức-học của Phật-giáo cho thức này : công cũng đứng đầu, mà tội cũng đứng đầu (công vi thủ, tội vi khôi). Chúng ta thường thấy người có tư-tưởng thanh-cao thì có những hành-động quang-minh chánh-đại; còn tư-tưởng tham-dục ích-kỷ thì khiến con người hành-động đê-tiện. Nếu tư-tưởng mạnh còn có thể lôi cuốn người khác làm theo.

Tuy cái tâm chỉ-huy cái trí nhưng nó cũng có ảnh-hưởng ngược lại, nếu trí-lự quang-minh thì tâm-địa cũng rộng-rãi khoáng-đạt. Cái trí nằm trong pháp-thân nên cũng có bản-chất rung-động mau-lẹ, thay đổi không ngừng, nên giới tu-hành ví nó như con vượn chuyền cây, ít khi chịu đứng yên một chỗ. Nó ít khi tập-trung một chủ-đề, suy nghĩ việc này chưa xong, thì chuyển sang việc khác, nó ưa tản-mát mông-lung.

Nên trong sinh-hoạt tư-tưởng của con người có tập-trung, thì mới làm việc đến nơi đến chốn và mới có được trí nhớ bền-bỉ. Nên con người cần nuôi-dưỡng cái trí bằng tư-tưởng thanh-cao, tình-cảm trong sạch và thức ăn tinh-khiết vì thức ăn nuôi-dưỡng xác-thân, nhưng cũng ảnh-hưởng đến trí-não, tở như uống rượu sẽ làm cho trí-não hỗn-loạn.

Nói chung chơn-thần là phần lý-trí, tình-cảm, dục-vọng.

Nó là một hạ-thể giúp cho linh-hồn sinh-hoạt ở ba cõi phàm-trần, trung-giới và thượng-giới, chứ nó không phải là Ta.

Nên nó cũng giống như là phàm-thân vậy, nó có những cá-tính riêng của nó; lao-chao bất-định. Nhất là ở những linh-hồn chưa tiên-hoá cao, nhu-nhược không điều-khiến được nó, để nó sống tùy-tiện hàng bao-nhiêu kiếp rồi, nên ta thường thấy có những mâu-thuẫn trong tâm-linh, như ta không thể làm điều thiện mà ta muốn, mà lại làm điều ác mà ta không muốn.

Còn các linh-hồn đã tấn-hoá cao, điều-khiến được nó thì sẽ có những diệu-dụng, giúp cho

con người biết phán-đoán, phân-biệt.

Ta có thể nói tất-cả sự tiến-bộ của loài người từ đây mà phát-xuất, đó là chân-lý của chơn thần, khi chết phàm-thân tan rã, pháp-thân lưu giữ tất-cả ý-chí tình-cảm, dục-vọng, cho đến khi đầu thai vào kiếp sống mới, thì những thứ này sẽ trở nên cá-tính cho kiếp sau. Các hoạt-động của trí-não cũng vậy, nếu trong kiếp đương-sanh mà chuyên nghiên-cứu chủ-đề nào, hoặc ngành nghề nào thì nó cũng trở thành năng-khiếu cho kiếp lai-sinh, đạo-học còn gọi là sự ôn-tập tiền-kiếp.. Về phương-diện tu-luyện thì chơn-thần còn gọi là nhị xác thân, nó có thể xuất ra khỏi Phàm-thân mà vân du thiên ngoại nên Đức Chí-tôn đã dạy về Nhị xác thân như sau:

“Thầy nói cái chơn-thần là nhị xác thân các con, là khí-chất (le sperme) nó bao-bọc thân-thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung-tâm của nó là óc, nơi cửa xuất-nhập của nó là mỏ-ác, gọi tiếng chữ là Vi-hộ, nơi ấy Hộ-pháp hằng đứng mà gìn-giữ chơn-linh các con khi luyện Đạo đặng hiệp một với khí, rồi đưa thấu đến chơn-thần, hiệp một mà siêu phàm nhập thánh. (TNHT/Q 2/trang 65)

Đó là tất cả thể-pháp và bí-pháp của chơn-thần hay là đệ nhị xác-thân, nó thuộc về khí-chất, được thể hiện bằng ‘Tánh’.

Chơn thần được chứng minh qua các nhà khoa học.

Ngày nay các nhà khoa-học cũng đã chứng-minh được phân đệ nhị xác- thân mà nhân-gian gọi chung-chung là vía hay là hồn, là nơi sinh-hoạt của tri-thức, lý-trí, tình-cảm và dục-vọng ở con người, trong lúc kiểm-chứng ở những người chết lâm-sàng (clinical death). Thuật-ngữ y-học này mô-tả trạng-thái một người không còn dấu hiệu nào của sự sống thấy được bên ngoài, như ý-thức và phản-xạ tim đập, ngực thở, tức là pháp-thân đã xuất hoàn-toàn ra ngoài phàm-thân do một hoàn-cảnh bất-thường nào đó, gần như bắt-buộc chứ không phải theo ý-muốn của Linh-thân, nhưng nó vẫn quanh-quẩn bên cạnh xác-thân và ghi nhận được những chuyển-biến xảy ra với phàm-thân tại lâm-sàng đã vô-tri bất-động gần như chết.

Bác-sĩ Raymond Moody đã kiểm-chứng 150 người chết lâm-sàng, họ đều tường-thuật giống nhau về những hồi-ức đến với họ trong lúc bất-tĩnh, tức là khi hồn xuất ra khỏi xác, họ cảm thấy vô cùng êm-ả, tự-do và mất cả đau-đớn, từ bên trên họ nhìn thấy được thân-xác họ và môi-trường chung-quanh, cũng như họ chứng-kiến cả những thao-tác của các Bác-sĩ, Y-tá đang cố-gắng cứu sống họ. Có người còn thấy mình đi vào một cảnh-giới siêu-việt đẹp lạ thường. Ở đó họ gặp được những người thân, bạn-bè “đã chết” và một “thể sáng” mà nhiều người cho đó là Thiên-thần, Chúa hoặc Thượng-đế.

(Theo Life After Life/ Đời Sống Sau Khi Sống/ của Bác-sĩ Raymond Moody).

Sau đó Bác-sĩ Michael Sabom một chuyên-gia tim mạch đã nghi-ngờ khám phá trên, và Ông ta đã tiến-hành hàng loạt nghiên-cứu về vấn-đề này trong suốt 5 năm liền. Ông đã phỏng-vấn hơn 100 người đã từng chết hụt (chết lâm-sàng). Họ đã kể lại những chi-tiết hồi-sinh cấp-cứu tim phổi (cardiopulmonary resuscitation) nhiều người trong đó kể rất rõ-ràng chi-tiết họ đã trông thấy về những kỹ-thuật thao-tác y-khoa khá chính-xác, trong lúc họ không có chút kiến-thức nào về y-khoa cả, nhiều người còn cho biết lúc đó họ đang ở một nơi nào đó bên

ngoài, hoặc gắn trên thân xác họ. Bác-sĩ Sabom cũng đã so-sánh lại mức-độ chính-xác này ở một nhóm kiểm-chứng gồm 15 bệnh-nhân cũng từng trải qua sự hồi-sinh tim phổi, nhưng không phải là chết lâm-sàng (tức là chơn-thần còn nằm lồng trong xác-thân chưa xuất ra ngoài), hầu như những người trong nhóm kiểm-chứng này có những sai lạc quan-trọng khi kể lại những điều xảy ra trong thời- gian đó.

(Theo Recollections of Death/ Những hồi-ức về Cõi chết/ của Bác-sĩ Michael Sabom).

Đó là câu chuyện các nhà làm khoa-học đã khám-phá ra được đệ nhị xác- thân bên phương Tây, thì ở Việt-nam cũng có một trường-hợp tương-tự xảy ra mà các nhà làm khoa-học của Việt-nam gọi là “ Một hiện tượng kỳ lạ” hay còn gọi là hiện-tượng Nguyễn-văn-Chiều”. Câu chuyện đó như sau:

Ông Nguyễn-văn-Chiều, sinh năm 1952 ở thôn Trung xã Hội-xá, Gia-lâm, Hà-nội là một thợ điện của Xi-nghiệp cầu Thăng-long, đã bị nguồn điện 6.000 vôn giật và quãng từ độ cao của cột điện xuống đất, toàn thân bị cháy và mê-mang bất-tĩnh, được đưa vào Bệnh-viện cấp-cứu, trong 9 ngày liền mê-mang bất-tĩnh (chết lâm-sàng), bỗng sống lại, và Ông Chiều kể lại rằng trong lúc mê-mang, ông ta lạc vào một thế-giới huyền-ảo, ông vẫn nhìn thấy được thể xác mình, cùng những thao-tác cấp-cứu của các Bác-sĩ và y-tá, trong lúc đó ông cũng đã nghe được tiếng nói dạy ông cách chữa bệnh bằng phương-thức mở các kênh năng-lượng (luân-xa). Khi tỉnh dậy ông theo phương-thức đó tự chữa bệnh cho mình, chỉ sau 25 ngày thì ông bình-phục. Sau đó ông lập ra trung-tâm chữa bệnh gọi là Tâm-năng dưỡng-sinh và dạy lại cho nhiều người có cả những bậc trí-thức sau đại-học.

(Theo bài viết của tác-giả Thu-Ba đăng ở báo Phụ-nữ Việt-nam số xuân Bính-tý ra ngày 03/02/1996 và bài phát-biểu của Giáo-sư Tiến-sĩ Nguyễn-hoàng-Phương trong lễ ra mắt Trung-tâm Nghiên-cứu Tâm-năng Dưỡng-sinh/ Phục-hồi sức khỏe của Ông Chiều với nhan-đề “Đề trở thành một chuyên-gia cận y-học: hiện-tượng Nguyễn-văn-Chiều”).

Trong cửa đạo Cao-đài cũng có nhiều tín-đồ đã từng chết đi sống lại, và họ cũng đã kể rằng, họ đã gặp những người thân đã chết, và có nhiều người đã nhắn-nhủ lại với người còn sống nhiều điều cần-thiết, họ còn cho biết họ gặp cả các Đấng Thiêng-liêng dạy Đạo cho họ. Thậm-chí có những người chết một cách đột-ngột đã hiện về báo mộng hoặc giáng-cơ cho người còn sống biết nơi họ đã chôn dấu vàng bạc trước khi chết, hoặc những điều họ ghi chép dặn-dò con cháu khi còn sống, mà họ đã cất một nơi nào đó... người nhà theo sự hướng-dẫn đó đã tìm lấy lại được... Những trường-hợp này nếu sưu-tập thì cả một pho sách dày, nhưng những sự-kiện này không để lại bằng chứng, nên một số người cho đây là các trường-hợp ảo-giác không đáng tin !!!

Nên ở đây chúng tôi chỉ sưu-tập các tài-liệu Đông Tây ngày nay, đã có các khoa-học gia kiểm-chứng, để chứng-minh rằng đệ-nhị xác thân theo nhân-sinh-quan của Cao-đài-giáo đã truyền-đạt cách đây gần một thế-kỷ, lúc đó trình-độ của khoa-học vẫn còn mù-tịt về vấn-đề này, thì nay đã chứng-minh rõ-ràng rằng Pháp-thân là đệ nhị xác-thân tuy nó là một phần mờ, thuộc khí chất, mắt phàm không thể nhìn thấy được, nhưng nó vẫn là một thực-thể, có tri-giác, có tình-cảm nằm lồng trong xác-thân và có thể xuất ra ngoài mà vẫn giữ nguyên



Hồn lìa khỏi xác

trạng-thái cấu-tạo và sinh-lý cùng bản-chất Trời ban cho nó là nắm giữ phần tri-thức tình-cảm của con người, chứ không phải là phạm-thân là xác-thân bằng xương bằng thịt. Đệ nhị xác-thân nó còn làm trung-gian cho sự sống nối liền giữa thể-xác và linh-hồn.

KẾT LUẬN.

Tóm lại chơn thần hay là pháp thân hay là đệ nhị xác thân là vía là tướng tinh ... nó có những đặc tính căn bản sau đây:

Lục dục là sáu cái ham muốn của tai mắt mũi lưỡi thân ý mà quan trọng nhất là ý dục là tư tưởng nó điều khiển năm cái dục của tai mắt mũi lưỡi và thân.

Thất tình Hỉ nộ ái ố ai bi lạc dục nghĩa là vui buồn thương ghét mừng giận muốn.

Trong bảy tình thì dục là ham muốn là nguồn gốc sanh ra sáu cái kia.

Ký ức. Chơn thần chứa đựng tất cả những hành động lời nói tư tưởng trong sinh hoạt đời sống hàng ngày trong các kiếp đã qua, hiện tại và tương lai, khả năng chứa đựng không giới hạn và một điều bí mật là không thể thay đổi được. Thí dụ một người nào đó đã cầm dao cắt cổ con gà thì không thể nào thay đổi mình vượt ve yêu thương con gà. Nếu thay đổi được điều này là thay được quyền tạo hoá.

Chơn thần là khí hậu thiên, khí này có do tinh ba của vật chất biến sanh. Do đó ăn uống những thực phẩm thực vật tinh khiết sanh ra khí tinh khiết đây là phần tu luyện để làm chủ thân xác.

Chơn thần có hào quang lộ ra bao quanh thân thể xa hay gần màu sắc thay đổi tùy theo tâm

ý của con người.

Chơn thân có một hệ thống kinh huyết vô hình với bảy luân xa là trung tâm thân lực liên hệ tới bảy dây oan nghiệt.

Chơn thân có tư tưởng là phần quan trọng nhất cần phải tu tập nó là nguồn gốc của công và tội. Nó có một sức mạnh vô hình có thể dời non lấp biển có thể thay đổi vận mạng của thế giới. Nó ảnh hưởng tới môi trường sinh sống của vạn loại.

Chơn thân là thể xác thiêng liêng có hình dáng giống như thể xác con người khi còn sống. Thể xác này chỉ bị tiêu diệt khi tội quá nặng.

Chơn thân chứa đựng chơn linh luân hồi qua nhiều kiếp cho tới khi tiên hoá tới đích cuối cùng là hiệp một với Thượng đế.

Chơn thân trong cõi vô hình có công dụng quan trọng nhất là tư tưởng muốn gì được vậy cũng có những giác quan tai mắt mũi lưỡi thân giống như một thể xác khi còn sống.

Tư tưởng có thể phát ra những làn sóng âm thanh và hình ảnh mà người chết hay người sống có huệ nhãn huệ nhĩ thấy được nghe được.

***Trung Dung Đạo (01-2024)**

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

- Tam thể xác thân của Đức Cao Thượng phẩm.
- Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp.
- Chơn Thân Giải của Ngài Bảo pháp Nguyễn trung Hậu.
- Sự cấu tạo và sinh hoạt của thể chất và tâm linh của Dã Trung Tử.

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YỀM TRỢ

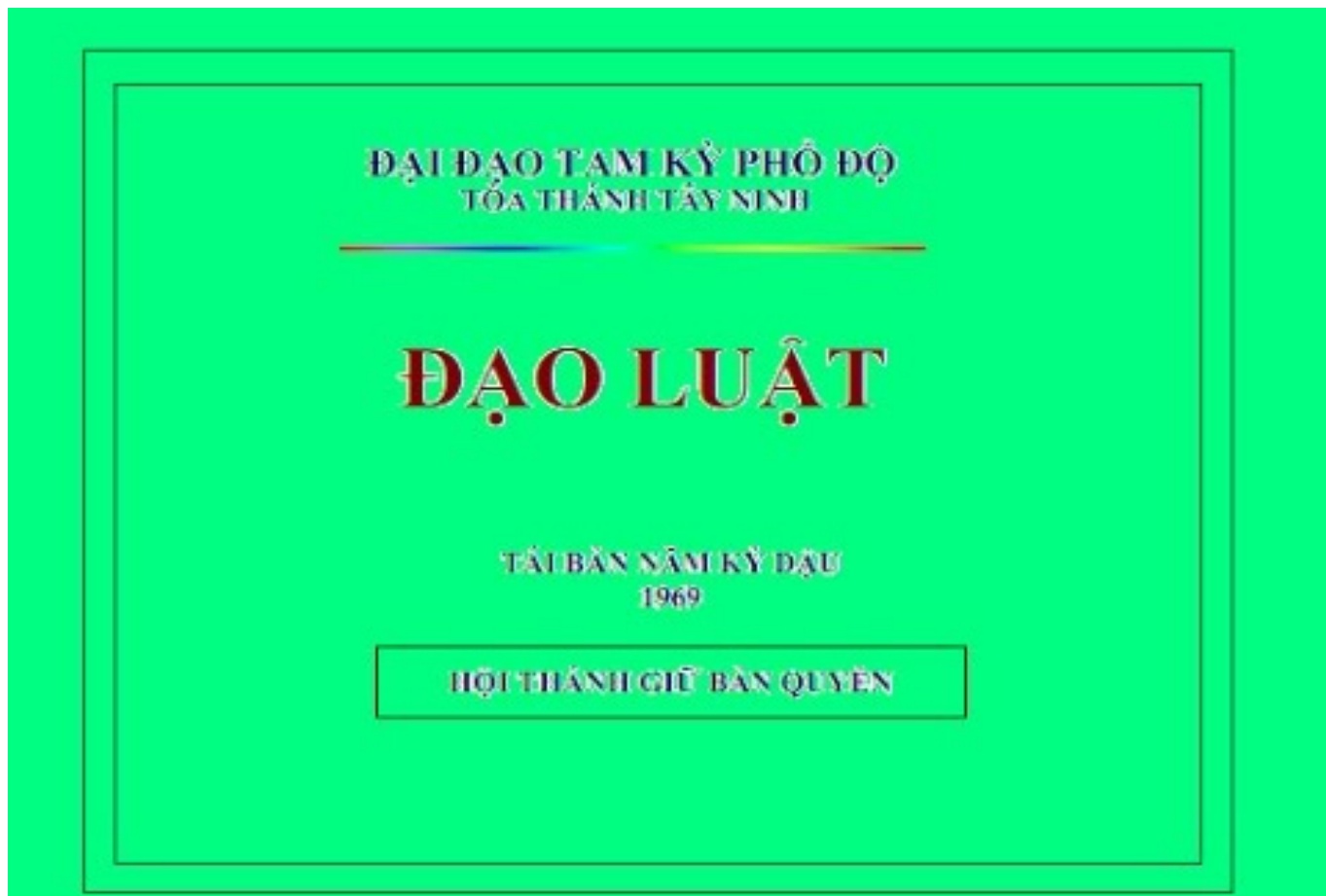
Bản Tin Thế Đạo - Tập San Thế Đạo

www.banthedao.net

www.banthedaohaingoi.org

GIỚI QUY TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Thấm thoát thời gian trôi qua rất lẹ, kể từ ngày khai Đạo năm 1925 thì năm nay là Đạo lịch thứ 100. Để tưởng nhớ đến các bậc tiền khai qua sự dùi dặt của Đức Chí Tôn Đức Phật Mẫu cùng các Đấng thiêng liêng thành lập nên Đạo Cao Đài trên quê hương Việt Nam, đồng thời kỷ niệm 100 năm ngày khai đạo. Chúng tôi mạn phép trình bày lại giới luật của Đạo hầu giúp chư quý đạo hữu chưa có dịp tiếp cận cũng như chúng tôi tự ôn lại hầu thăng tiến trên



con đường tu tập.

Câu hỏi đầu tiên là tại sao Đạo Cao Đài phải có giới luật, mục đích và kết quả của giới luật sẽ ra sao. Trước mắt chúng ta hãy nhìn qua xã hội loài người mà chúng ta đang sống. Để cho mọi người được bình an, xã hội phải đặt ra luật pháp, mà luật đó do toàn dân qui định qua quốc hội là người đại diện cho dân. Tuy nhiên xã hội đa dạng, không thể dạy dỗ, huấn luyện con người theo ý muốn được do đó tôn giáo ra đời mang theo giới luật hướng dẫn con người được hoàn thiện hơn giúp xã hội thêm bình an.

- Giới luật là tiếng còi nhắc nhở tín đồ luôn cảnh giác tránh lỗi lầm
- Giới luật là hàng rào che chắn tín đồ vượt qua giới hạn để phạm lỗi

-Giới luật là kim chỉ nam giúp tín đồ có cơ hội thăng tiến cao hơn trên con đường tu đạo

A - Giới luật trong Đạo Công Giáo:

Chúng ta không nói đến bộ luật Canon (the code of Canon law) được tu chính do Đức Thánh Cha Gioan Phaolô đệ nhị ban hành ngày 25/1/1983 gồm 1752 điều mà chỉ đề cập đến 10 điều răn của Thiên Chúa đối với con Chiên

- 1-phải thờ kính Thiên Chúa trên hết mọi sự
- 2-không được lấy danh Thiên Chúa để làm những việc phạm tục tầm thường
- 3-giành ngày chủ nhật để thờ kính Thiên Chúa
- 4-thảo kính cha mẹ
- 5-không được giết người
- 6-không được dâm dục
- 7-không được gian tham lấy của người khác
- 8-không được làm chứng dối, che dấu sự gian dối
- 9-không được ham muốn vợ (chồng) người khác
- 10-không được ham muốn của cải trái lẽ

B - Giới luật trong Đạo Phật:

Chúng ta cũng chỉ nói về giáo luật đối với tín đồ tu tại gia đó là Ngũ Giới.

- 1-giới sát (không sát sanh)
- 2-giới đạo (không trộm cắp)
- 3-giới tà dâm (không hành dâm với người khác ngoài vợ ngoài chồng)
- 4-giới vọng ngữ (không được nói điều sai trái)
- 5-giới tửu (không uống rượu say sưa)

Ngoài ngũ giới tín đồ tại gia cần thăng tiến thêm tu thập thiện. Gồm 3 điều thiện về thân: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. 4 điều thiện về khẩu (không nói dối, không nói hai lời, không nói điều ác, không nói thêu dệt). 3 điều thiện về ý (không tham lam, không giận dữ, không tà kiến).

C - Giới luật trong Đạo Cao Đài:

Ngày rằm tháng mười năm Bính Dần (1926) Đức Chí Tôn ban cho chúng ta Pháp Chánh Truyền, các đại chức sắc tiên khai soạn Tân Luật dâng lên Đức Chí Tôn phê chuẩn, Hội thánh ban hành, tạo khuôn mẫu cho tín đồ biết phương mà tu luyện. Nơi cõi ta bà này, khi một người quyết tâm vào Đạo tu tâm dưỡng tánh theo bất cứ tôn giáo nào đều phải tuân theo giáo luật của tôn giáo đó. Là tín đồ của Đạo Cao Đài cũng không ngoại lệ. Sau khi nhập môn Ngũ Giới Cấm là giới luật đầu tiên, nếu chúng ta không giữ được thì xem như chúng ta chỉ là người đang đứng ngoài cửa chùa, chưa thật tâm tu. Một người đang bước lên nấc thang

đầu rồi dừng lại thì làm sao có thể tiến lên giải thoát được.

“Mỗi mạng Sống đều hữu căn hữu kiếp, đầu duyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến nỗi ấy. Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy”. (TNHT-Q2)

a - Ngũ giới cấm: có 5 điều mà tín đồ Cao Đài nào cũng phải thuộc lòng đó là:

1-Nhứt bất sát sanh (chẳng nên sát hại sinh vật)

2-Nhì bất du đạo; (cấm trộm cướp, lấy ngang, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy để ý hại cho người mà lợi cho mình, cờ gian bạc lận).

3-Tam bất tà dâm (cấm lấy vợ người chồng người, thả theo đảng điểm, xúi dục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt)

4-Tứ bất tửu nhục (cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị)

5-Ngũ bất vọng ngữ (cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mãng, thô tục, chưởi rủa người, phỉ báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa)

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển năm Mậu thìn (1928) Đức Chí Tôn dạy như sau:

-Nhứt bất sát sanh: Thầy là chủ sự sống

“cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ”

-Nhì bất du đạo: Trộm cắp do lòng tham mà ra, theo Phật giáo tham đứng đầu tam độc (tham sân si)

“Tham gian nhập vào nhà thì nhà không chánh giáo. Tham gian nhập vào nước thì nước hết chơn trị Tham gian đã lộng hành thế giới thì thế giới hết Thánh Thần (TNHT-Q2)

-Tam bất tà dâm: Xáo trộn luân thường, rối loạn xã hội. Khí huyết tạo thành chơn linh hườn ra nhơn hình sinh sinh tử tử của kiếp nhơn loại.

“Vì vậy một giọt máu là một kiếp chơn linh, như các con dâm quá độ, thì sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến Nghiệt Cảnh Đài mà kiện các con, các con chẳng hề chối tội đặng.”(TNHT-Q2)

-Tứ bất tửu nhục: Rượu chè quá độ đưa đến mất kiểm soát bản thân, dễ phạm lỗi lầm ngoài

**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH**

PHÁP CHÁNH TRUYỀN

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

Ấn Bản

Năm Nhâm Tý (1972)

In tại Nhà in Trung Tâm Giáo Hóa Thiếu Nhi Thủ Đức.

ý muốn “Óc là nguồn cội của khí, mà óc cũng bị huyết vận động vô chừng, làm cho đến nổi tán đi, thì chơn thần đặng thể nào an tịnh điều khiển, thân thể phải ra ngây dại, trở lại chất thú hình, mất phẩm nơn loại rồi, còn mong chi đặng phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật. Lại nữa buổi loạn thần ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, xui các con làm việc tội tình mà phải chịu phạt luân hồi luân kiếp.” (TNHT-Q2)

- Ngũ bất vọng ngữ: Tự dối mình trước kẻ dối người, dối trời gây cho xã hội điên đảo.

“Nơi tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.” (TNHT-Q2)

b - Tứ Đại Điều Quy:

Đối với những tín đồ thật tâm tu đạo theo chân các bậc tiên hiền hành đạo cứu đời, Đức Chí Tôn ban cho Tứ Đại Điều Quy đây là khuôn vàng thước ngọc giúp cho người tu rèn luyện tâm tư, ứng xử nhẹ nhàng cùng bạn đạo lẫn nhân quần xã hội. Tạo điều kiện thăng tiến nhanh đoạt vị thiêng liêng về cùng Thầy Mẹ nơi cõi niết bàn.

Tứ là bốn

Đại là to lớn

Điều là khoản mục

Quy là quy định, khuôn phép, compass (dụng cụ vẽ hình tròn)

Tứ đại điều quy là bốn quy tắc lớn giúp người tu hành xử đúng lẽ đạo. Trong Tân Luật, nguyên văn tứ đại điều quy ở chương v, phần đạo pháp như sau:

Điều thứ hai mươi hai: Buộc phải trau dồi đức hạnh giữ theo Tứ đại điều quy là:

1/ Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người, lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

2/ Chớ khoe tài đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người, giúp người nên đạo. Đừng nhớ cừu riêng, chớ che lấp người hiền.

3/ Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả, đối với trên dưới đừng lòn dẽ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4/ Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngòai mà xem không đẽ lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên đẽ dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Sau khi đọc qua Tứ đại điều quy chắc hẳn trong chúng ta ai ai cũng thấy rất đẽ hiểu. Tuy nhiên ngẫm kỹ chúng ta mới thấy rằng bản thân từng người chưa chắc thực hành quán triệt. Bởi vì trong ấy bao gồm cả Ngũ thường nhân, nghĩa, lễ, trí, tín của Khổng giáo. Tam độc tham sân si của Đạo Phật. Và đặc biệt là cái TA trong mỗi con người nơi cõi ta bà này, Pascal một văn hào phương tây đã nói rằng: “cái ta thật đáng ghét.” Trong kinh Bát Nhã ngay khổ đầu ghi rằng: “Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. (Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại khi thực hành thâm sâu về trí tuệ bát nhã ba la mật thì soi thấy năm uẩn đều không, do đó vượt qua khỏi khổ đau ách nạn)

Trong Tứ Đại Điều Quy Đức Chí Tôn đều lập lại cái TA trong cả bốn điều.

-Ở điều một: Ai phải tuân lời dạy của bề trên .v.v. Ai làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt. Chính là ta.

-Ở điều hai: Ai chớ khoe tài đừng cao ngạo .v.v. Ai chớ che lấp người hiền. Chính là ta.

-Ở điều ba: Ai bạc tiền xuất nhập phân minh .v.v. Và ai dưới gián trên đừng thất khiêm cung. Chính là ta.

-Ở điều bốn: Ai trước mặt sau lưng cũng đồng một bực .v.v. Và ai đừng cậy quyền mà yếm tài người cũng chính là ta.



Đức Chí Tôn khi ban Tứ Đại Điều Quy là muốn con cái Ngài phải thực hành vô ngã như lời Phật dạy. Nếu chúng ta vẫn chấp ngã gọi là ngã sở (những sở hữu của chúng ta) xem cái ta là trọng thì bản tánh ích kỷ, thói đố kỵ hơn thua sẽ tranh chấp triền miên nơi cửa đạo. Không an phận thua kém sẽ thất lễ với bề trên, ngạo mạn khinh khi kẻ dưới sẽ thiếu lễ độ với đàn hậu tấn, vì trong lãnh vực nào đó chưa hẳn rằng ta đã hơn họ. Tất cả đưa đến tâm bất an việc tu tập khó mà thăng tiến.

Đã nói xác thân này là ta, mà ta lại do tứ đại mới có, nếu mất đi một thì thân không còn nữa, thí dụ không hít vào hoặc thở ra được thì sẽ chết. Thân đã là duyên sanh không thật có, thì cái ta cũng không thật, hà tất phải tranh đấu hơn thua vì nó.

Đến đây chúng ta tạm kết luận với đoạn giảng của Hòa thượng Thích Thanh Từ như sau: “Phật thường

dạy nếu chúng ta có nghĩ điều gì nên nói: - đây là cái nghĩ của tôi. Đừng nói cái nghĩ của tôi đúng, thêm chữ “đúng” thì có chuyện. Bởi vì hai cái đúng ngược nhau thì đập nhau. Chỉ nói cái nghĩ của tôi, không luận đúng sai, dù khác nhau chúng ta vẫn thấy dễ chịu, có khi còn trao đổi ý kiến để rút kinh nghiệm thêm. Sống trên tinh thần ấy thì hay quá. Nên người sáng suốt muốn tìm chân lý phải thấy rõ như vậy. Tâm không thật, biết nó không thật, là người trí người giác rồi.

Hưng – Quốc

Texas 26-11-2024

Tài liệu tham khảo:

- Giác Ngộ online
- Thánh ngôn hiệp tuyển
- Tân luật

Tạp Ghi và Phiếm Luận :

CÂU ĐỐI TẾT CHO NĂM ẤT TỶ 2025

Đỗ Chiêu Đức



蛇来瑞氣生 Xà lai Thoại khí sinh

Đông phương Giáp ẤT thuộc hành Mộc, chủ màu xanh của cây cỏ. Nên năm GIAP THÌN là con rồng có màu xanh, là THANH LONG. Tiền Thanh Long của 2024 đi đón về con Ất Tỵ là THANH XÀ của 2025. Màu xanh của hoa lá cỏ cây là tượng trưng cho sức sống mới đang lên của các loài thảo mộc sau những ngày buốt giá rét mướt của mùa đông, nên hy vọng rằng năm ẤT TỶ 2025 này thế giới nhân loại sẽ trở mình vươn lên

một cách phần vinh thịnh vượng hơn năm đã qua; Mặc dù :

龍去神威在, Long khứ thần uy tại,
蛇来瑞氣生。 Xà lai thoại khí sanh.

Có nghĩa :

Rồng đã đi nhưng thần uy vẫn còn đó,

Rắn lại về điềm tốt lành cũng sẽ về theo.

Nên có nghĩa...

Rồng đi uy lực hãy còn,

Rắn về điềm tốt lon ton theo về !

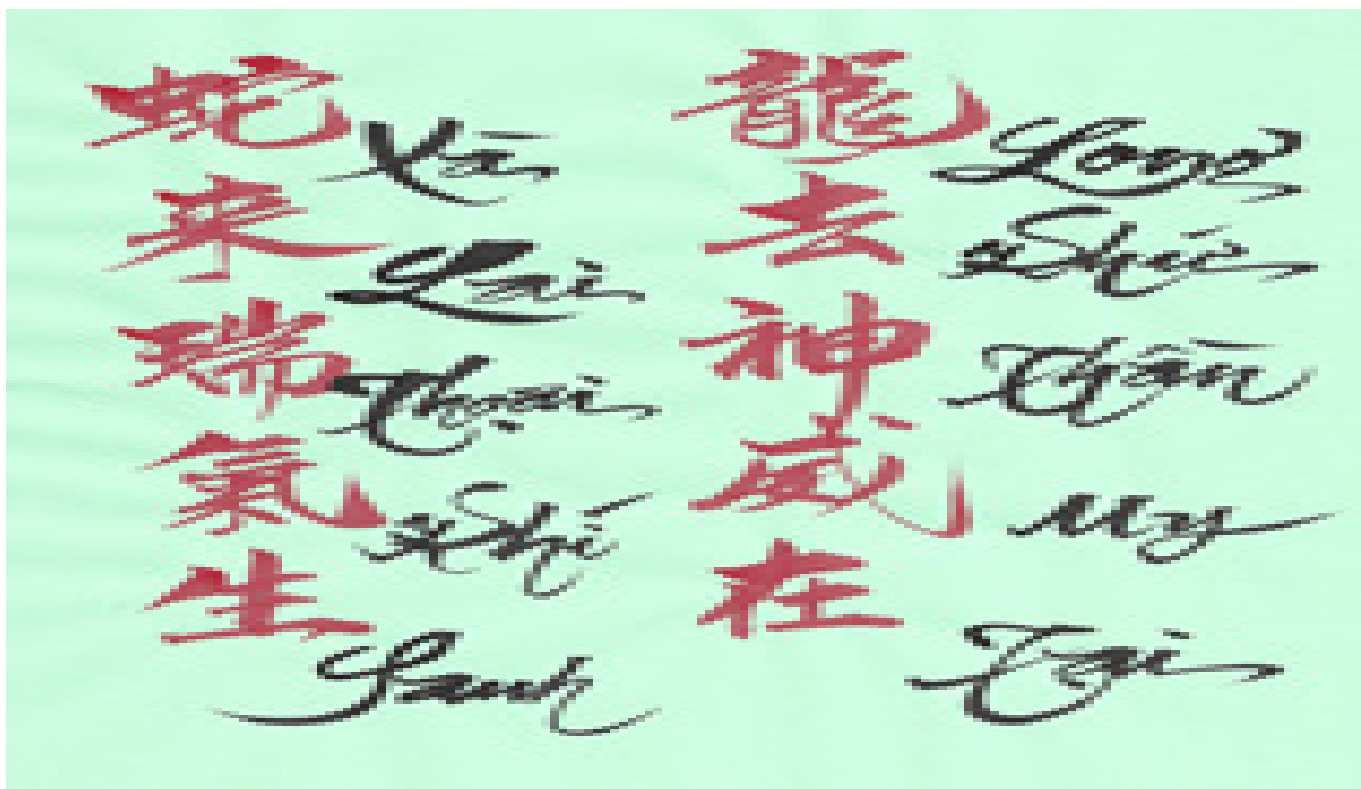
Chỉ cần "Hoa lá nở thắm đẹp làn môi hồng" như trong bài hát "Cánh Thiệp Đầu Xuân" của Minh Kỳ & Lê Dinh thì mọi chiến tranh tàn khốc, khủng bố xâm lăng đều ngưng đọng lại để chào đón chúa xuân và để ngắm hoa xuân đang nở rộ :

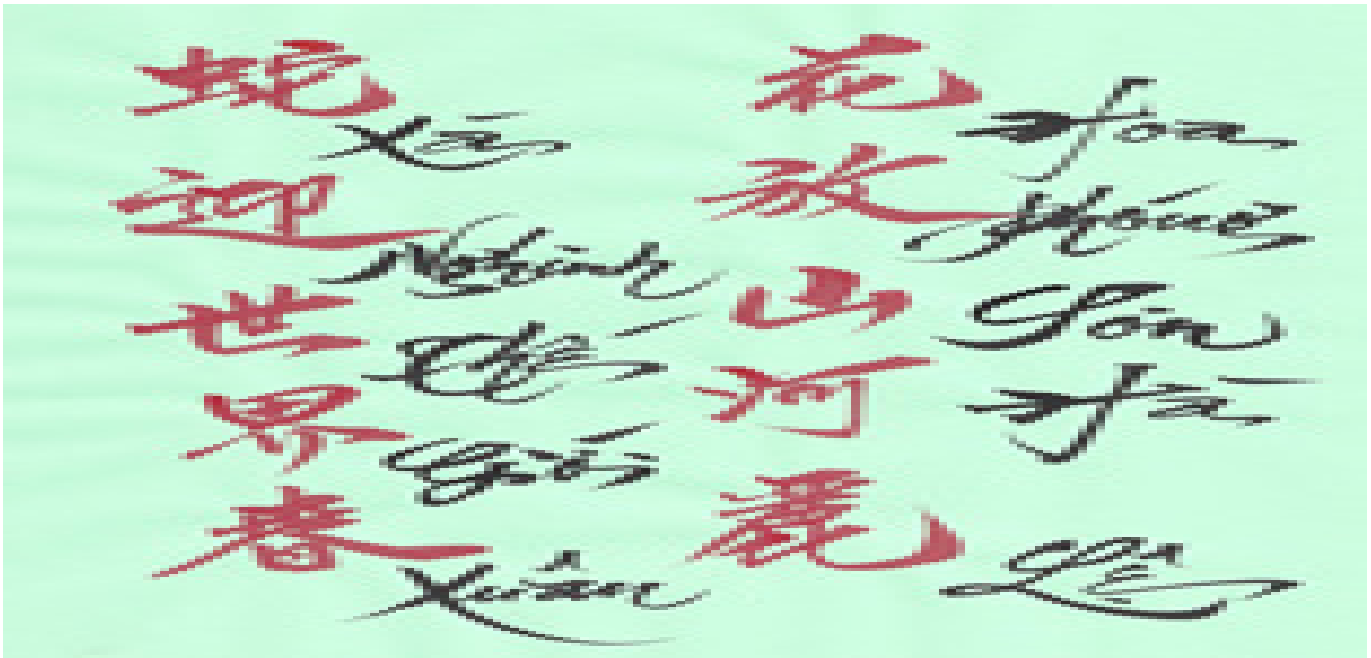
花放山河麗, Hoa phóng sơn hà lệ,

蛇迎世界春。 Xà nghinh thế giới xuân.

Có nghĩa :

- Hoa nở rộ cho núi sông đẹp đẽ,
- Rắn đón về để thế giới vào xuân.





Thư pháp của Đỗ Chiêu Đức

[Cánh Thiệp Đầu Xuân \(St: Minh Kỳ - Lê Dinh\) - Danh Ca Thái Châu - Ngọc Ánh | CHÀO XUÂN 2024](#)



**Cánh Thiệp Đầu Xuân (St: Minh Kỳ - Lê Dinh)
- Danh Ca Thái Châu - Ngọc ...**

Mong rằng mỗi năm mỗi tuổi, mọi người mọi việc đều được KHAI TÂM là mở lòng ra một cách thoải mái vui vẻ và luôn luôn được mọi điều ĐẮC Ý trong ba tháng mùa xuân, như câu đối 6 chữ sau đây :

歲歲三春得意，Tuế tuế tam xuân đắc ý,
年年萬事開心。Niên niên vạn sự khai tâm.

Có nghĩa :

- Ba tháng xuân luôn đặc ý,
- Năm năm muôn việc thỏa lòng.

Trước cảnh gió xuân ấm áp trong mưa xuân phơi phới với muôn vàn hương sắc của nàng xuân, mọi người đều hân hoan đón thêm tuổi mới trong năm mới để vun đắp cho cuộc sống mới trong năm mới đang về :

春風春雨春色, Xuân phong xuân vũ xuân sắc,
 新歲新年新生。 Tân tuế tân niên tân sinh.*

Có nghĩa :

*Sắc xuân trong gió mưa xuân,
 Năm mới tuổi mới đón mừng tân sinh.*

* TÂN SINH 新生 là Cuộc sống mới.





Thư pháp của Đỗ Chiêu Đức

Bây giờ thì ta trở lại với hình thức câu đối mà bàng dân thiên hạ đều thích với truyền thống cổ hữu : Câu đối 7 chữ. Ta đổi câu đối 6 chữ trên đây thành câu đối 7 chữ như sau :

春雨春風迎春色, Xuân vũ xuân phong nghinh xuân sắc,
 新年新歲慶新春。 Tân niên tân tuế khánh tân xuân.

Có nghĩa :

- Mưa xuân gió xuân cùng đón hương sắc của mùa xuân,
- Năm mới tuổi mới cùng chúc mừng cho mùa xuân mới.
-



Thư pháp của Đỗ Chiêu Đức

và...

Câu đối thất ngôn cho năm Ất Tỵ 2025 là :

甲辰舊歲千憂去， Giáp Thìn cựu tuế thiên ưu khứ,
乙巳芳春萬喜來。 Ất Tỵ phương xuân vạn hỉ lai.

Có nghĩa :

- Giáp Thìn năm cũ đi qua, trăm ngàn mối lo òa đi mất,
- Ất Tỵ xuân thơm lại đến, muôn vạn niềm vui cũng đến theo.

Quà là :

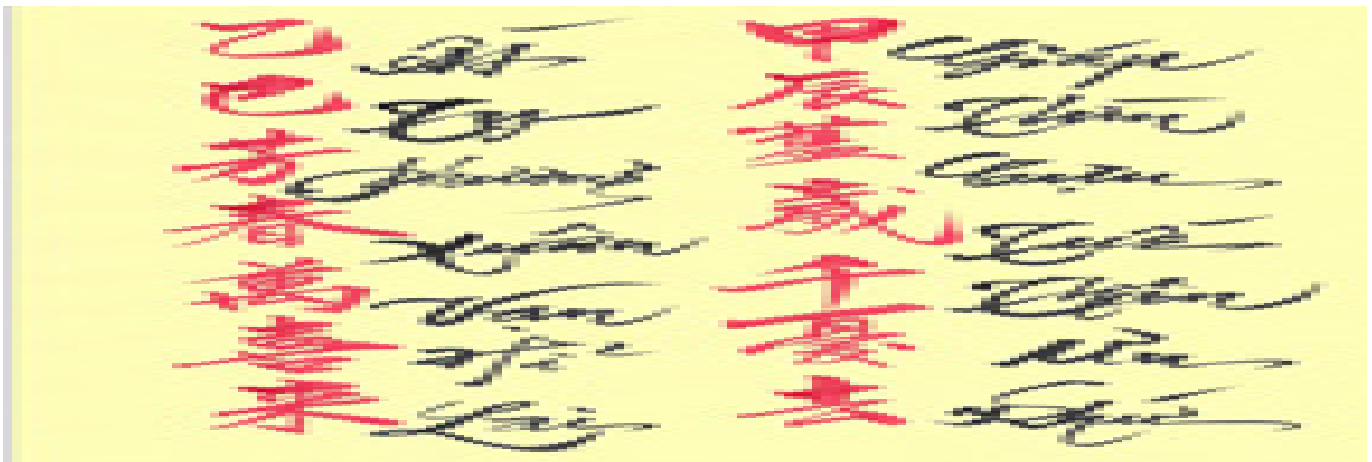
*Lo đi năm cũ Giáp Thìn,
Xuân hồng Ất Tỵ ta mình đều vui !*

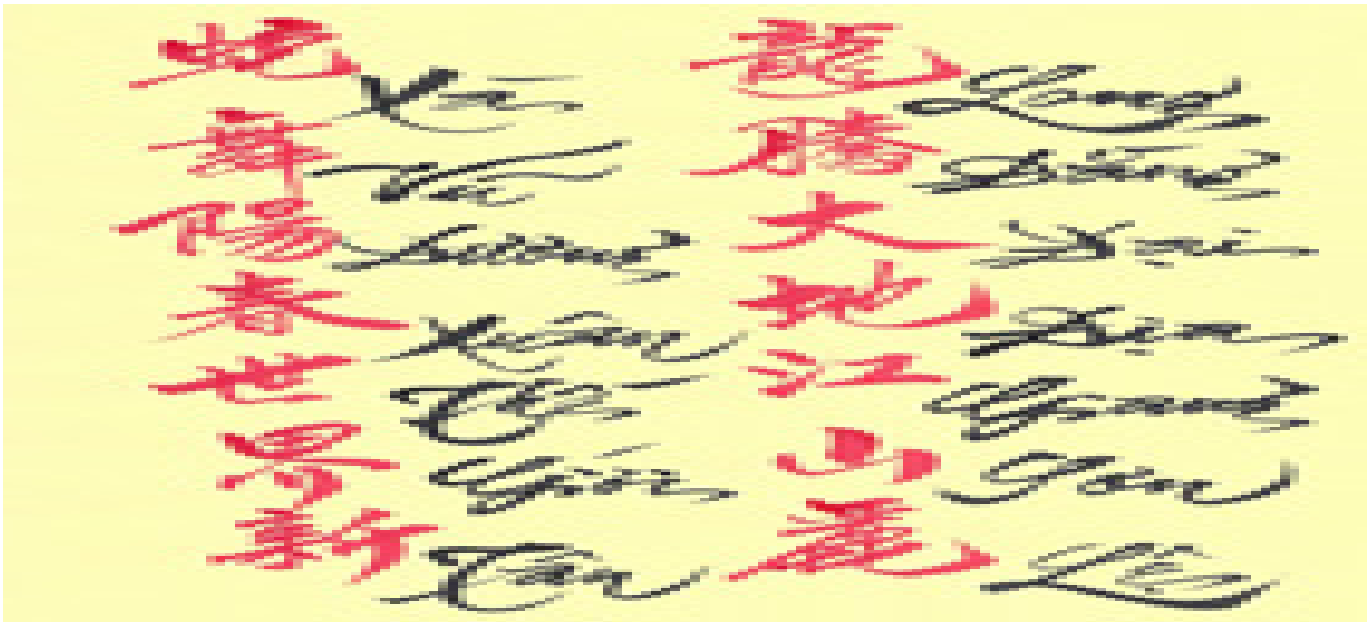
Hay như :

龍騰大地江山麗， Long đằng đại địa giang sơn lệ,
蛇舞陽春世界新。 Xà vũ dương xuân thế giới tân.

Có nghĩa :

- Rồng bay lộn đầy mặt đất, núi sông thêm tráng lệ,
- Rắn lộn múa trong nắng xuân, thế giới đổi mới hơn.





Thư pháp của Đỗ Chiêu Đức

Rồng rồng rắn rắn, hết rồng tới rắn; Hình tượng của rồng rắn bay lượn tuy có sinh động hoạt náo, nhưng long xà vẫn luôn tiềm ẩn một nguy cơ nào đó mà ta không thể nào đoán trước được. Chỉ mong ước rồng đi rắn đến một cách tự nhiên yên bình cho mọi người cùng mừng tuổi mới và năm châu bốn bể cùng chào đón xuân về :

龍騰四海，人間改歲； Long đằng tứ hải, nhân gian cải tuế;

蛇舞五洲，大地皆春。 Xà vũ ngũ châu, đại địa giai xuân !

Có nghĩa : - Rồng bay bốn biển, người đời thêm tuổi;

- Rắn lộn năm châu, mặt đất đón xuân !



Thư pháp của Đỗ Chiêu Đức

và...

Mong ước sao cho :

龍去留祥，招財進寶； Long khứ lưu tường, chiêu tài tấn bảo;
蛇來獻瑞，納福迎春。 Xà lai hiến thoại, nạp phúc nghinh xuân.

Có nghĩa :

- Rồng đi điềm lành còn ở lại, tài vào lộc đến;
- Rắn đến vận tốt cũng theo về, đón phúc chào xuân.

Để kết thúc cho bài viết này, xin kính chúc cho tất cả mọi người, mọi nhà ở khắp nơi khắp chốn trên quả đất này trong mùa xuân mới Ất Tỵ của năm 2025 tất cả đều được :

合家安樂財源進， Hợp gia an lạc tài nguyên tấn,
內外平安好運來！ Nội ngoại bình an hảo vận lai !

Có nghĩa :

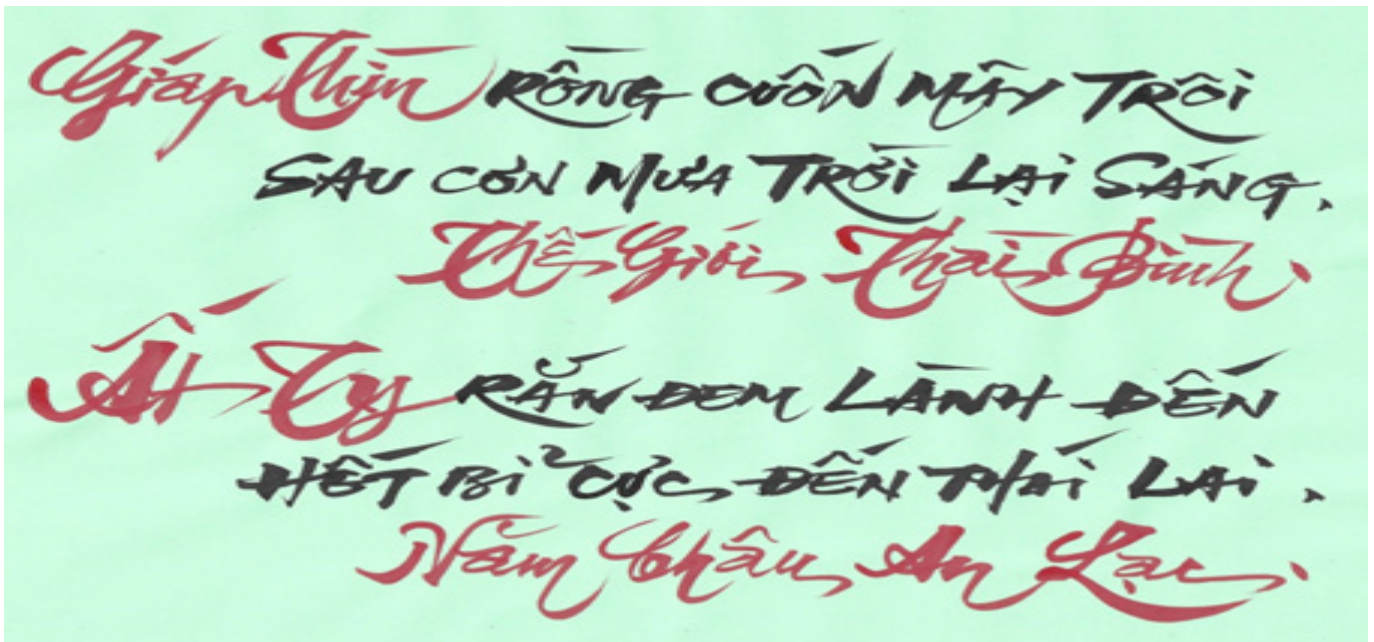
- Cả nhà vui vẻ tiền tài đến,
- Nội ngoại bình an vận tốt về !



Thư pháp của Đỗ Chiêu Đức

và...

Câu đối Nôm tiền Giáp Thìn 2024 để đón Ất Tỵ 2025 như sau :
*Giáp Thìn rồng cuốn mây trôi, sau cơn mưa trời lại sáng,
thế giới thái bình;
Ất Tỵ rắn đem lành đến, hết bỉ cực đến thái lai,
năm châu an lạc !*



Thư pháp của Đỗ Chiêu Đức

Bấm vào link dưới đây để nghe nhạc chúc xuân !

[Hợp Ca | Ly Rượu Mừng \(Phạm Đình Chương\) | Nhạc Xuân](#)



Hợp Ca | Ly Rượu Mừng (Phạm Đình Chương) | Nhạc Xuân

NĂM TỶ TẢN MẠN VỀ RẮN

Duy Văn

I. ĐỊNH NGHĨA VỀ RẮN.



Rắn còn gọi là mãng xà, xà, ty, là tên gọi chung để chỉ một nhóm các loài động vật bò sát ăn thịt, không có chân và thân hình tròn dài (hình trụ), thuộc phân bộ Serpentes, có thể phân biệt với các loài thằn lằn không chân bằng các đặc trưng như không có mí mắt và tai ngoài. Giống như các loài bò sát có vảy (Squamata) khác, rắn là động vật có xương sống, có màng ối, ngoại nhiệt với các lớp vảy xếp chồng lên nhau che phủ cơ thể. Nhiều loài rắn có sự

nhều khớp nối hơn các tổ tiên là động vật dạng thằn lằn của chúng, cho phép chúng nuốt các con mồi to lớn hơn nhiều so với đầu chúng với các quai hàm linh động cao. Để phù hợp với cơ thể thon và hẹp của mình, các cơ quan có cặp đôi của rắn được bố trí theo kiểu cái này nằm phía trước cái kia thay vì ngang hàng ở hai bên, và phần lớn các loài rắn chỉ có 1 phổi hoạt động. Một vài loài vẫn duy trì một đai chậu với 1 cặp vuốt dạng vết tích ở một trong hai bên của lỗ huyết.

Các loài rắn còn sinh tồn đã được tìm thấy trên gần như mọi châu lục (ngoại trừ châu Nam Cực), trong lòng các đại dương như Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, và trên phần lớn các khối lục địa nhỏ hơn — các ngoại lệ bao gồm một số đảo lớn như Ireland và New Zealand, và nhiều đảo nhỏ trong Đại Tây Dương và Trung Thái Bình Dương. Trên 20 họ rắn hiện nay đang được công nhận, bao gồm khoảng 500 chi với khoảng 3.400 - 3.550 loài. Kích thước của chúng biến động từ nhỏ, như rắn chỉ (*Leptotyphlops carlae*) chỉ dài khoảng 10 cm cho tới lớn như trăn gấm (*Python reticulatus*) dài tới 8,7 m. Loài tìm thấy ở dạng hóa thạch là *Titanoboa cerrejonensis* dài tới 15 m. Người ta cho rằng rắn đã tiến hóa từ các loài động vật dạng thằn lằn hoặc là sống đào bới hoặc là thủy sinh trong giai đoạn Creta giữa, và các hóa thạch sớm nhất đã biết có niên đại khoảng 112 Ma. Sự đa dạng của rắn đã xuất hiện trong thế Paleocen (khoảng 66 tới 56 Ma).

II. RẮN THEO QUAN NIỆM VĂN HÓA ĐÔNG TÂY.

Con rắn là một trong những biểu tượng thần thoại lâu đời nhất và phổ biến nhất của thế giới loài người. Loài rắn này đã được kết hợp với một số các nghi lễ cổ xưa nhất được biết đến của nhân loại và rắn đại diện đồng thời biểu hiện cho hai mặt thiện và ác. Trong văn hóa sự hiện diện của loài rắn được diễn ra từ cổ chí kim, từ văn hóa phương Đông đến văn hóa phương Tây, từ văn minh cổ xưa cho đến quan niệm về rắn thời hiện đại. Rắn không chỉ là

loài động vật sống trên khắp thế giới, nó còn là biểu tượng cho nước, lửa, linh hồn, nhục dục, quyết đoán, đa nghi rắn còn Rắn biểu trưng cho cả giới tính nam và nữ, là một vị thần sáng thế, biểu trưng cho vũ trụ thời hỗn mang.

Những quan niệm đó xuất phát từ chính đặc tính của loài rắn, nét đặc trưng sinh học của loài rắn đã góp phần quyết định ý nghĩa biểu tượng của nó cụ thể là cách di chuyển uyển chuyển và sự siết chặt trong động tác bắt mồi khiến nó biểu trưng cho sức mạnh, sự lột da biểu trưng cho sự tái sinh, nọc độc của rắn có thể giết chết người nên được liên hệ đến đặc tính xấu và sự độc ác, tính lưỡng giới tượng trưng cho khởi nguồn của vũ trụ, thân hình rắn là một đường ngoằn ngoèo không đầu không đuôi kéo dài vô tận hoặc là một đường tròn thể hiện tính luân hồi của sống và chết. Trên thế giới, nhiều dân tộc xem rắn là chúa tể của phụ nữ.

Ba biểu tượng y học liên quan tới rắn còn được sử dụng cho tới ngày nay là Chén Hygieia, biểu tượng cho dược học, và Caduceus cùng Gậy Asclepius là biểu tượng cho y tế nói chung. [7] Ngày nay nọc rắn được sử dụng trong y học để chữa trị một số chứng bệnh hiểm nghèo. Ý nghĩa biểu tượng quan trọng nhất của rắn chính là sự thể hiện nguồn gốc của sự sống và vũ trụ, trên bình diện con người, đây là biểu tượng kép của linh hồn và nhục dục.

A.Ở AI CẬP.



Tín ngưỡng thờ rắn Ai Cập được ghi nhận là cổ xưa nhất, những con rắn đã nhập vào các tôn giáo Ai Cập như một biểu tượng của thánh thần, của sự mê hoặc, đôi khi nó được tin như một lời sấm, lời tiên tri, thậm chí là một đẳng tối cao ví dụ như Atum là một vị thần nguyên thủy đã được biểu trưng dưới hình thức người rắn... Thời cổ xưa, người Ai Cập cho rằng rắn là thần hộ mạng cho các vị vua chúa. Trên các vương miện của các pharaoh Ai Cập đa số đều có chạm trổ hình rắn Naja bằng vàng hay bằng ngọc. Điều này được lý

giải là tượng trưng cho nữ thần hiền lành, có khả năng phù hộ cho nhà vua.

Dấu vết của tín ngưỡng này còn được tìm thấy qua các hình vòng tròn, quả cầu được chạm khắc trên hầu hết các công ngôi chùa ở Ai Cập (người Ai Cập quan niệm thế giới như một vòng tròn, con rắn đi xuyên qua tâm theo chiều ngang biểu trưng cho sự giao nhau bởi vũ trụ và đất liền). Truyền thuyết Ai Cập thường xem rắn như là một vị thần linh tối cao, vị thần hộ mạng cho các nhà vua, do đó trên các vương miện của các vua pharaoh Ai Cập đều có chạm trổ hình rắn Naja bằng vàng hay đá quý. Ouroboros hay Oroboros là con rắn hay con rồng cắn đuôi của chính nó theo chiều kim đồng hồ (tính từ đầu tới đuôi) vẽ thành vòng tròn, tượng trưng cho chu trình sống, chết và tái sinh, dẫn tới sự bất tử.

Trong lịch sử Ai Cập, rắn có một vai trò quan trọng với rắn hổ mang sông Nin trang điểm cho vương miện của các pharaoh trong thời kỳ cổ đại. Nó được tôn thờ như là một vị thần và từng được sử dụng cho các mục đích độc ác: nó là kẻ sát nhân trong một vụ tự sát theo nghi

lễ của Cleopatra. Ouroboros là biểu tượng gắn với nhiều tôn giáo và tập quán khác nhau, và được coi là có liên quan tới giả kim thuật. Người Ai Cập cổ xem rắn là một con vật linh thiêng, một vị thần tối linh. Nó biểu trưng cho sự gian ngoan, linh thiêng, sự tái sinh, bất tử, vĩnh cửu.

Truyền thuyết ở Ai Cập cũng có kể về Apep (trong tiếng Hy Lạp còn gọi là Apophis) là một con rắn biển khổng lồ độc ác, kẻ cai trị bóng đêm và sự hỗn loạn của Ai Cập. Ánh sáng chân lý của nữ thần Ma'at làm cho con quỷ sợ. Apep bị xóa bỏ khỏi tín ngưỡng Ai Cập cổ bắt đầu từ thời kỳ Ai Cập cổ đại vì cho rằng không thể thờ một con quái vật độc ác thế này được. Một lần, thần Ra đang đi trên thuyền Barque thì bất ngờ sóng lớn nổi lên, một con rắn biển khổng lồ chắn ngay trước mũi thuyền. Ra ra lệnh cho con quái vật đi chỗ khác nhưng nó không nghe. Ra liền phóng một mũi lao vào con quái vật. Nó ré lên và tấn công vào con thuyền của Ra. Theo người Ai Cập, khoảnh khắc mà Ra đánh nhau với Apep chính là bắt đầu từ lúc chập tối đến sáng. Khi Ra gặp con quái vật này là lúc mặt trời lặn. Còn khi con quái vật rút lui là mặt trời lên.

B. Ở HY LẠP.

Trong thần thoại Hy Lạp rắn thường gắn với các địch thủ nguy hiểm chết người, nhưng điều



này không có nghĩa rằng rắn là biểu tượng của điều ác độc; trên thực tế rắn là biểu tượng gắn liền với đất hay âm phủ. Con rắn chín đầu Lernaean Hydra mà Hercules đánh bại và ba chị em Gorgon đều là con của Gaia, nữ thần đất. Medusa là một trong số ba chị em Gorgon mà Perseus đã đánh bại. Medusa được mô tả là một vị thần bất tử gớm ghiếc, với mái tóc là những con rắn và có phép thuật biến những kẻ đàn ông thành đá chỉ bằng ánh mắt. Sau khi giết chết Medusa, Perseus đã dâng đầu nàng cho Athena để gắn vào chiếc kh-

iên che ngực gọi là Aegis Các Titan cũng được mô tả là có các con rắn thay vì có chân vì cùng một lý do họ đều là con của Gaia với Ouranos (Uranus), vì thế họ cũng gắn liền với đất. Truyền thuyết về sự ra đời của Thebes đề cập tới một con rắn quái vật khổng lồ ngăn giữ suối nước mà dân cư của khu định cư này lấy nước. Trong cuộc chiến để giết chết con rắn, những người bạn đồng hành của nhà sáng lập khu định cư là Cadmus đều bị giết chết - điều này dẫn tới thuật ngữ "chiến thắng kiểu Cadmus" (nghĩa là chiến thắng với sự tự hủy diệt bản thân). Nhìn chung, Trong tôn giáo của người Hy Lạp, rắn luôn được xem là một biểu tượng thiêng liêng. Rắn không chỉ tượng trưng cho sự khôn ngoan mà còn là biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực về khả năng sinh sản. Ngoài ra nhân vật Lamia chính là người rắn, sau này John Keats có sáng tác một câu chuyện vào năm 1819 kể về một phụ nữ do rắn biến thành sau đó cùng thanh niên Menippus Lycius kết làm vợ chồng, trong đêm cưới De Vita Apollonius

khám phá ra Lamia chính là con rắn.

Trong Mười hai kỳ công của Heracles có nhiệm vụ Heracles phải tìm và diệt trừ con rắn Hydra khổng lồ có nhiều đầu. Nó có 17 cái đầu. Nhưng khi có một cái đầu bị đánh gục hay bị chặt đứt, thì ngay lập tức từ chỗ bị đứt sẽ mọc lên hai cái đầu mới. Điều tồi tệ hơn cả là việc hơi thở của con Hydra có thể làm chết người. Ngay cả việc ngửi thấy mùi hôi thối của nó cũng đủ làm chết một người bình thường. Heracles tìm thấy hang ổ của con Hydra và làm cho nó phải ngoi lên bằng những mũi tên rọc lửa. Trận ác đấu diễn ra với lợi thế thuộc về con Hydra. Nó dùng những cái đầu quấn chặt lấy Heracles và cố làm cho chàng ngã. Nó gọi đồng minh của mình là một cây táo dại cũng sống trong đầm lầy. Cây táo đập vào chân Heracles và ngăn không cho chàng tấn công. Heracles đã ở bên bờ của sự thất bại thì chợt nhớ đến người cháu Iolaus, con trai của người em sinh đôi Iphicles.

Iolaus, người đã đưa Heracles đến Lerna bằng xe ngựa, đầy lo lắng khi thấy chú của mình vướng vào những cái đầu của con Hydra. Chắc rằng Heracles không thể chịu đựng thêm được nữa, đáp lại những tiếng thét của chú mình, Iolaus vội chụp lấy cây đuốc, châm lên rồi lao vào cuộc chiến. Giờ đây, khi Heracles vừa chặt đứt một cái đầu của con Hydra, thì lập tức Iolaus có mặt và đốt cháy nơi cổ vừa đứt khiến cho những cái đầu không thể mọc lại được. Heracles chặt từng cái đầu một trong khi Iolaus đốt cháy những nơi vừa bị chặt. Cuối cùng Heracles chặt đứt cái đầu ở chính giữa được cho là bất tử và chôn sâu xuống đất phía dưới tảng đá hình đầu chó như lời truyền thuyết và dần một tảng đá lên trên. Sau đó Heracles nhúng đầu những mũi tên của chàng của mình vào dòng máu độc của con rắn. Nếu những mũi tên của chàng trúng người nào thì người đó sẽ chết ngay lập tức.

C.Ở BẮC ÂU.



Trong thần thoại Bắc Âu, Jörmungandr, thường được gọi là Jormungand hay "Mãng xà trần gian", là một con rắn biển khổng lồ, đứa con thứ hai của khổng lồ Angrboða và Loki. Theo như văn xuôi Edda, Odin đã bắt ba đứa con của Loki là Fenrir, Jörmungandr và Hel, rồi ném Jörmungandr xuống đại dương bao quanh Midgard. Con mãng xà lớn đến mức nó cuộn quanh cả thế giới và ngậm được cái đuôi nó. Khi nó trở mình thế giới sẽ lụi tàn. Kẻ thù lớn nhất của Mãng xà trần gian là thần Thor. Nguồn tư liệu chính về Jörmungandr là văn xuôi Edda, Húsdrápa, Hymiskviða, và Völuspá. Những nguồn tư liệu kém quan trọng hơn bao gồm những hoán dụ trong thơ ca. Ví dụ

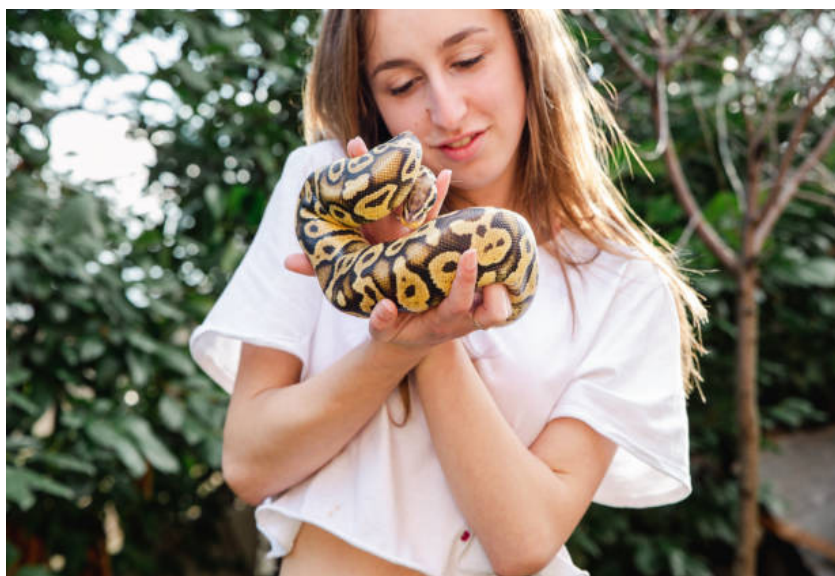
trong Þórsdrápa, "cha của sợi dây dưới biển" được dùng làm hoán dụ tả Loki. Ngoài ra còn có những hình khắc trên đá từ thời cổ xưa.

Tại phương Tây, một vài loài rắn (đặc biệt là các loài dễ thuần hóa như rắn hoàng gia (*Python regius*) và rắn sắn chuột đỏ (*Pantherophis guttatus*) được nuôi làm động vật cảnh. Để

đáp ứng nhu cầu này một ngành công nghiệp nuôi nhốt động vật bò sát đã phát triển. Các loại rắn sinh đẻ nuôi nhốt có xu hướng dễ nuôi làm động vật cảnh hơn so với các loại rắn bắt được trong tự nhiên.[11] Rắn cảnh dễ nuôi hơn so với nhiều loại động vật cảnh truyền thống khác do chúng không cần nhiều không gian (do phần lớn rắn cảnh không dài quá 1,5 m và chúng cũng không cần phải cho ăn uống quá thường xuyên (thường chỉ một lần trong vòng 5-14 ngày). Một vài loại rắn cảnh có thể sống trên 40 năm nếu được chăm sóc chu đáo. Trong các nền văn hóa phương Tây thì việc ăn thịt rắn cũng từng xảy ra khi gặp phải những năm đói kém.[12] Việc ăn thịt rắn chuồng đã nấu chín là một ngoại lệ, với việc tiêu thụ nói chung phổ biến tại các khu vực ở miền trung tây nước Mỹ. Các học viên của lực lượng đặc nhiệm Quân đội Hoa Kỳ cũng được huấn luyện bắt, giết và ăn thịt rắn để có thể sống sót trong các hoàn cảnh đặc biệt; và điều này đã làm người ta gán cho họ tên hiệu là "snake eaters" (những kẻ ăn rắn).

D.CÁC NƯỚC Á CHÂU & VÙNG ĐÔNG NAM Á.

Trong quan niệm về rắn ở các nước phương Đông, trong một số nền văn hóa, hình tượng rắn có vị trí quan trọng trong thế giới biểu tượng. Rắn thường thể hiện hình ảnh khác nhau như thần hiền, thần ác, điều tốt, điều xấu, sự hủy diệt, tái sinh, tình yêu. Trong văn hóa Việt Nam, rắn không chỉ là loài động vật bình thường mà còn trở thành một biểu tượng tâm



linh. Tị là một trong số 12 địa chi của Thiên Can Địa Chi, trong lịch Trung Quốc và Việt Nam và quý ty được biểu hiện bằng con rắn.

Tại các quốc gia châu Á, như Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Indonesia, Việt Nam và Campuchia, việc uống rượu pha tiết rắn cụ thể là rắn hổ mang được cho là làm gia tăng khả năng tình dục. Việc lấy tiết rắn được thực hiện khi con rắn còn sống và nó được pha với một vài loại rượu mạnh hay rượu mùi để cải thiện mùi vị.[13] Tại một số quốc gia châu Á việc sử dụng rắn

ngâm trong rượu cũng được chấp nhận. Trong trường hợp này nguyên cả con rắn hay nguyên cả con của một vài loại rắn được ngâm trong bình rượu mạnh hay rượu mùi. Người ta cho rằng rượu rắn có tác dụng tốt với cơ thể (và rượu rắn cũng được bán đắt hơn). Một ví dụ là loài rắn lục Habu (*Trimeresurus flavoviridis*) đôi khi được ngâm trong rượu Awamori của người dân Okinawa và được gọi là "Habu Sake".

Trong thần thoại Nhật Bản còn có con rắn Yamata no Orochi (Nhật: Bát Kỳ Đại Xà), hay còn được gọi tắt là Orochi. Đây là một sinh vật dạng rắn trong Thần đạo Nhật Bản. Yamata no Orochi được miêu tả có tám cái đầu, tám cái đuôi cùng 8 cặp mắt với màu đỏ. Thân hình khổng lồ của Orochi được miêu tả trải dài 8 thung lũng, 8 quả đồi. Nó nguy trang bằng râu

phong, cây bách và cây tuyết tùng trên lưng nên trông nó không khác gì một dãy núi. Ở Đông Nam Á cũng có các câu chuyện tương tự như Bạch Xà truyện, ví dụ như Chu Đạt Quan ở thời Nguyên trong tác phẩm Chân Lạp phong thổ ký có ghi chép chuyện quốc vương Chân Lạp có một "thiên cung", đêm đêm lên tòa tháp vàng ở thiên cung giao hợp cùng nữ nhân do xà tinh hóa thành, là nguyên mẫu của chuyện người và rắn giao cấu với nhau. Còn các vị vua Khmer thì tin mình đã giao phối với một Nagini xinh đẹp để duy trì dòng dõi hoàng gia. Trong Chân Lạp phong thổ ký, Châu Đạt Quan viết rằng: hàng đêm quốc vương đều có đến ngủ với một nàng tiên rắn. Người Khmer tin rằng chính Kaudinya đã truyền cho họ những bí quyết về nghề trồng lúa và công việc thủy lợi. Người Campuchia coi rắn Naga là vị thần canh giữ nơi vua chúa ngự. Rắn Naga là mô típ trang trí quan trọng trong nghệ thuật điêu khắc Phật giáo Khmer. Phật thoại đã mô tả cuộc đời của Phật từ khi mới sinh cho đến khi nhập cõi Niết Bàn đều có liên quan ít nhiều đến rắn Naga

Người Thái Lan tôn thờ rắn là hồn của âm vật, là thần mẹ. Trong văn hóa tâm linh, rắn là vật linh thiêng, mang lại may mắn cho con người, Ở đền thờ Thái Lan có rất nhiều đền thờ rắn, người Thái không giết rắn một cách bừa bãi Thờ rắn còn phổ biến trong tín ngưỡng người Khmer vốn có tín ngưỡng thờ rắn Naga chín đầu. Rắn chín đầu là biểu tượng cho thần đất và thần nước. Sau này, do ảnh hưởng của đạo Bà la môn, rắn còn mang biểu tượng nguồn gốc các vị vua lập quốc. Các vị vua Khmer thường cho xây dựng các cung điện và đền thờ lớn bằng đá, mà rắn Naga được xem là vị thần canh giữ, chúng xuất hiện trên cầu thang, các lối đi, trên ngưỡng cửa hoặc trên các mái tháp để xua đuổi tà ma. Trong kiến trúc nhiều ngôi đền cổ của người Khmer, hình ảnh cầu vòng và rắn Naga tượng trưng cho cầu nối giữa trần gian và cõi Niết bàn.

1. Ở TRUNG QUỐC.

Ở Trung Quốc tồn tại từ lâu hình tượng thần Phục Hy đầu người đuôi rắn, thần Nữ Oa đầu người mình rắn. Nước này còn có truyền thuyết Bạch Xà truyện còn có tên là Hứa Tiên và Bạch Nương Tử là một trong bốn truyền thuyết dân gian lớn của Trung Quốc. Câu chuyện ra đời vào thời Nam Tống hoặc sớm hơn và được lưu truyền rộng rãi dưới thời nhà Thanh,

là sản phẩm sáng tác tập thể của dân gian Trung Quốc. Nội dung Bạch Xà truyện miêu tả câu chuyện tình yêu giữa một Bạch xà tinh tu luyện thành người (Bạch Nương Tử) và một chàng trai ở trần gian (Hứa Tiên). Câu chuyện đã nhiều lần được chuyển thể thành Kinh kịch, phim điện ảnh và phim truyền hình mà nổi bật là bộ phim Truyền thuyết Bạch Xà.

Bạch Xà truyện được lưu truyền rộng rãi ở Trung Quốc, ban đầu là truyền miệng, sau đó nhiều hình thức truyền bá dân gian xuất hiện như bình thoại,



thuyết thư, đàn từ xuất hiện, dần dần được chuyển thể thành kịch. Sau này còn có tiểu thuyết, sau Dân quốc còn có ca kịch, kịch Đài Loan, truyện tranh. Đến hiện đại Bạch Xà truyện còn được quay thành điện ảnh, cải biên thành múa hiện đại, tiểu thuyết kiểu mới... Tên gọi Bạch Xà truyện có thể xuất hiện vào cuối thời Thanh, trước đó không có tên gọi cố định nào. truyện thuyết Bạch Xà truyện có liên quan đến Ấn Độ giáo. Chuyện sáng thế trong Ấn Độ giáo cũng bắt đầu từ hai con rắn lớn (Naga) khuấy động sữa biển.

Trong khi đa phần các nền văn hóa không dùng rắn làm thực phẩm thì tại một số quốc gia việc sử dụng rắn làm thực phẩm lại được chấp nhận hay thậm chí còn được coi là đặc sản, do các thức ăn chế biến từ rắn được đánh giá cao về tác dụng y học. Món xúp rắn trong ẩm thực Quảng Đông được người dân tại đây dùng trong mùa thu do họ coi nó có tác dụng làm ấm cơ thể. Rượu rắn (xà tửu) là loại rượu ngâm nguyên cả con rắn trong các loại rượu sản xuất từ gạo hay ngũ cốc. Việc uống rượu rắn tại Trung Quốc lần đầu tiên được ghi chép lại có từ thời Tây Chu và được coi là có tác dụng chữa bệnh và làm cường tráng cơ thể theo y học cổ truyền Trung Hoa.

2.Ở VIỆT NAM.

Rắn là hình tượng khá quen thuộc trong đời sống văn hóa người Việt Nam và điều đáng chú ý trong hình tượng rắn của người Việt Nam là xuất hiện rất đa dạng với những biến thể khác nhau, như rắn, trăn, chằn tinh, giao long, thường luồng, thậm chí là rồng. Ở mỗi một hình thức thể hiện của rắn, hoặc với mỗi một biến thể, hình tượng rắn đều mang những ý nghĩa nhất định. Có thể tìm thấy điều này trong các câu chuyện cổ tích, huyền thoại, phong tục tập quán, văn học nghệ thuật, mỹ thuật, tạo hình. Trong bộ Kho tàng cổ tích Việt Nam trong tổng số 200 chuyện thì đã có 11 chuyện đề cập đến hình tượng rắn hoặc các biến thể của rắn như giao long, thường luồng, chằn tinh... trong đó có những chuyện ca ngợi sự giúp đỡ của rắn đối với con người, một số truyện khác lại nói đến việc rắn hại người. Người Việt có câu chuyện truyền thuyết về loài rắn như câu chuyện Thạch Sanh, Lý Thông, một huyền thoại khác là rắn báo oán mà Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc.

Trong hầu hết các câu chuyện ở Việt Nam, rắn thường gắn với cái ác. Người Việt quan niệm rắn là loài đáng sợ nên không nhiều người thích chúng, vì nọc độc của một số loài rắn có thể giết người ngay tức khắc, vì thế những người tính cách không tốt, thường được ví như người ác, gian manh hay thích nhục dục. Mặt khác, đối với người Việt Nam, rắn không phải là loài vật thân thiện với con người cho lắm chính vì thế trong quan niệm dân gian, rắn là con vật hiểm ác, tinh quái (mãng xà, xà tinh) và có phần gian xảo, rắn không có được hình ảnh đẹp trong tâm thức, khi người ta nhắc đến rắn thường thì kèm theo những điều xấu. Hình tượng con rắn trong dân gian thường tượng trưng cho hạng người xấu, lòng sâu dạ hiểm. Tuy nhiên cũng chính vì những đặc tính đó mà con người thần thánh hóa loài rắn, thờ cúng rắn như một vị thủy thần để cầu thân với rắn, mong rắn không làm hại người.

Trong văn hoá dân gian Việt Nam, rắn không được xem là biểu tượng gắn với tôn giáo (trừ trường hợp Phật giáo của người Khmer sống ở Nam Bộ). Tục thờ rắn là một tín ngưỡng nguyên thủy của người Việt cổ với hai ý nghĩa chính là tục thờ thủy thần. Tục thờ này mang ý niệm về sông nước của cư dân làm nông nghiệp. Các đền thờ rắn xuất hiện dọc theo các con sông Hồng, sông Cầu, sông Đuống.[4] Rắn xuất hiện với biến thể là giao long có thể tìm

thấy trong truyền thuyết Lạc Long Quân, huyền thoại Linh Lang Vương... Trong hình hài là giao long, rắn dường như được phủ lên một lớp văn hóa muộn, bởi nó đã bước đầu nhuộm màu sắc phong kiến.

Biểu tượng rắn thủy thần có hai thuộc tính: tốt và xấu. Rắn là vị thần nước giúp mưa thuận gió hoà, mang điêm lạnh và báo điêm dữ. Rắn là con vật tinh quái phá hoại mùa màng và cuộc sống của người dân. Hình tượng con Chằn (một biến thể của rắn) trong văn hoá người Khmer Nam Bộ lại thể hiện cả hai mặt tốt và xấu: có vai trò bảo vệ con người nhưng đồng thời cũng đại diện cho tính ác, phá hoại cuộc sống bình yên của con người. Trẻ con ở Việt Nam vào các buổi chiều sau khi cơm nước no nê, thường hay tụ lại các khoảng sân rộng trong xóm hoặc một thửa ruộng gần nhà đã thu hoạch xong (tháng mười một, tháng chạp) chơi trò đuổi bắt, rồng rắn lên mây. Trò chơi này có ở hầu khắp các địa phương.

3.Ở ẤN ĐỘ.



Ấn Độ thường được gọi là vùng đất rắn và huyền ảo trong các tập tục liên quan tới rắn. Ngay cả ngày nay rắn vẫn còn được thờ phụng với nhiều phụ nữ rót sữa vào các hốc rắn (mặc cho ác cảm của rắn đối với sữa). Rắn hổ mang có trên cổ thần Shiva còn thần Vishnu thường được vẽ trong tư thế đang ngủ trên con rắn bảy đầu hoặc với các cuộn rắn.] Có một số đền miếu

tại Ấn Độ chỉ dành cho rắn hổ mang, đôi khi được gọi là Nagraj (vua rắn) và người ta tin rằng rắn là biểu tượng của sự trù phú. Có một lễ hội Hindu gọi là Nag Panchami mỗi năm (tổ chức vào ngày thứ năm sau ngày Amavasya của tháng Shraavana), trong ngày đó những con rắn được tôn thờ và vái lạy.

Vị thần rắn trong Ấn Độ giáo có tên gọi là Naga. Rắn được xem như biểu tượng của sự bất tử, được kính trọng như con vật linh thiêng. Người Ấn Độ còn dành riêng cho rắn ngày tết vào tháng 8 hàng năm. Hình ảnh thường thấy ở các đền đài Ấn Độ là vị thần cầm rắn trên tay hay để rắn quấn quanh mình.[4] Rắn còn là một hình ảnh quen thuộc trong thần thoại Ấn Độ, tiêu biểu cho những huyền thoại là rắn Naga. Những con rắn thần được coi là Naga, đôi khi có biểu tượng là đầu người mình rắn. Những con rắn thần nổi tiếng là rắn Sêsa (hay Ananta) đã cuộn mình nổi trên biển vũ trụ để đỡ cho thần Visnu khi tạo dựng vũ trụ, rắn Vasuky dùng mình làm dây kéo quanh cột núi Mêru trong huyền thoại khuấy biển.

Tại Ấn Độ còn có truyền thuyết khác về rắn. Nói chung được biết đến như là những con rắn "Ichchhadhari" trong tiếng Hindi. Những con rắn này có thể có hình dáng của bất kỳ sinh vật nào, nhưng thích biến hình thành dạng người. Những con rắn thần bí này chiếm giữ viên ngọc quý gọi là "Mani" quý báu hơn cả kim cương. Có nhiều câu chuyện cổ tích tại Ấn Độ kể về những kẻ tham lam cố đoạt viên ngọc quý này và đều có chung một kết cục là bị giết chết.

Tại một vài nơi trên thế giới, đặc biệt tại Ấn Độ, thổi miên rắn là cuộc trình diễn ven đường do những người làm nghề thổi miên rắn trình diễn. Trong những cuộc trình diễn như vậy, người thổi miên rắn mang theo một chiếc giỏ chứa một con rắn để thực hiện việc dường như là ông ta thổi miên con rắn bằng cách thổi một số điệu nhạc du dương bằng một nhạc cụ dạng sáo để con rắn phản ứng theo. Rắn không có tai ngoài (mặc dù có tai trong) và trên thực tế nó phản ứng với chuyển động của cây sáo chứ không phải phản ứng với âm thanh thật sự. Luật bảo vệ động vật hoang dã năm 1972 của Ấn Độ về mặt kỹ thuật cấm thổi miên rắn trên cơ sở làm giảm sự đối xử độc ác với động vật. Những người thổi miên rắn khác còn trình diễn cuộc đấu giữa rắn với cây mangut, trong đó cả hai con vật có một cuộc đấu giả vờ; tuy nhiên điều này là không phổ biến do cả rắn lẫn cây mangut đều có thể bị thương nặng hay tử vong. Nghề thổi miên rắn tại Ấn Độ đang tàn lụi do sự cạnh tranh từ các dạng giải trí hiện đại cũng như do luật môi trường ngăn cấm việc hành nghề này.

Bộ lạc Irulas ở Andhra Pradesh và Tamil Nadu thuộc Ấn Độ hành nghề bắt rắn trong nhiều thế hệ. Họ có nhiều kiến thức và kinh nghiệm về rắn trên thực địa. Nói chung họ bắt rắn với sự hỗ trợ của một cây sáo. Trước đây, người Irulas đã bắt hàng nghìn con rắn để lấy da. Sau khi ngành công nghiệp da rắn bị cấm triệt để và sự bảo vệ rắn theo Luật bảo vệ động vật hoang dã năm 1972 tại Ấn Độ thì họ đã lập ra Hội hợp tác bắt rắn Irula và chuyển sang bắt rắn để lấy nọc và thả chúng ra sau 4 lần lấy nọc. Nọc rắn thu thập theo cách này được dùng để sản xuất huyết thanh kháng nọc rắn cũng như phục vụ cho nghiên cứu y sinh học và sản xuất các dược phẩm khác.

4. Ở BẮC MỸ.

Trong một số nền văn hóa rắn biểu tượng của khả năng sinh sản, ví dụ như người Hopi của Bắc Mỹ thực hiện một điệu múa rắn hàng năm để kỷ niệm sự kết hợp của rắn được và rắn cái báo hiệu khả năng sinh sản của thiên nhiên. Nhiều nền văn hóa Peru cổ đại thờ



phụng thiên nhiên. Người dân của các nền văn hóa này đề cao các con vật và thường vẽ các con rắn trong các bức họa của mình. Một số bộ lạc thổ dân tôn kính loài rắn chuông như ông vua của loài rắn, những người có khả năng cung cấp nguồn năng lượng gió hoặc gây ra cơn bão lớn. Người da đỏ Pueblo gắn nguồn gốc bài hát với âm phủ và loài rắn cõi âm khton (khi con rắn bị đốt cháy, các mảnh thân xác của nó biến thành bài hát).

Rắn chuông được thờ trong đền Natchez thờ thần mặt trời và các vị thần của Aztec, nhiều nền văn hóa Trung Mỹ, con rắn đã được coi như

là cửa ngõ giao thoa giữa hai thế giới. Ở Mexico cũng có một ngôi đền dành riêng cho thần của không khí và cửa đền giống như miệng một con rắn. Người Mexico cổ còn xem rắn như một vị thần bảo hộ của gia đình. Trong vùng Nam Mỹ còn có truyền thuyết về loài rắn Yacumana Đây là một quái vật sống dưới nước thời cổ xưa tại dòng sông Amazon. Trong các truyền thuyết, nó là một con rắn khổng lồ với đầu có sừng, dài tới hơn 50m và luôn đói ăn, khát máu. Yacumana tấn công con mồi bằng cách phun nọc độc bất tỉnh rồi ăn thịt. Con vật này thực tế có nét tương đồng với loài rắn Nam Mỹ khổng lồ Anacodas.

III. RẮN TRONG KINH THÁNH.



Sách Sáng thế Khải huyền 4 nói về con Rắn, là con quỷ quỵệt hơn mọi con thú trên cánh đồng. Con rắn xúi giục người nữ (Eve) ăn cây nhận thức, nói với cô ta rằng nó sẽ không dẫn tới cái chết, người nữ không kìm nổi, và đưa trái cho người nam, và người nam cũng ăn, và mắt của hai người mở ra. Khi ấy đã nhận thức được sự trần truồng của mình, họ che nó đi bằng những chiếc lá sung, và trốn khỏi cái nhìn của Chúa. Chúa trời hỏi họ điều họ đã làm. Adam kết tội Eva, và Eva kết

tội con rắn. Chúa trời nguyên rủa con rắn (vốn đã phải có khả năng đi được trước sự kiện này rằng mày sẽ đi bằng bụng, và mày sẽ ăn bụi trong suốt những ngày của cuộc đời mày. Sách của Jubilees ở thế kỷ thứ II trước Công Nguyên nói (ch3 v17) rằng con rắn đã thuyết phục Eva ăn trái vào ngày thứ 17 ở tháng thứ hai của năm thứ 8 sau khi Adam được tạo ra. Con rắn ở đây được cho là một con rắn cái. Nghệ thuật Kitô giáo Trung Cổ thường thể hiện con Rắn trong Vườn Eden là một người nữ, vì thế vừa nhấn mạnh tính chất cám dỗ vừa nói tới mối quan hệ của nó với Eva. Nhiều chức sắc trong thời kỳ đầu, gồm cả Clement của Alexandria và Eusebius của Caesarea, giải thích từ trong tiếng Hebrew "Heva" không chỉ là cái tên của Eva, mà trong hình thức âm hơi của nó là con rắn cái. Ngoài ra, con rắn đã xúi giục Eva được giải thích là quỷ Satan, hay rằng Satan đã dùng con rắn như một cái loa, dù không có đề cập tới cách giải thích này trong Torah và nó không có trong Do Thái giáo. Một truyền thống Ngộ đạo khác cho rằng Adam và Eva được tạo ra để giúp đánh bại Satan. Con rắn, thay vì bị coi là Satan, được giáo phái Ophite coi là một anh hùng.

IV. RẮN THEO TỬ VI

Theo đông phương thì Rắn đứng hàng thứ 6 sau con Rồng. Ai sinh vào 2 năm tuổi này có thể nói thường đời sống được vận hên nhiều, bởi người ta hay nói đời lên hương như Rồng , Rắn. Còn theo tín ngưỡng trong một số nền văn hóa trên thế giới, rắn tượng trưng cho sự ác độc, nguy hiểm nhưng cũng là loài linh vật thể hiện sức mạnh, quyền lực và sự uy nghi. Khi rắn bò vào nhà mang 2 ý nghĩa khác nhau phụ thuộc vào từng loài rắn: điềm xui xẻo và điềm tốt lành. Tử vi quan niệm, nếu rắn hiện lành không có độc bò vào vườn, nhà thể hiện điềm may mắn, sắp có quý nhân phù trợ và con rắn có màu vàng càng đậm thì càng tốt lành về

đường tiền tài. Ngược lại, rắn bò vào nhà có màu đen, thuộc loài rắn dữ sẽ tượng trưng cho điềm xấu. Rắn độc bò vào nhà có thể là dấu hiệu báo trước chuyện chẳng lành, sự bất hạnh. Khi bị rắn bò vào nhà nhiều người tin rằng gia đình sẽ gặp phải biến cố tai ương, phải đề phòng bị kẻ thù hoặc kẻ tiểu nhân hãm hại. Nếu phát hiện rắn ở lăng mộ, bàn thờ hoặc gầm giường được coi là điềm không lành về việc âm phần, phải chú ý hơn đến mồ mả của gia tiên. Nếu đang đi đường mà bắt gặp rắn bò ngang sang đường, đó là điềm xấu dự báo người này có thể gặp rủi ro bất trắc hoặc bị hãm hại. Đặc biệt, rắn được xem là loài vật rất linh thiêng và có tính trả thù cao, do đó nếu thấy rắn bò vào nhà mà không tấn công người thì không nên giết mà chỉ nên đuổi chúng đi.

V.RẮN THEO TÍN NGƯỠNG.



Xuất phát từ nỗi sợ rắn, con người thần thánh hóa loài rắn, coi như vị thủy thần và thờ cúng rắn để mong rắn không làm hại mình, bảo vệ cho mình. Hình tượng rắn được thờ phụng ở rất nhiều quốc gia, dưới nhiều hình thức biểu hiện khác nhau. Trong đó đối với văn hóa dân gian Việt Nam, rắn là một hình tượng phổ biến và có sức ám ảnh mạnh mẽ, phổ biến nhất của người Việt ở đồng bằng sông Hồng. Tục thờ rắn với tư cách là thủy thần không chỉ phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ mà còn có ở miền Trung, Tây Nguyên và cả miền Tây Nam Bộ. Ở Ai Cập, rắn là biểu tượng của thánh thần, sự thông thái và khả năng tiên tri về tương lai. Rắn được coi là thần hộ mệnh cho các bậc vua chúa nên vương miện của các pha-ra-ông thường chạm trổ hình rắn. Ở châu Âu, tục thờ rắn phổ

biến quanh lưu vực những con sông ở Hy Lạp. Ở châu Úc, các thổ dân tôn sùng rắn vì rắn tượng trưng cho tính âm, nguồn nước, có liên hệ mật thiết với nông nghiệp. Các thổ dân tôn sùng và thờ rắn không lồ, con rắn này được gọi bằng nhiều tên, song phổ biến hơn cả là rắn cầu vòng

Ở châu Mỹ, một số bộ lạc thổ dân tôn kính loài rắn chuông như ông vua của loài rắn, những người có khả năng cung cấp nguồn năng lượng gió hoặc gây ra cơn bão lớn. Con rắn thần Quetzalcoatl (hay rắn lông chim) xuất hiện trên các cấu trúc trong thành phố cổ Teotihuacan tại Mexico. Rắn trở thành một đối tượng thờ cúng và biểu trưng ý niệm về thời gian của người Mexico cổ. Đối với người Hindu ở Ấn Độ, rắn được coi như thần thánh và thể hiện trong điêu khắc, với hình ảnh các vị thần cầm rắn trên tay hay để rắn quấn ngang mình. Ở Ấn Độ, rắn được xem như là một biểu tượng của sự bất tử. Trong tín ngưỡng dân gian của

người Campuchia, họ thờ cúng thần rắn Naga.

Tại Iran, người ta đã tìm thấy dấu vết của tín ngưỡng thờ con rắn thiêng qua các hình vẽ, vòng tròn được chạm khắc trên vách các hang động. Tục thờ rắn còn được tìm thấy trong dấu ấn của chữ tượng hình. Tại Trung Quốc, tín ngưỡng thờ rắn được biết đến khá sớm và còn lưu lại trên các vách đá, chẳng hạn như tranh thần Phục Hy đầu người đuôi rắn, thần Nữ Oa đầu người mình rắn. Tục thờ rắn là một trong những tín ngưỡng nguyên thủy của người Việt cổ. Xuất phát từ môi trường tự nhiên gắn với điều kiện sông nước, đầm lầy, hình tượng rắn đã được đồng hóa với nước, thủy thần gắn với tục thờ các vị thần tự nhiên.

VI. RẮN TRONG VÕ THUẬT.

Con rắn còn được hiện diện trong võ thuật trong hoa truyền thống. Là biểu tượng xà trong Tượng hình quyền và một trong năm con vật của Ngũ hình quyền. Xà quyền, còn gọi là xà hình quyền là những đòn tay mổ chọc vào đối phương bằng các ngón tay, giống như động tác mổ của loài rắn, các thế võ, thủ pháp mang hình dáng con rắn. Vì bắt chước hình, thần, ý, kinh của rắn mà có tên, về nguồn gốc cũng khác nhau. Về nguồn gốc, người ta dựa vào những hành động, cử chỉ, cách săn mồi... của loài rắn, chọn lọc tinh vi đặt ra những chiêu thức, thế võ, đòn quyền mang tính chiến đấu cao trong sự cạnh tranh sinh tồn.

Những miếng võ này được mô phỏng những hành động tự vệ, hoặc kiếm ăn bằng cách tấn công con mồi rồi sáng tạo ra. Môn võ mô phỏng động tác của loài rắn, gọi là xà quyền. Những thế võ uyển chuyển, bàn tay gập lại hình đầu rắn tạo ra những thế võ rắn, nhằm giúp con người mang lại lợi ích về sức khỏe, kỹ thuật tự vệ chiến đấu, rèn luyện. Đặc trưng kỹ pháp của xà quyền là trong nhu có cương, cương nhu tương tế, trong tĩnh có động, thần giữ thì lấy hình, ý ngụ ở phép (pháp), thân linh (động), bộ hoạt (bát), mắt (nhãn quang) sắc, tay nhanh. Trong Ngũ hình quyền thì Xà quyền thuộc hành thủy, chủ thận, luyện khí (tiên thiên). Rắn không chân nên bài Xà quyền không có đòn cước.

VII. RẮN TRONG THÀNH NGỮ CA DAO VIỆT NAM.

- Cống rắn cắn gà nhà: Chỉ sự phản phúc
- Khẩu phật tâm xà: Chỉ sự nham hiểm
- Khẩu xà tâm phật
- Đánh rắn phải đánh đập đầu
- Đánh rắn động cỏ (Đả thảo kinh xà)
- Ròng rắn lên mây
- Như rắn mất đầu: Không có người chỉ huy làm mất phương hướng
- Miệng hùm nọc rắn
- Hang hùm miệng rắn
- Hùm thiêng rắn độc
- Hùm tha rắn cắn
- Vẽ rồng thêm rắn: Làm cho sự việc thêm phức tạp
- Vẽ rắn thêm chân: việc đơn giản nhưng lại bày ra những thứ rêu rĩa cho ra vẻ phức tạp
- Cha hổ mang đẻ con liu điu:
- Thẳng như rắn bò
- Thao láo như mắt rắn ráo

- Oai oái như rắn bắt nhái
- Rắn đổ nọc cho lươn
- Hễ đi gặp rắn thì may/Về nhà gặp rắn thì hay phải đòn
- Bài thơ rắn đầu biếng học của Lê Quý Đôn
- Đồ rắn độc hay con rắn độc: Một câu xi vả về người có tâm địa ác độc hay độc địa, thường chỉ về phụ nữ
- Sư hổ mang: Thành ngữ chỉ hạng người khoác áo là nhà sư nhưng thực chất là hạng người ham sắc dục
- Chém rắn đuổi hươu
- Nọc người bằng mười nọc rắn
- Rắn mai tại chỗ, rắn hổ về nhà: Các xử trí đối với từng loại rắn khi bị cắn.

VIII.KẾT LUẬN.

Rắn là một loài bò sát, sống hoang dã và có mặt rất lâu đời ở khắp nơi trên thế giới. Có loài rắn độc và loài rắn không độc. Từ xưa, trong sách cũ đã ghi, tứ linh có “Long, Lân, Quy, Phụng”, tứ vật có “nhất Điều, nhì Ngư, tam Xà, tứ Tượng”. Rắn đứng hàng thứ ba, chắc là sự so sánh về sức mạnh của nó. Rắn là loài lạ mà quen. 90 triệu năm về trước, tổ tiên loài bò sát đã xuất hiện và ngày nay trên thế giới đã có tới 2.700 loài rắn. Ở Việt Nam có tới 150 loài rắn, trong đó có 34 loài rắn độc, 13 loài rắn biển. Rắn biển hầu hết đều có nọc độc. Một con rắn biển có thể nuốt một con cá to gấp ba lần đường kính của thân nó. Rắn là loài dễ thích nghi, trên cạn dưới nước, rừng sâu, núi cao, sa mạc, biển khơi chúng đều sống được. Nó còn biết thích nghi với môi trường, xám mốc như thân cây trên rừng, xanh lục như màu lá cây... Dài nhất trong họ hàng loài rắn là loài trăn mắt võng sống ở vùng Đông Nam Á, chúng có thể dài tới 10 đến 12m, thậm chí tới 15m. Song nặng nhất lại là loài trăn nước sống ở khu vực Nam Mỹ, năm 1960 ở Bra-xin đã bắt được một con trăn nước nặng tới 231kg. Nhỏ nhất trong loài rắn thuộc về loài rắn kim sống ở các đảo Nam Mỹ, con dài nhất cũng chỉ có 10cm. Rắn cũng là loài di chuyển với tốc độ khá nhanh. Rắn Mamba xanh đen sống ở châu Phi có thể bò với tốc độ gần 20km/giờ. Lúc đuổi theo con mồi, nó có thể đạt tới tốc độ 32km/giờ và có thể chườn trên cây hoặc bơi dưới nước.

Rắn luôn luôn lột xác để trưởng thành, mỗi năm thường lột xác vài lần và sống khá lâu, có thể sống đến 20 hoặc 30 năm, có loài trăn nuôi lột xác hàng chục lần trong năm.

Rắn thường ăn côn trùng, ếch nhái và chuột... Miệng rắn có thể mở rộng để nuốt được những con vật có đường kính to hơn nó. Tuy vậy, rắn cũng là loài nhịn ăn rất lâu. Loài rắn sọc dài có thể nhịn tới hơn 600 ngày. Rắn nước khoang cổ còn có thể nhịn tới 900 ngày (khoảng hai năm rưỡi). Nhà động vật học Angel đã theo dõi 1 con trăn 6m trong 1 năm thấy nó ăn 30 bữa gồm tổng cộng 16 con dê và 17 con vịt. Tại vườn thú Gia-cá-ta, In-đô-nê-si-a, một con trăn mốc trong 24 giờ đã nuốt trôi 4 con dê rồi tiêu hoá chúng trong 10 ngày.

Vì có nhiều loài rắn độc nên con người hễ thấy rắn là tìm cách tiêu diệt. Nhưng thực ra loài rắn cũng có ích. Thịt rắn được đông y coi là một loại thuốc bổ, có vị ngọt và hơi mặn, nó đi vào kinh Can, có công dụng chữa các bệnh thần kinh đau nhức, tê liệt, thấp khớp, xác rắn lột bỏ lại có thể chữa ghẻ lở, sát trùng. Mật rắn phối hợp với một vài vị thuốc bắc có thể dùng chữa bệnh. Đặc biệt, nọc rắn độc là loại dược liệu quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, dùng để

chữa ung thư. Nhiều nước đã dùng nọc rắn chế thành thuốc tiêm hay xoa bóp để chữa giảm đau, trị thấp khớp, đau thần kinh. Nọc rắn độc dùng làm dược phẩm rất đắt. Trên thị trường quốc tế hiện nay, một gam nọc rắn Hồ Mang đắt gấp mười lần vàng nguyên chất. Song mỗi loài rắn độc lại có những cấu tạo nọc khác nhau, có tác động sinh học khác nhau. Nọc rắn Hồ Mang, Hồ Chúa có tác động chủ yếu đến hệ thần kinh. Nọc rắn Lục thì lại tác động đến hệ tuần hoàn.

Để kết luận tản mạn về rắn, năm Tỵ không thể không nhắc đến Bài thơ Rắn nổi tiếng của Thần đồng Lê Quý Đôn. Chuyện kể rằng:

Một hôm bọn trẻ đang tắm dưới dòng sông nhỏ thì có người hỏi:

- Này các cháu, làm ơn cho ta hỏi đường vào nhà quan Nghè họ Lê?

Thấy có người hỏi vào nhà mình, một chú bé từ dưới sông chạy lên:

- Ông hỏi vào nhà quan Nghè thì chắc phải hay chữ. Vậy ông biết chữ gì đây thì cháu chỉ cho.

Nói xong, nó dang ngang tay và xoạc hai chân ra. Ông khách thấy thằng bé ngộ nghĩnh cười, nói: Chữ Đại chứ gì!

- Không phải chữ Đại, chữ Thái, thế mà không biết. Nói xong nó ù té chạy.

Chữ Thái cũng gần giống chữ Đại, đều có nghĩa là to, giống hình người dang tay xoạc chân, nhưng chữ Thái có thêm một dấu ở dưới. Vì lúc đó chú bé từ dưới sông lên, chưa kịp mặc quần áo, nên có thêm “cái giống” ở dưới, mà thành chữ Thái.

Chú bé tinh nghịch và thông minh đó chính là Thần đồng Lê Quý Đôn. Từ năm mới hai tuổi, người nhà viết hai chữ “Hữu” và “Vô” đưa ra hỏi chơi, lần nào chú bé cũng chỉ đúng. Năm tuổi đã học được Kinh Thi, lại còn võ vẽ làm thơ.

Về đến nhà, nghe ông khách vui chuyện kể lại câu chuyện ở bên sông, có ý khen ngợi cậu bé sau này nhất định sẽ thành tài, nhưng không ngờ tiến sĩ Lê Trọng Thứ đã không bỏ qua.

Ông tức giận cho gọi Đôn lên quở trách:

- Thằng nghịch tử kia...

Nhưng ông khách đã vội ngăn lại. Ông cười lớn:

- Thôi được, tôi xin quan Nghè cho phép tôi phạt cháu thay bác vậy!

Và ông bắt Lê Quý Đôn làm một bài thơ. Nghe nói đến việc làm thơ, Đôn thưa luôn:

- Vâng xin bác ra đề cho.

Ông khách cười, ngẫm nghĩ:

- Được, một bài thơ nôm, thất ngôn bát cú, đầu đề là “Rắn đầu biếng học”.

Chú bé Đôn vẫn đứng ở góc nhà, mắt chớp lia lịa, vẻ suy nghĩ, miệng lẩm nhẩm như đọc...

Rồi cậu bỗng bước lên: “Dạ cháu xin đọc”

“Chẳng phải Liu điu vẫn giống nhà

Rắn đầu biếng học lẽ không tha

Thẹn đên, hổ lửa đau lòng mẹ

Nay thét, mai găm rết cổ cha

Ráo mép chỉ quen lời lếu láo

Lần lưng chẳng khỏi vệt năm ba

Từ nay Trâu Lỗ xin siêng học

Kẻ hổ mang danh tiếng thế gia”

Bài thơ đã đọc xong, câu nào cũng có tên một con rắn, mà lời thơ vẫn đúng vần, đúng luật, lưu loát, không bị gò ép. Một bài thơ ứng tác nhanh như chớp, khiến ông khách và cả ông bố đều kinh ngạc. Không kìm được sự thán phục, ông khách vội cúi đầu khen:

- Khá lắm! khá lắm! Giỏi, giỏi! Cậu bé này đúng là một thần đồng.

Còn tiến sĩ Lê Trọng Thứ thì cố giấu vẻ vui mừng, khoát tay:

- Thôi cho ra ngoài! Nhưng phải nhớ lấy bài thơ này mà tự răn mình.

Duy Văn biên soạn

Tài liệu tham khảo

- Theo Tự Điển Wikipedia

-Quan niệm Rắn theo văn hóa Đông Tây (Nguồn điện tử)

-Kinh Thánh (Nguồn internet)



Thần Đồng Lê Quý Đôn với câu chuyện “ Rắn Dầu Biếng Học ”

MÙA XUÂN NÀO CHO MẸ

Có mùa Xuân nào cho mẹ không em?
Dĩ vãng buồn, và ký ức không quên
Đêm chạy giặc Tháng Tư Đen ngày đó!
Mẹ dắt dìu cả đàn con khốn khó
Vượt trùng dương với thuyền nhỏ mong manh
Trên đại dương bị hải tặc hoành hành
Mẹ tuấn tiết liệt oanh người gái Việt
Oan khiên đó giờ làm sao em biết!?
Hơn mười năm rồi, dân Việt chịu đau thương!
Hơn năm mươi năm, người Việt sống tha phương
Di dân khắp nẻo đường trên thế giới
Mùa Xuân này, xin em cho anh gửi
Một đóa hồng đến người mẹ năm xưa
Vói lòng thành cầu nguyện sớm trưa
Cho hồn mẹ ngày mai thanh thoát.
Cầu xin mẹ thác thiêng thương xót
Độc Việt Nam thoát cảnh độc tài
Bắc, Trung, Nam sớm nhận thức lũ tay sai.
Cùng đoàn kết đứng lên làm lịch sử
Mùa Xuân này toàn dân đừng do dự
Mạnh dạn lên khởi sự một chiến công
Cùng vươn cao kiên quyết một tấm lòng
Dân tộc Việt vì non sông diệt giặc
Xuân năm nay là mùa xuân tâm đắc
Vói oan hồn của người mẹ năm xưa
Người hộ trì cho người Việt tự do
Toàn dân Việt được ấm no, dân chủ
Xuân Ất Tỵ là mùa Xuân đoàn tụ
Là mùa Xuân dâng cho mẹ thân yêu.
(kính dâng lên người mẹ tuấn tiết năm xưa)

Duy Văn



Nạn nhân của hải tặc trên đường vượt biên bằng ghe (nguồn ảnh từ internet)



Tưởng nhớ đến người con gái Việt tuấn tiết, không để rơi vào tay hải tặc, (Ảnh minh họa)

